

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SÔNG LAM TÂY BẮC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của dự án đầu tư

NHÀ MÁY PHÂN BÓN SÔNG LAM TÂY BẮC



Sơn La, tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SÔNG LAM TÂY BẮC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của dự án đầu tư

Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Như Hùng

Sơn La, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	1
2. Tên dự án đầu tư.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	2
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	2
3.2.1. Sản xuất phân hữu cơ.....	3
3.2.2. Quy trình sản xuất phân vô cơ.....	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	17
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	18
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	25
5.1. Vị trí địa lý của dự án.....	25
5.2. Các hạng mục công trình chính của dự án.....	26
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	28
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	28
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường....	28
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	29
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	29
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	29
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	30
1.3. Xử lý nước thải.....	30
1.3.1. Nước thải sinh hoạt.....	30
1.3.2. Nước thải sản xuất.....	31
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	31
2.1. Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ.....	31

2.1.1. Sơ đồ hệ thống.....	31
2.1.2. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải.....	38
2.1.3. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải.....	39
2.1.4. Thuyết minh công nghệ.....	41
2.2. Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ.....	42
2.2.1. Sơ đồ hệ thống.....	42
2.2.2. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải.....	47
2.2.3. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải.....	48
2.2.4. Thuyết minh công nghệ.....	48
2.4. Hệ thống xử lý khói thải lò hơi	49
2.4.1. Sơ đồ hệ thống.....	49
2.4.2. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải.....	51
2.4.3. Danh mục máy móc, thiết bị hệ thống xử lý khói thải lò hơi	51
2.4.4. Thuyết minh công nghệ.....	52
2.5. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục	52
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	59
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	59
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	59
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	59
1.3. Dòng nước thải	59
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	60
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	61
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	61
2.1. Nguồn phát sinh khí thải	61
2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất.....	62
2.3. Dòng khí thải	62
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	62
2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải	63
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	63

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	64
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	64
3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	64
4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	64
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.....	65
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	66
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	66
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	66
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	66
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	68
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	68
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	68
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	68
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	69
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	70
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	72
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	73

DANH MỤC VIẾT TẮT

CCN	: Cùm công nghiệp
CSSX	: Cơ sở sản xuất
CTR	: Chất thải rắn
GD	: Giai đoạn
HT	: Hệ thống
KCN	: Khu công nghiệp
KKT	: Khu kinh tế
TN&MT	: Tài nguyên và môi trường
TP	: Thành phố
TT	: Thị trấn
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ.....	4
Bảng 1.2. Định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu cho 1 tấn sản phẩm hữu cơ	6
Bảng 1.3. Thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ	12
Bảng 1.4. Định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu cho 1 tấn sản phẩm.....	15
Bảng 1.5. Các loại sản phẩm của dự án	17
Bảng 1.6. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phối trộn phân bón vô cơ.....	19
Bảng 1.7. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phối trộn phân bón hữu cơ.....	20
Bảng 1.8. Phụ tải tiêu thụ của Nhà máy.....	23
Bảng 1.9. Tọa độ các điểm khép góc khu vực thực hiện dự án	25
Bảng 3.1. Các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ.....	33
Bảng 3.2. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ	39
Bảng 3.3. Các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ	44
Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ	48
Bảng 3.5. Các thiết bị của hệ thống xử lý khói thải lò hơi.....	51
Bảng 3.6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm	53
Bảng 3.7. Các nội dung thay đổi.....	56
Bảng 4.1. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt đối với nguồn số 01, số 02, số 03, số 04	60
Bảng 4.2. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong nước thải sản xuất đối với nguồn số 05, số 06, số 07, số 08	61
Bảng 4.3. Tọa độ vị trí xả thải	61
Bảng 4.4. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong khí thải đối với nguồn	62
số 01, số 02.....	62
Bảng 4.5. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong khí thải đối với nguồn số 03, số 04.....	63

<i>Bảng 4.6. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung</i>	<i>64</i>
<i>Bảng 4.7. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn.....</i>	<i>64</i>
<i>Bảng 4.8. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất.</i>	<i>64</i>
<i>Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....</i>	<i>66</i>
<i>Bảng 5.2. Kế hoạch quan trắc trong thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....</i>	<i>66</i>
<i>Bảng 5.3. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....</i>	<i>69</i>

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ.....	3
Hình 1.2. Quy trình sản xuất phân bón vô cơ tạo hạt vê viên đĩa.....	7
Hình 1.3. Quy trình sản xuất phân bón vô cơ tạo hạt bằng hơi nước thùng quay....	8
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa.....	30
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải.....	30
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ.....	32
Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống quạt hút sấy 1 và ống khói.....	35
Hình 3.5. Hình ảnh hệ thống ống khói.....	36
Hình 3.6. Sơ đồ hệ thống hút bụi sấy 2, hút bụi nguội.....	37
Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống hút bụi sấy.....	38
Hình 3.8. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ.....	39
Hình 3.9. Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ.....	43
Hình 3.10. Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ.....	46
Hình 3.11. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ.....	47
Hình 3.12. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ.....	48
Hình 3.13. Hệ thống xử lý xử lý khói thải lò hơi.....	49
Hình 3.14. Hình ảnh hệ thống xử lý xử lý khói thải lò hơi.....	50
Hình 3.15. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý khói thải lò hơi.....	51
Hình 3.15. Kho chứa CTNH.....	54

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc.

- Địa chỉ văn phòng: Bản Xa Cấn, X.Mường Bon, H.Mai Sơn, T.Sơn La.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Như Hùng; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

- Điện thoại: 0913.252.378

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 5500634028, đăng ký lần đầu ngày 18/5/2021, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20/09/2022.

- Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh Sơn La quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư chấp thuận nhà đầu tư.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7245283615 do Sở Kế hoạch đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 27/6/2022, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/7/2022.

- Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Mai Sơn về việc phê duyệt tổng mặt bằng dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc do Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc làm chủ đầu tư; Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND huyện Mai Sơn về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Mai Sơn về việc phê duyệt tổng mặt bằng dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc do Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc.

2. Tên dự án đầu tư

Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 987/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND tỉnh Sơn La,

- Công văn số 889/SCT-QLCN ngày 03/6/2022 của Sở Công thương về thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án

Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc. (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Quy mô của dự án đầu tư: Dự án nhóm B.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Công suất của dự án đầu tư: 90.000 tấn/năm, bao gồm:

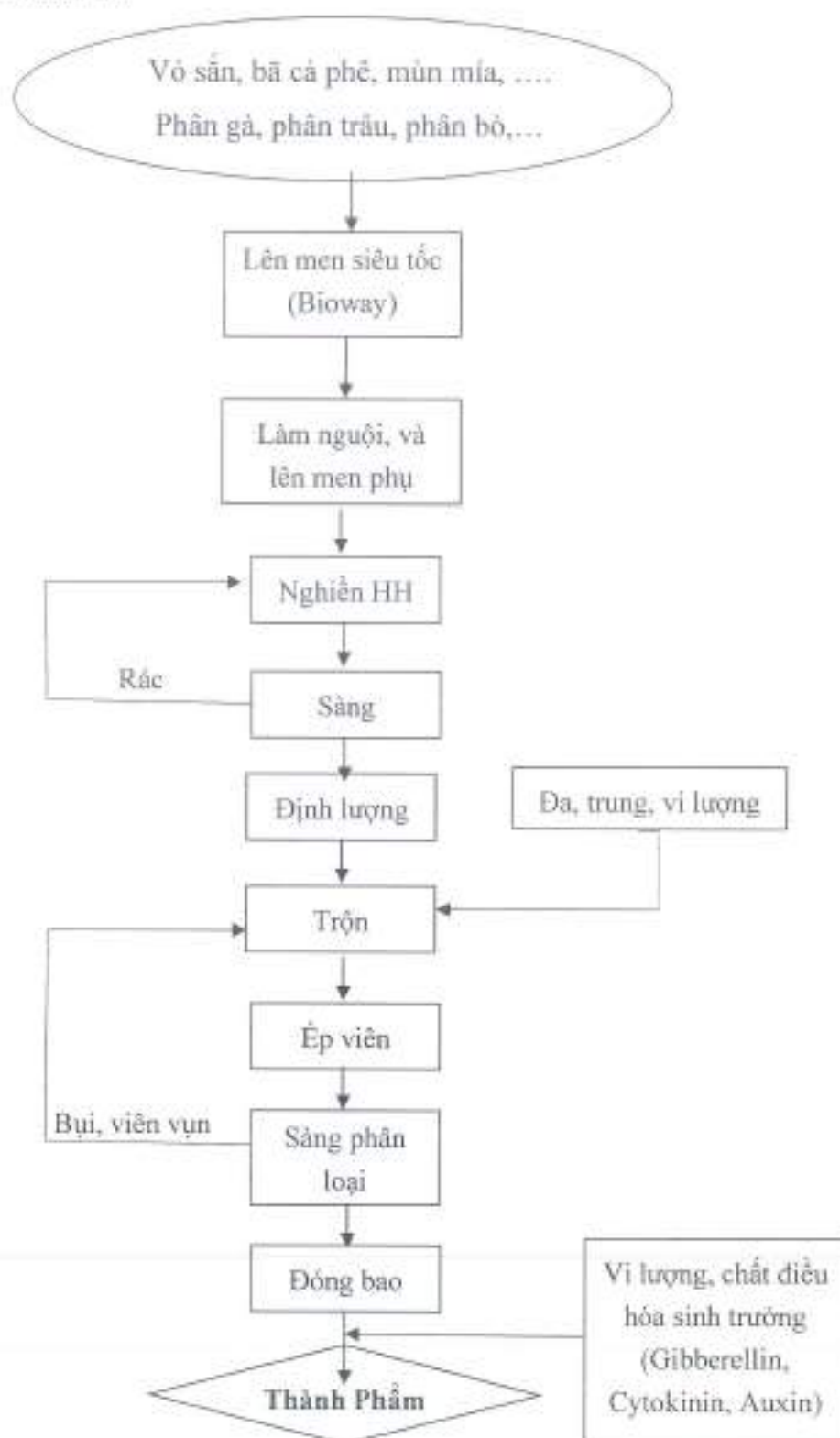
- Sản xuất phân bón hóa học (*còn gọi là phân bón vô cơ*) theo phương pháp phối trộn: 45.000 tấn/năm.
- Sản xuất nhóm phân bón hữu cơ: 45.000 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Tại dự án có tổng cộng 02 dây chuyền sản xuất phân bón:

- Dây chuyền sản xuất phân bón hóa học (*còn gọi là phân bón vô cơ*) theo phương pháp phối trộn, về viên tạo hạt công suất 45.000 tấn/năm.
- Dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ với công suất 45.000 tấn/năm.

3.2.1. Sản xuất phân hữu cơ



Hình 1.1. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Thuyết minh dây chuyền công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ:

- Công đoạn lên men, ủ hoai mục nguyên liệu: Nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ gồm phân bò, bã sắn, bã mía, vỏ cà phê ... được thu gom tại các nhà

máy chế biến sẵn, nhà máy đường đã được ép khô có độ ẩm từ 45-55% chở về nhà máy. Nguyên liệu được kiểm chuẩn đạt chuẩn không lẫn tạp chất mới được nhập vào nhà máy. Nguyên liệu được đưa vào hệ thống lên men siêu tốc khép kín, sử dụng chủng vi sinh cao nhiệt để xử lý nhanh trong vòng 6-12 giờ sẽ tạo mùn hữu cơ bán thành phẩm mà không phát sinh nước thải, khí thải, không phát sinh mùi, ruồi muỗi ra môi trường. Công suất lên men cao nhiệt siêu tốc 150 tấn/ngày.

- Công đoạn nghiền sàng phân Hữu cơ bán thành phẩm sau quá trình xử lý lên men siêu tốc Bioway: Nguyên liệu hữu cơ sau khi hoàn thành công đoạn lên men siêu tốc bằng chủng vi sinh vật trở thành phân bón hữu cơ vi sinh bán thành phẩm. Nguyên liệu sau khi được làm nguội bằng hệ thống cấp khí giúp tạo môi trường cho vi sinh vật tiếp tục phát triển và giảm độ ẩm. Sản phẩm được máy xúc lật đưa vào phễu liệu chuyển đến máy nghiền nhờ băng tải. Phân hữu cơ vi sinh sau nghiền được băng tải đưa vào máy sàng rung để sàng phân loại rác, nguyên liệu to không qua sàng rung được quay đầu nghiền lại. Phần bán thành phẩm qua sàng rung thì được băng tải chuyển ra vị trí chờ đi đóng bao và đi ép viên.

- Công đoạn phối trộn đóng bao tự động: Bán thành phẩm sau nghiền và sàng được đưa vào cụm cân định lượng bằng hệ thống băng tải. Tại khu vực phối trộn Phân bón Hữu cơ bán thành phẩm được được bổ sung thêm các thành phần N,P,K và các yếu tố vi lượng để sản xuất sản phẩm phân bón Hữu cơ vi sinh có chất lượng cao toàn bộ được chuyển vào thùng trộn. Thùng trộn quay đều làm cho bán thành phẩm tới đều rồi được băng tải đưa lên máy đóng bao tự động.

- Công đoạn ép viên và đóng bao tự động: Bán thành phẩm ở thùng trộn được đưa lên máy ép viên dạng đĩa (hạt được ép ra dạng đĩa). Sau đó được băng tải đưa lên sàng rung phân loại các hạt bụi. Sản phẩm sau sàng được đưa lên cân đóng bao tự động để đóng bao và phân phối ra thị trường.

Bảng 1.1. Thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ

TT	Vị số	Tên TB	Đặc tính kỹ thuật	SL (Cái)	Ghi chú
1	XL01	Xe xúc lật	Vgầu=2,3m ³	1	
2	V01	Bùn ke chứa liệu	V=5m ³	1	
3	L01	Băng tải đưa liệu lên máy nghiền	B=650	1	

TT	Vị số	Tên TB	Đặc tính kỹ thuật	SL (Cái)	Ghi chú
4	M01A/B	Máy nghiền	Q=13 tấn/h; N=55KW	2	
7	L02	Băng tải lên máy sàng	B=650	1	
8	X01	Máy sàng lồng 1 cấp phi 2000 x 6000	Q=28T/h; N=37Kw	1	
9	L03	Băng tải hồi lưu về máy nghiền	B=650	1	
10	L04	Băng tải dưới sàng lên cụm định lượng	B=650	1	
11	V02A/B/C/D	Bunke trên cụm định lượng	V=2m ³	3	
12	L05A/B/C/D	Băng tải định lượng hữu cơ - khoáng	B500; L=2m; N=2Kw	4	
13	L06	Băng tải lên máy trộn	B=650	1	
14	M02	Bồn chế men vi sinh	V=1m ³	1	
15	M03	Thùng trộn; □2000 x 6000	Q=15T/h; N=30Kw	1	
16	V03	Bunke chia liệu	V=5m ³	1	
17	L07	Băng tải lên cụm ép	B=650	1	
19	M05A/B/C/D	Máy ép viên	Q= 3,5 tấn/h; N=22Kw	4	
20	L08	Băng tải ra liệu vụn đồng	B=650	1	
21	X02	Máy sàng lồng 1 cấp	Q=15tấn/h; N=15Kw	1	
22	L08	Băng tải lên cân	B=650	1	
23	Q01	Hệ thống cân băng định lượng	Q=15 tấn/h	1	
24		Thiết bị xử lý Hữu cơ, lên men nhiệt độ cao	Q =25T	4	

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

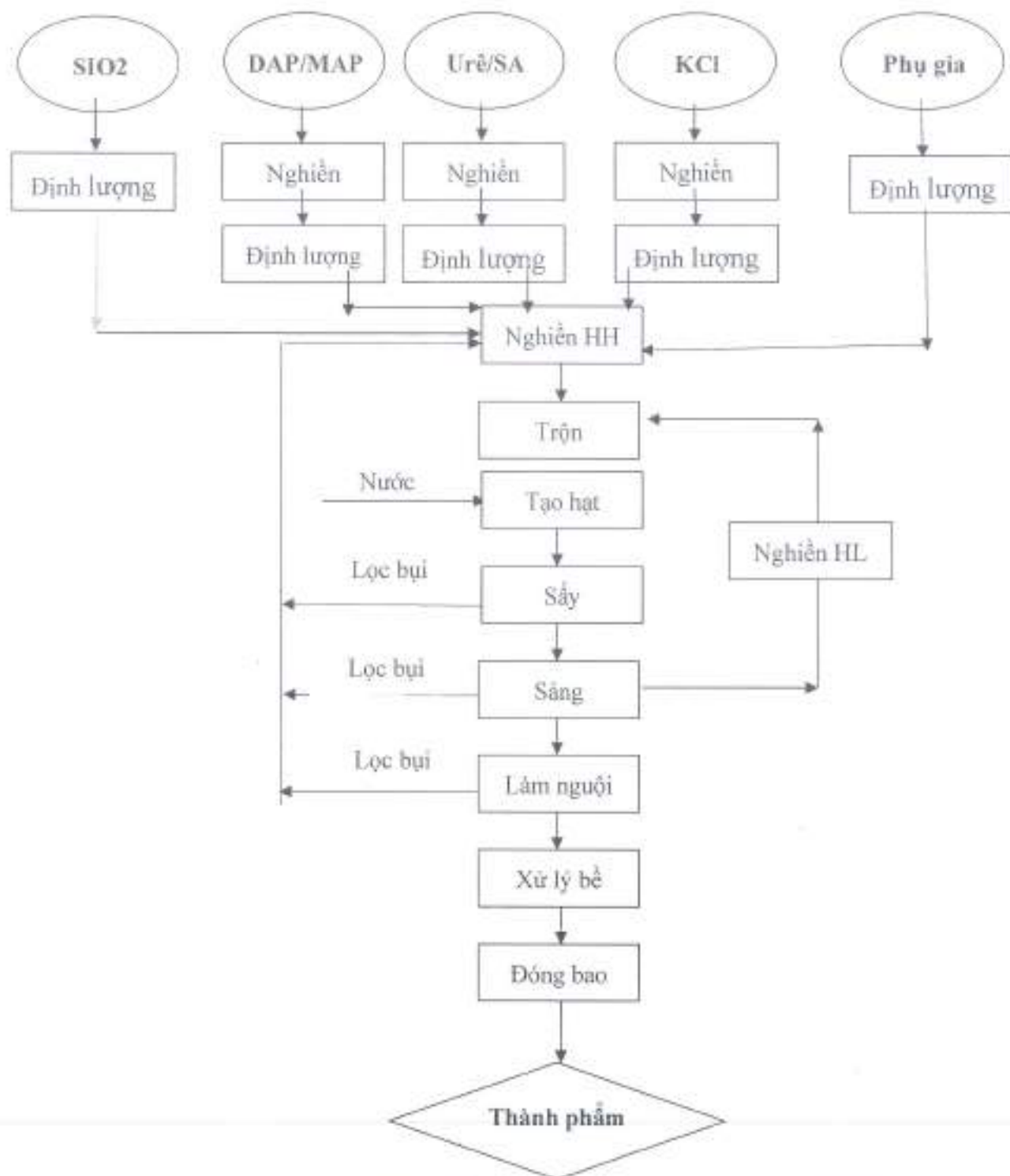
Bảng 1.2. Định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu cho 1 tấn sản phẩm hữu cơ

TT	Loại phân	Nguyên liệu	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Định mức
I	Phân hữu cơ	Bã mía	Hỗn hợp tự nhiên	Kg	325
		Bã cà phê	Hỗn hợp tự nhiên	Kg	130
		Vỏ sắn	Hỗn hợp tự nhiên	Kg	130
		Lõi ngô	Hỗn hợp tự nhiên	Kg	130
		Phân bò	Hỗn hợp tự nhiên	Kg	390
		Phân gà	Hỗn hợp tự nhiên	Kg	195
II	Chi phí khác cho 1 tấn SP				
1	Điện			Kwh	35
2	Bao bì bao 25kg			Cái	20,2
3	Chi khâu			Kg	0,015
4	Dầu mỡ bôi trơn các loại			Lít	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

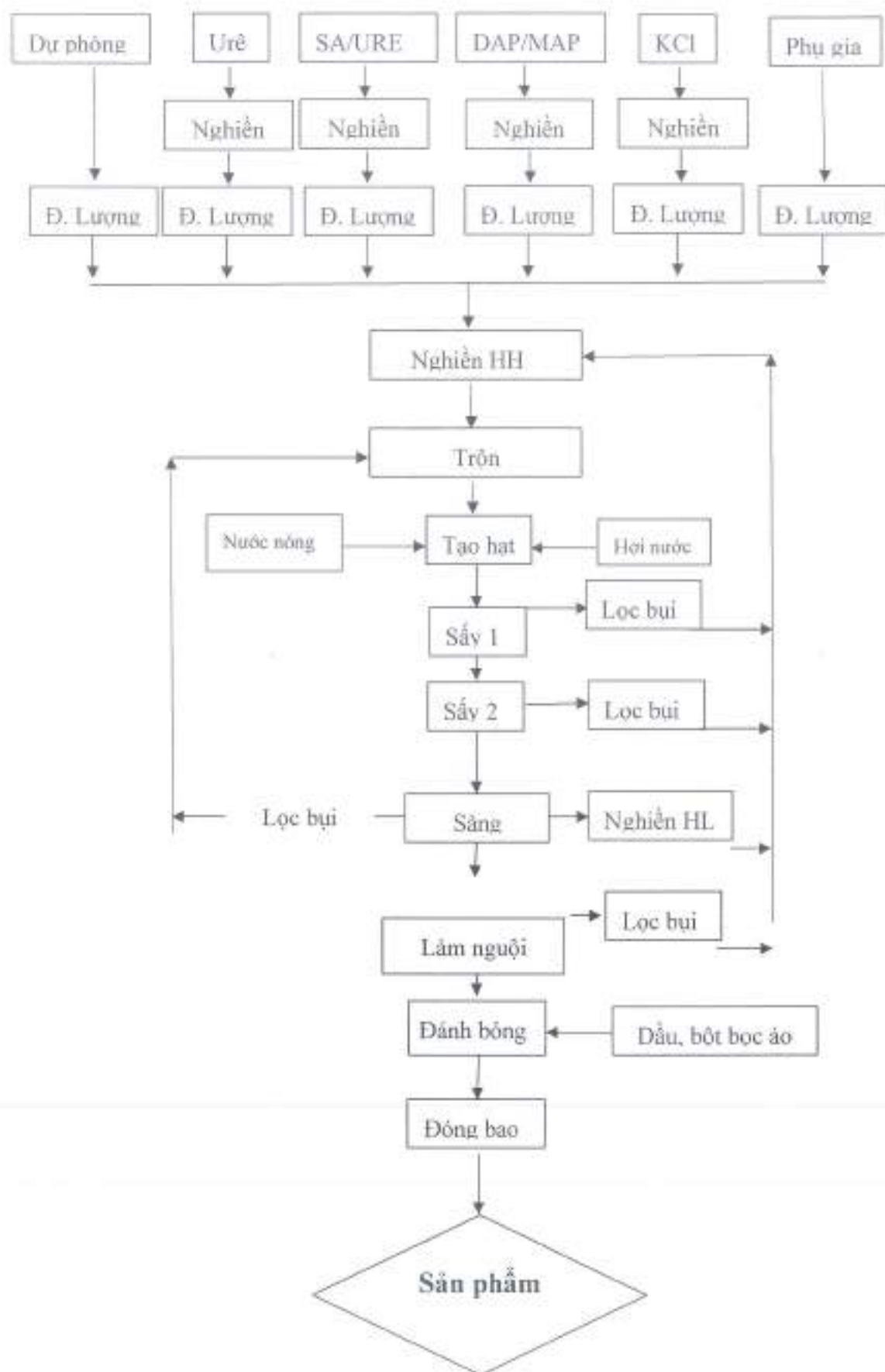
3.2.2. Quy trình sản xuất phân vô cơ

Công ty đã lựa chọn dây chuyền sản xuất kết hợp giữa phương pháp tạo hạt bằng vôi viên đĩa và phương pháp tạo hạt bằng vôi viên thùng quay sử dụng hơi nước để sản xuất phân bón Vô cơ được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 1.2. Quy trình sản xuất phân bón vô cơ tạo hạt vê viên đĩa

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sóng Lam Tây Bắc, 2023)



Hình 1.3. Quy trình sản xuất phân bón vô cơ tạo hạt bằng hơi nước thùng quay
 (Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Thuyết minh dây chuyền công nghệ sản xuất phân bón Vô cơ:

Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ dạng hạt có thể chia làm 4 công đoạn chính:

CD1: Công đoạn gia công và chuẩn bị nguyên liệu.

CD2: Công đoạn trộn nguyên liệu.

CD3: Công đoạn về viên tạo hạt.

CD4: Công đoạn sấy, làm nguội, sàng phân loại và đóng bao sản phẩm.

- Công đoạn gia công và chuẩn bị nguyên liệu

Nguồn cung cấp nguyên liệu các loại: Urea, Diamonphosphate, Kaliclorur, Amonsulphate, MKP, MAP là nhập ngoại. Có thể nhập trực tiếp hoặc thông qua các doanh nghiệp nhập khẩu phân bón được nhà nước cho phép.

Các loại super phosphate, Phosphate Calcium Magnesium, Dolomit, Diatomit, trung lượng dạng bột, hạt nhỏ bao gồm: Ca, Mg, S..., vi lượng như: Fe, Cu, Bo, ..., than bùn, đất màu, phân bò, phân lợn, phân gà, ... được hoạt hóa. Phân bón sinh học nguyên liệu acid amine, rong biển, fluvic acid, humic acid, vi sinh vật, ... Mua tại các doanh nghiệp trong nước.

Nguyên liệu ban đầu vào chủ yếu tồn tại ở dạng hạt và phụ gia tồn tại ở dạng bột mịn được băng tải đưa vào các phễu chứa liệu riêng biệt.

Phụ gia dạng bột mịn được đưa tới băng tải định lượng vị số L06B, L04B bởi băng tải vị số L04A, L06 thông qua bunke chứa V04B, V06B. Nguyên liệu MAP(DAP), SA, KCl, Ure dạng hạt sẽ được các băng tải vị số L01A, L02A & L03A đưa đến máy nghiền vị số B01, B02 & B03. Nguyên liệu sau khi nghiền đến kích cỡ yêu cầu ($< 2\text{mm}$) đưa đến băng tải định lượng vị số: L01C, L02C/D và L03C/D để cân nguyên liệu theo đúng công thức phối trộn thông qua bunke chứa trung gian V01B, V02B/C, V03B/C.

Từ đây nguyên liệu được băng tải vị số L07A nâng lên đưa vào thiết bị nghiền nguyên liệu vị số M01. Để linh hoạt trong sản xuất, đáp ứng được yêu cầu về sản suất NPK có hàm lượng và tỷ lệ dinh dưỡng khác nhau, dây chuyền bố trí 01 đường dẫn supe lân dạng bột mịn được đưa tới băng tải định lượng vị số L05B bởi băng tải vị số L05B thông qua bunke chứa V05B. Khi công thức phối trộn nguyên liệu thay đổi theo yêu cầu của sản phẩm, các cầu từ bổ sung được đưa vào theo đường dẫn này.

Do quá trình chuẩn bị nguyên liệu có phát sinh bụi nên lắp đặt đường hút bụi đi qua hệ thống xyclon chùm 6 vị số D04 để thu bụi và qua tháp hấp thụ vị T04 (Rửa khí) để xử lý bụi, đạt Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học – QCVN21:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường; Tổng chiều cao tháp hấp thụ và ống khói $\geq 15\text{m}$. Lắp đặt vị trí lấy mẫu và quan trắc khí thải tại vị trí ống khói tiếp giáp với đỉnh tháp hấp thụ (Có hệ thống thang và sàn lấy mẫu).

- Công đoạn trộn nguyên liệu:

Nguyên liệu từ khâu chuẩn bị nguyên liệu cùng với nguyên liệu thu hồi từ các xyclon tách bụi được đưa vào thiết bị phối trộn thùng quay vị số M03 khi chạy phân bón có hàm lượng dinh dưỡng $> 40\%$ và được thiết bị vệ viên đĩa thùng quay vị số M02A/B khi chạy phân bón có hàm lượng dinh dưỡng $< 40\%$. Tại đây, dưới tác dụng của lực ly tâm và trọng lực nguyên liệu được trộn đều vào nhau.

Do quá trình trộn nguyên liệu có phát sinh bụi nên lắp đặt đường hút bụi đi qua bụi xyclon chùm 6 vị số D04 để thu bụi và qua tháp hấp thụ vị T04 (Rửa khí) để xử lý bụi, đạt Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học – QCVN21:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường; Tổng chiều cao tháp hấp thụ và ống khói $\geq 15\text{m}$. Lắp đặt vị trí lấy mẫu và quan trắc khí thải tại vị trí ống khói tiếp giáp với đỉnh tháp hấp thụ (Có hệ thống thang và sàn lấy mẫu).

- Công đoạn vệ viên tạo hạt:

Hỗn hợp nguyên liệu sau khi đã trộn đều được đưa xuống băng tải vị số L08, L09 đưa vào máy vệ viên đĩa vị số M02A/B (hoặc vệ viên thùng quay vị số M03). Tại đây, ta cấp nước ở dạng mù đối với thiết bị vệ viên đĩa và cấp nước nóng và hơi nước đối với vệ viên thùng quay cho quá trình tạo hạt vô cơ với mục đích để tạo độ ẩm thích hợp và tăng độ kết dính cho nguyên liệu.

Dưới tác dụng của lực ly tâm, trọng lực của các nguyên liệu, các hạt vô cơ được hình thành. Tỷ lệ các hạt vô cơ đạt kích thước yêu cầu (2 - 4 mm) vào khoảng 45 - 50%. Tất cả các hạt vô cơ sau khi hình thành được băng tải vị số L10 và L11 đưa vào thiết bị sấy thùng quay vị số M04.

- Công đoạn sấy, làm nguội, sàng phân loại và đóng bao sản phẩm:

+ Công đoạn sấy nguyên liệu

Phân vô cơ bán thành phẩm ra từ thiết bị vệ viên tạo hạt có độ ẩm khoảng 8-10 % được đưa vào máy sấy thùng quay vị số M04. Tại đây nhờ dòng khí sấy thổi cùng chiều với dòng bán thành phẩm có hàm lượng đạm thấp và dưới tác

dụng quay kết hợp với cánh đảo của máy sấy thùng quay, độ ẩm của phân vô cơ sẽ giảm xuống 2-4 % và có nhiệt độ 80 - 90°C khi ra khỏi máy sấy thùng quay. Khi sấy bán thành phẩm có hàm lượng đạm cao thời gian sấy sản phẩm dài hơn khi đó dòng bán thành phẩm được đưa qua thiết bị sấy M04 và M05 độ ẩm của phân vô cơ sẽ giảm xuống 2-3%, có nhiệt độ 70-80°C khi ra khỏi máy sấy thùng quay. Dòng bán thành phẩm được gầu nâng vị số GT02 và Băng tải vị số L12, L13 đưa vào hệ thống sàng lồng phân loại vị số X01.

Sử dụng lò đốt than vị số E01&E02 để cung cấp khí nóng cho hệ thống sấy.

Quạt hút đưa dòng khí sấy ra khỏi thiết bị sấy thùng quay chứa rất bụi được đưa qua xyclon tách bụi chùm 6 vị số D01, D02 (Để thu bụi) và qua tháp hấp thụ vị T01&T02 (để rửa khí). Lượng bụi thu hồi được các băng chuyền đưa vào thiết bị nghiền vị số M01, còn khí sau khi tách bụi, rửa khí được phóng không, đạt Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học – QCVN21:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường. Tổng chiều cao tháp hấp thụ và ống khói $\geq 15\text{m}$. Lắp đặt vị trí lấy mẫu và quan trắc khí thải tại vị trí ống khói tiếp giáp với đỉnh tháp hấp thụ (Có hệ thống thang và sàn lấy mẫu).

Do lò đốt sử dụng than nên trong khí sấy có thành phần lưu huỳnh, vì vậy hệ thống nước cấp rửa khí cho tháp hấp thụ được bổ sung sữa vôi để đảm bảo nước sử dụng rửa khí luôn luôn có $\text{PH} \geq 9$. Việc kiểm tra độ PH của nước rửa khí (tuần hoàn) được kiểm tra thường xuyên tối thiểu 2 lần/ca; Nếu $\text{PH} \leq 9$ thì phải bổ sung thêm sữa vôi.

Lượng nước rửa khí có thành phần các chất rắn được thông qua hệ thống bể lắng; Nước lắng sơ bộ được bơm tuần hoàn lại để rửa khí; Lượng cặn tại bể lắng theo định kỳ được thu gom và đem làm phụ gia và chất độn cho dây chuyền phân hữu cơ.

+ Công đoạn sàng nguyên liệu (dạng sàng lồng):

Phân vô cơ bán thành phẩm tiếp tục được đưa vào hệ thống 2 sàng phân loại vị số X01 với 2 cấp lưới. Cấp lưới 1 dài 3m có kích thước mắt sàng là 4,5mm, cấp lưới 2 dài 3m có kích thước mắt sàng là 2mm. Các hạt vô cơ có kích thước lớn hơn 4mm được giữ lại trong sàng lồng và chuyển sang hệ thống máy nghiền lồng hồi lưu B04 để nghiền nhỏ và được băng tải vị số L15 tuần hoàn trở lại thiết bị thiết bị nghiền vị số M01. Các hạt có kích thước nhỏ hơn 2 mm thì rơi xuống dưới mắt sàng cấp lưới 1 và cũng được các băng tải vị số L07 tuần hoàn về lại thiết bị nghiền

vị số M01. Còn lại các hạt đạt kích thước đạt yêu cầu từ 2-4 mm qua cấp lưới 2 đưa đến thiết bị làm nguội vị số M06 bởi gầu tải vị số GT02.

Do quá trình sàng sản phẩm có phát sinh bụi nên lắp đặt đường hút bụi đi qua bụi xyclon chùm 6 vị số D04 để thu bụi và qua tháp hấp thụ vị T04 (Rửa khí) để xử lý bụi, đạt Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học – QCVN21:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường; Tổng chiều cao tháp hấp thụ và ống khói $\geq 15\text{m}$. Lắp đặt vị trí lấy mẫu và quan trắc khí thải tại vị trí ống khói tiếp giáp với đỉnh tháp hấp thụ (Có hệ thống thang và sàn lấy mẫu).

+ Công đoạn làm nguội

Phân vô cơ đạt kích thước theo yêu cầu (2-4 mm) có nhiệt độ từ 70-80°C và độ ẩm 2-4% được đưa và thiết bị làm nguội thùng quay vị số M06. Không khí được quạt hút hút ngược chiều với dòng vô cơ và làm hạ nhiệt độ của sản phẩm xuống còn 35°C. Cùng với việc làm nguội, tại đây độ ẩm của sản phẩm tiếp tục giảm xuống còn 1,5-2%. Sản phẩm sau đó được băng tải vị số L16, L17 đưa vào thiết bị đánh bóng. Trong làm nguội có tích hợp thêm sàng để loại bụi nhỏ.

Khí lẫn bụi trong quá trình làm nguội được đi qua xyclon chùm 6 vị số D03 (Thu bụi) và tháp hấp thụ vị T03 (Rửa khí) để xử lý khí, đạt Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học – QCVN21:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

+ Công đoạn đánh bóng

Tại thiết bị đánh bóng vị số M06, sản phẩm được bọc một lớp áo làm bóng bằng nguyên liệu mịn từ bunke chứa vị số V11, màu sắc nguyên liệu bọc áo chính là yếu tố quyết định đến màu sắc cuối cùng của sản phẩm. Sản phẩm sau khi được làm bóng được băng tải vị số L19 đưa qua hệ thống đóng bao sản phẩm.

+ Công đoạn đóng bao sản phẩm

Sản phẩm được đưa qua hệ thống cân định lượng vị số Q01, đóng bao và may bao. Các thành phẩm sau đó được xe nâng vận chuyển đưa vào kho chứa trước khi được vận chuyển đi tiêu thụ.

Các loại vi lượng có thể được bổ sung tùy theo yêu cầu của khách hàng.

Bảng 1.3. Thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ

TT	Vị số	Tên gọi	Quy cách mã hiệu	Đơn vị	Số lượng
1	V01A/B	Bunke chứa liệu KCL;	V = 2m ³	Cái	2

TT	Vị số	Tên gọi	Quy cách mã hiệu	Đơn vị	Số lượng
		SUS304			
2	V02A/B/C	Bunke chứa liệu SA/ URE; SUS304	$V = 2m^3$	Cái	3
3	V03A/B/C	Bunke chứa liệu DAP/ MAP; SUS304	$V = 2m^3$	Cái	3
4	V04A/B	Bunke chứa liệu SiO ₂ ; SUS304	$V = 2m^3$	Cái	2
5	V05A/B	Bunke chứa liệu supe lân; SUS304	$V = 2m^3$	Cái	2
6	V06A/B	Bunke chứa liệu phụ trợ; SUS304	$V = 2m^3$	Cái	2
7	L01A	Băng tải vận chuyển KCL số 1	B=650, L=16 m, N=5,5kW	Cái	1
8	L02A	Băng tải vận chuyển SA/URE số 1	B=650, L=16 m, N=5,5kW	Cái	1
9	L03A	Băng tải vận chuyển DAP/MAP số 1	B=650, L=16 m, N=5,5kW	Cái	1
10	L04A	Băng tải vận chuyển SiO ₂	B=650, L=13,6 m, N=4,0kW	Cái	1
11	L05A	Băng tải vận chuyển Supe lân	B=650, L=13,6 m, N=4,0kW	Cái	1
12	L06A	Băng tải vận chuyển nguyên liệu phụ trợ	B=650, L=13,6 m, N=4,0kW	Cái	1
13	B01	Máy nghiền lồng KCL	Q = 6T/h, N=45x2kW	Cái	1
14	B02	Máy nghiền lồng SA	Q = 6T/h, N=45x2kW	Cái	1
15	B03	Máy nghiền lồng DAP/MAP	Q = 6T/h, N=45x2kW	Cái	1
16	L01B	Băng tải vận chuyển KCL số 2	B=650, L=7,1m, N=4,0kW	Cái	1
17	L02B	Băng tải vận chuyển SA/URE số 2	B=650, L=7,1m, N=4,0kW	Cái	1
18	L03B	Băng tải vận chuyển	B=650, L=7,1m, N=4,0kW	Cái	1

TT	Vị số	Tên gọi	Quy cách mã hiệu	Đơn vị	Số lượng
		DAP/MAP số 2			
19	L04B	Băng tải định lượng SiO ₂	B500, L=2m, N=1,5kW	Cái	1
20	L05B	Băng tải định lượng Supe lân	B500, L=2m, N=1,5kW	Cái	1
21	L06B	Băng tải định lượng nguyên liệu phụ trợ	B500, L=2m, N=1,5kW	Cái	1
22	L01C	Băng tải định lượng KCL	B500, L=2m, N=1,5kW	Cái	1
23	L02C/D	Băng tải định lượng SA/ URE	B500, L=2m, N=1,5kW	Cái	2
24	L03C/D	Băng tải định lượng DAP/ MAP	B500, L=2m, N=1,5kW	Cái	2
25	L07A	Băng tải lên máy nghiền búa xích	B=650, L=26,5m, N=4,0kW	Cái	1
26	M01	Máy nghiền búa xích	Q= 30T/h; N=75kW	Cái	1
27	L08	Băng tải dưới máy nghiền búa xích	B=650, L=21.8m, N=5,5kW	Cái	1
28	L09	Băng tải lên vè viên đĩa	B=650, L=6.8m, N=2,2kW	Cái	1
29	M02A/B	Máy vè viên đĩa	Q=15T/h, N=37kW	Cái	2
30	M03	Thùng trộn	Ø2m, L=6m, N=15kW	Cái	1
31	L10	Băng tải lên máy sấy 1	B=650, L=33,7 m, N=7,5kW	Cái	1
32	L11	Băng tải dưới vè viên đĩa	B=650, L=10m, N=2,2kW	Cái	1
33	M04	Máy sấy thùng quay 1	Q=28T/h, Ø2,4m, N=90kW	Cái	1
34	M05	Máy sấy thùng quay 2	Q=25T/h, Ø2,2m, N=75kW	Cái	1
35	L12	Băng tải dưới sấy 2	B=650, L= 3 m, N=1,5kW	Cái	1
36	L13	Băng tải lên sàng 2 cấp	B=650, L=25,6 m, N=5,5kW	Cái	1
37	GT01	Gầu nâng 1	H=8,6m; N=11kW; Q _{max} =30 tấn/h	Cái	1
38	X01	Máy sàng quay 2 cấp	Q=28t/h; N=30kW; Ø2200; L=6000	Cái	1

TT	Vị số	Tên gọi	Quy cách mã hiệu	Đơn vị	Số lượng
39	GT02	Gầu nâng 2	H=8,6m; N=7,5kW; Q _{max} =20 tấn/h	Cái	1
40	M06	Máy làm nguội thùng quay	Q=15T/h; N=37kW; Ø=2,2m; L=20m	Cái	1
46	M07	Máy đánh bóng hạt	Ø1600x10xL6000; N=22kW	Cái	1
47	V11	Bunke bột bọc áo	V = 1,3m ³	Cái	1
48	L18	Vít phân phối bột bọc áo	Q=80-250kg/h; N=0,25kW	Cái	1
49	V12	Bồn chứa dầu bọc áo	V=3m ³ , Ø1600, H=2500	Cái	1
50	P01A/B	Bơm dầu bọc áo	N=0,37kW, Q=0-300l/h; P=70mH O	Cái	2
52	Q01	Hệ thống đóng bao & cân băng định lượng	Q=8-10T/h; 25-50kg/bao; N1=0,5kW; N2=2,2kW	Cái	2
53	D01;02;03	Xyclon chùm 6 Ø750	SS400	Cái	3
54	D04	Xyclon chùm 4 Ø600	SS400	Cái	1
61	E01	Lò đốt than	F=7m ²	Cái	1
64	E02	Lò đốt than	F=7m ²	Cái	1
65	T01A/B/C/D	Tháp hấp thụ đường kính phi2000x10000		Cái	3
66	P01A/B/C/D/E/F	Bơm hấp thụ công suất	Q=30m ³ /h; H=25mH ₂ O	Cái	6
67		Nhà nổi hơi & trạm nước khử khoáng	Q=2 Tấn/h	Hệ	1
68		Băng tải di động B500	L=11m; N=7,5kW	cái	2

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Bảng 1.4. Định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu cho 1 tấn sản phẩm

Dòng sản phẩm NPK 5-10-3:

TT	Nguyên nhiên vật liệu	Thông số kĩ thuật	Đơn vị	Định mức
1	SA	(20,5%N-quy khô); có độ ẩm± 2%	Tấn	0,085

TT	Nguyên nhiên vật liệu	Thông số kĩ thuật	Đơn vị	Định mức
2	MAP	(10%N; 52%P ₂ O ₅ - quy khô); có độ ẩm ± 2%	Tấn	0,2
3	KCl	(60%K ₂ O-quy khô); có độ ẩm ± 2%	Tấn	0,05
4	Ure	(46%N-quy khô); có độ ẩm ± 2%	Tấn	0,025
5	SiO ₂	(18%S-quy khô, 45% K ₂ O); có độ ẩm ± 2% Dạng bột mịn	Tấn	0,1
6	Phụ gia (Caolan)	Có độ ẩm ± 1%	Tấn	0,63
7	Than 4B dùng cho sấy	Nhiệt trị± 7000Kcal/kg	kg	100
8	Dầu FO dùng cho nổi hơi	Nhiệt trị ±10900Kcal/kg	lít	10
9	Bao bì (PP trong trắng PE)	Loại 50kg	Cái	20,2
10	Chi khâu bao		Kg	0,015
11	Nước công nghiệp		m ³	0,391
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nước bổ sung cho bể hấp thụ cấp cho tạo hạt			0,048
	- Nước khác,			0,295
12	Điện		kWh	67
13	Dầu bọc áo (dầu thực vật...)		kg	1,5
14	Dầu mỡ bôi trơn các loại		Lít	1

Đòng sản phẩm NPK 12-5-10:

TT	Nguyên nhiên vật liệu	Thông số kĩ thuật	Đơn vị	Định mức
1	SA	(20,5%N-quy khô); có độ ẩm± 2%	Tấn	0,47
2	MAP	(10%N; 52%P ₂ O ₅ - quy khô); có độ ẩm ± 2%	Tấn	0,1
3	KCl	(60%K ₂ O-quy khô); có độ ẩm ±	Tấn	0,17

TT	Nguyên nhiên vật liệu	Thông số kĩ thuật	Đơn vị	Định mức
		2%		
4	Ure	(46%N-quy khô); có độ ẩm $\pm 2\%$	Tấn	0,025
5	SiO ₂	(18%S-quy khô, 45% K ₂ O); có độ ẩm $\pm 2\%$ Dạng bột mịn	Tấn	0,1
6	Phụ gia (Caolan)	Có độ ẩm $\pm 1\%$	Tấn	0,63
7	Than 4B dùng cho sấy	Nhiệt trị $\pm 7000\text{Kcal/kg}$	kg	100
8	Dầu FO dùng cho nồi hơi	Nhiệt trị $\pm 10900\text{Kcal/kg}$	lít	10
9	Bao bì (PP trong tráng PE)	Loại 50kg	Cái	20,2
10	Chỉ khâu bao		Kg	0,015
11	Nước công nghiệp		m ³	0,391
	Trong đó:			
	- Nước bổ sung cho bể hấp thụ cấp cho tạo hạt			0,048
	- Nước khác.			0,295
12	Điện		kWh	67
13	Dầu bọc áo (dầu thực vật...)		kg	1,5
14	Dầu mỡ bôi trơn các loại		Lít	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Bảng 1.5. Các loại sản phẩm của dự án

TT	Tên sản phẩm	Khối lượng (tấn)
1	Phân bón vô cơ (B,V,H)	45.000
1	Phân bón vô cơ hỗn hợp (NPK, NP, NK, PK) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.	25.0000
2	Phân bón đa lượng-trung lượng (NPK-trung lượng, NP-trung lượng, NK-trung lượng, PK-trung lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	3.000

TT	Tên sản phẩm	Khối lượng (tấn)
3	Phân bón hỗn hợp-vi lượng (NPK-vi lượng, NP-vi lượng, NK-vi lượng, PK-vi lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	3.000
4	Phân bón đa lượng-trung lượng-vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	1.000
5	Phân bón trung lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	1.000
6	Phân bón vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	1.000
7	Phân bón vô cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	8.000
8	Phân bón vô cơ đơn và phân bón vô cơ phức hợp	3.000
II	Phân bón hữu cơ (B,V,H,L)	45.000
1	Phân bón hữu cơ có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	30.000
2	Phân bón hữu cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng	15.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Nguồn cung cấp nguyên liệu các loại: Urea, Diamonphosphate, Kaliclorur, Amonsulphate, MKP, MAP, chất điều hòa sinh trưởng (Auxin, Gibberellin, Cytokinin ...) là nhập ngoại. Có thể nhập trực tiếp hoặc thông qua các doanh nghiệp nhập khẩu phân bón được nhà nước cho phép (Công ty CP Hóa chất và Công nghệ Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Long Hưng, Công ty CP Phân bón Hà Lan,...).

Các loại super phosphate, Phosphate Calcium Magnesium, Dolomit, Diatomit, trung lượng dạng bột, hạt nhỏ bao gồm: Ca, Mg, S..., vi lượng như: Fe, Cu, Bo,..., than bùn, phân bò, phân lợn, phân gà, đất màu, ... được hoạt hóa. Phân bón sinh học nguyên liệu acid amine, rong biển, fluvic acid, humic acid, vi

sinh vật, đất hiếm.... mua tại các doanh nghiệp trong nước (Công ty CP Hóa chất và Công nghệ Hà Nội, Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang,...).

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phối trộn phân bón vô cơ được thể hiện như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phối trộn phân bón vô cơ

TT	Tên nguyên, nhiên liệu và hóa chất	Công thức	Trạng thái	Số lượng (tấn/năm)	Nguồn cung cấp
1	Urea	$\text{CO}(\text{NH}_2)_2$	Bột/hạt/viên	10.000	Việt Nam
2	Amoni sunfat	$(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$	Bột/hạt/viên	2.000	
3	Kali clorua	KCl	Bột/hạt/viên	7.000	
4	DAP	$(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$	Bột/hạt/viên	5.000	
5	Canxi nitrat	$\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$	Bột/hạt/viên	100	
6	Magie clorua	MgCl_2	Bột/hạt/viên	100	
7	Kali nitrat	KNO_3	Bột/hạt/viên	2000	
8	SA	$(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$	Bột/hạt/viên	3.000	
9	MAP	$(\text{NH}_4)\text{H}_2\text{PO}_4$	Bột/hạt/viên	500	
10	Kali sulfate	K_2SO_4	Bột/hạt/viên	1.000	
11	Magie nitrat	$\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$	Bột/hạt/viên	100	
12	Canxi clorua	CaCl_2	Bột/hạt/viên	100	
13	Lân nung chảy	$\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$	Bột/hạt/viên	8.000	
14	Kẽm clorua	ZnCl_2	Bột/hạt/viên	80	
15	MKP	KH_2PO_4	Bột/hạt/viên	400	
16	Canxi sunfate	CaSO_4	Bột/hạt/viên	50	
17	Lưu huỳnh	S	Bột/hạt/viên	30	
18	Silic	SiO_2	Bột/hạt/viên	50	
19	Magie sunfate	MgSO_4	Bột/hạt/viên	30	
20	Kẽm sunfate	ZnSO_4	Bột/hạt/viên	30	
21	Đồng II sunfate	CuSO_4	Bột/hạt/viên	30	
22	Mangan sunfate	MnSO_4	Bột/hạt/viên	100	
23	Sắt II sunfate	FeSO_4	Bột/hạt/viên	20	
24	Chất hữu cơ		Bột/hạt/viên/lớn	5.000	

TT	Tên nguyên, nhiên liệu và hóa chất	Công thức	Trạng thái	Số lượng (tấn/năm)	Nguồn cung cấp
			g		
25	Các chất sinh học (axit humic, axit fulvic, axit amin, vi sinh vật,)	-	Bột/hạt/viên	100	
26	Các chất điều hoà sinh trưởng (Gibberellin, Cytokinin, Auxin,...)	-	Bột/hạt/viên	10	
27	Chất phụ gia	-	-	170	
Tổng cộng				45.000	

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sóng Lam Tây Bắc, 2023)

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phối trộn phân bón hữu cơ được thể hiện như sau:

Bảng 1.7. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phối trộn phân bón hữu cơ

TT	Tên nguyên, nhiên liệu và hóa chất	Công thức	Trạng thái	Số lượng (tấn/năm)	Nguồn cung cấp
1	Chất hữu cơ (Than bùn, đất màu, phân gà ủ hoai, phân chuồng, bã sắn, bã mía, vỏ cà phê, ...)		Bột/hạt/viên	80.000	Việt Nam
2	Urea	$\text{CO}(\text{NH}_2)_2$	Bột/hạt/viên	1.100	
3	Amoni sunfat	$(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$	Bột/hạt/viên	10	
4	Kali clorua	KCl	Bột/hạt/viên	500	
5	DAP	$(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$	Bột/hạt/viên	300	
6	Canxi nitrat	$\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$	Bột/hạt/viên	10	
7	Magie clorua	MgCl_2	Bột/hạt/viên	10	
8	Kali nitrat	KNO_3	Bột/hạt/viên	30	
9	SA	$(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$	Bột/hạt/viên	50	
10	MAP	$(\text{NH}_4)_2\text{H}_2\text{PO}_4$	Bột/hạt/viên	10	

TT	Tên nguyên, nhiên liệu và hóa chất	Công thức	Trạng thái	Số lượng (tấn/năm)	Nguồn cung cấp
11	Kali sulfate	K_2SO_4	Bột/hạt/viên	100	
12	Magie nitrat	$Mg(NO_3)_2$	Bột/hạt/viên	10	
13	Canxi clorua	$CaCl_2$	Bột/hạt/viên	80	
14	Lân nung chảy	$Ca(H_2PO_4)_2$	Bột/hạt/viên	2000	
15	Kẽm clorua	$ZnCl_2$	Bột/hạt/viên	10	
16	MKP	KH_2PO_4	Bột/hạt/viên	50	
17	Canxi sunfate	$CaSO_4$	Bột/hạt/viên	30	
18	Lưu huỳnh	S	Bột/hạt/viên	50	
19	Silic	SiO_2	Bột/hạt/viên	30	
20	Magie sunfate	$MgSO_4$	Bột/hạt/viên	30	
21	Kẽm sunfate	$ZnSO_4$	Bột/hạt/viên	30	
22	Đồng II sunfate	$CuSO_4$	Bột/hạt/viên	10	
23	Mangan sunfate	$MnSO_4$	Bột/hạt/viên	20	
24	Sắt II sunfate	$FeSO_4$	Bột/hạt/viên	10	
25	Các chất sinh học (axit humic, axit fulvic, axit amin, vi sinh vật, ...)	-	Bột/hạt/viên	500	
26	Phụ gia			10	
27	Các chất điều hoà sinh trưởng (Gibberellin, Cytokinin, Auxin...)	-	Bột/hạt/viên	10	
Tổng cộng				85.000	

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Mức tiêu thụ nguyên liệu ở nhà máy có sự chênh lệch với lượng sản phẩm do nguyên liệu thất thoát trong quá trình sản xuất (chủ yếu là do độ ẩm nguyên liệu hữu cơ và thất thoát dạng bụi ở hầu hết các công đoạn sản xuất). Lượng bụi thất thoát khoảng 1-5%/tấn sản phẩm.

Tùy vào thời điểm và nhu cầu của khách hàng, Công ty sẽ nhập các loại nguyên liệu cần thiết cho dây chuyền sản xuất. Các loại nguyên liệu nhập về phục vụ sản xuất và lưu giữ trong kho chứa nguyên liệu không quá 10.000 tấn.

b. Nhu cầu về nước

Nhu cầu cấp nước sản xuất của trong nhà máy

Lượng nước sản xuất (nước công nghệ) cần cấp cho nhà máy theo yêu cầu công nghệ gồm: Nước cấp cho vệ viên tạo hạt, nước bổ sung cho tháp rửa khí, nước cấp cho nồi hơi. Nước cấp cho dây chuyền vô cơ 150 tấn/ngày (2 ca) bằng:

$$Q_{sx} = 150 \times 0,391 = 58,65 \text{ m}^3/\text{h}$$

Nhu cầu cấp nước cho văn phòng nhà máy

Theo tiêu chuẩn TCVN 4513:1988 một cán bộ dùng 15 l/ngày, số cán bộ công nhân viên là 22 người vậy nhu cầu nước văn phòng là:

$$Q_{vp} = 15 \times 22 / 1000 (\text{m}^3) = 0,33 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

Nhu cầu cấp nước cho ăn ca nhà máy

Theo Bảng 1 tiêu chuẩn TCVN 4513:1988: một suất ăn dùng 25 l/suất ăn, số suất ăn trong 1 ngày tính cho toàn bộ công nhân viên ăn 1 bữa trong ngày là 94 suất vậy nhu cầu nước ăn ca là:

$$Q_{ac} = 25 \times 94 / 1000 (\text{m}^3) = 2,35 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

Nhu cầu cấp nước sinh hoạt của nhà máy

Nước cấp cho quá trình sinh hoạt vệ sinh, tắm giặt của công nhân nhà máy $Q_{sh} = k \times (q \times n) / 1000 (\text{m}^3)$.

Trong đó :

q - tiêu chuẩn dùng nước: $q = 45 (\text{l/ngđ})$

(Theo Bảng 3.4 tiêu chuẩn TCVN 33 -2006 thì tiêu chuẩn dùng nước ngày đêm cho một người là 45 l/ngđ)

n - Số người sử dụng trong công trình: $n = 94$ (Người).

$$Q_{sh} = 45 \times 94 / 1000 = 4,23 (\text{m}^3/\text{ngày đêm}).$$

Nhu cầu nước tưới thảm cỏ cây xanh

- Lưu lượng nước phục vụ cho hoạt động tưới tiêu thảm cỏ và cây xanh trong công trình: $Q_{tc} = q_0 \text{ tưới} \times S_{thảm cỏ}$

Trong đó :

$q_0 \text{ tưới}$ - Nhu cầu sử dụng nước phục vụ tưới tiêu (l/m^2), theo theo Bảng 3.3 TCXDVN 33-2006 thì $q_0 \text{ tưới} = 4 (\text{l/m}^2)$

$S_{thảm cỏ}$ - Diện tích thảm cỏ, cây xanh trong công trình, $S_{thảm cỏ} = 24.140 \text{ m}^2$

$Q_{tc} = 4 \times 24140 / 1000 = 96,6 \text{ (m}^3\text{/lần tưới)}$ (một tháng tưới 4 lần diện tích cây xanh thâm cò) $\Rightarrow Q_{tc} = 4 \times 96,6 / 30 = 12,88 \text{ m}^3\text{/ng.đ}$

(Nguồn nước tưới cây được lấy từ nguồn nước tại hồ điều hòa)

Tổng nhu cầu dùng nước của nhà máy

Nước sản xuất tạm tính dự trữ trong 2 ngày sản xuất (4 ca), nước sinh hoạt, văn phòng, ăn ca tính cho 24 giờ.

$$Q_{\Sigma cn} = 2 \times Q_{sx} + Q_{vp} + Q_{ac} + Q_{sh}$$

$$= 2 \times 58,65 + 0,33 + 2,35 + 4,23 = 124,21 \text{ m}^3$$

Chọn thể tích bể nước dự trữ cho sinh hoạt sản xuất là: 140 m^3

Hệ thống bơm nước sinh hoạt sản xuất: $Q=12 \text{ m}^3\text{/h}$, $H=40$ (2 bơm 1 chạy 1 dự phòng).

+ Nguồn cung cấp: Nguồn nước phục vụ cho quá trình sinh hoạt và sản xuất theo hợp đồng với Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La (Xi nghiệp cấp nước Mai Sơn).

c. Nhu cầu về điện

Nhu cầu sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất, chiếu sáng của Nhà máy bao gồm như sau:

Bảng 1.8. Phụ tải tiêu thụ của Nhà máy

TT	Tên phân xưởng, dây truyền	Công suất đặt Pđ (kW)	Ksd	Công suất tiêu thụ (kW)
I	Phụ tải 01	1,461.94		1274.25
1	Dây truyền sản xuất phân bón NPK	996.24	0.85	846.804
2	Trạm bơm	65.70	1	65.7
3	Nhà văn phòng Công ty	200.00	0.85	170
4	Nhà bảo vệ cổng chính + Chiếu sáng ngoài trời	45.00	1	45
5	Nhà công vụ và công trình phụ trợ	100.00	1	100
6	Nhà kho chứa nguyên liệu sản phẩm	25.00	0.85	21.25
7	Nhà trạm bơm	30.00	0.85	25.5
II	Phụ tải 02	1,530.34		1,337.42
9	Hệ thống lọc bụi, thông gió	30.00	0.85	25.5

TT	Tên phân xưởng, dây truyền	Công suất đặt Pd (kW)	Ksd	Công suất tiêu thụ (kW)
10	Dây truyền sản xuất phân bón Hữu cơ vi sinh	513.42	0.85	436.407
11	Dây truyền lên men Hữu cơ vi sinh	657.60	0.9	591.84
12	Nhà bảo vệ công phụ + Chiếu sáng ngoài trời	25.00	1	25
13	Dây truyền sản xuất phụ gia	304.32	0.85	258.672
	Tổng	2,992.28		2,611.67
	Công suất dự phòng (20%)			3,134.01

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

+ Xây mới 02 Trạm biến áp có công suất:

TBA T1 2000 kVA 35/0,4 kV.

TBA T2 1500 kVA 35/0,4 kV Trong đó:

Trạm gồm: Máy biến áp, tủ Hạ thế, tủ tụ bù, thiết bị đóng cắt và bảo vệ phía trung áp bao gồm Cầu dao cách ly 35kV, Cầu chì tự rơi.

+ Kiểu trạm biến áp: Trạm bệt lắp đặt ngoài trời.

- Xây dựng mới 453m đường dây 35kV gồm 2 tuyến.

+ Tuyến 01 có chiều dài: 219m.

+ Tuyến 02 có chiều dài: 234m.

Cấp điện cho 02 trạm biến áp T1 và T2 nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc.

Dây dẫn sử dụng:

Cáp ngầm (Cu/XLPE/DSTA/PVC/PVC-35kV 3x50): từ điểm đầu nối đến vị trí Cột số 1 cho tuyến 01 và tuyến 02.

Cáp bọc AC70/11-XLPE4.3/HDPE: Từ Vị trí cột số 01 tuyến 01 và tuyến 02 đến TBA T1 và T2.

d. Nhu cầu sử dụng bao bì:

Toàn bộ sản phẩm được sản xuất tại Nhà máy sẽ được đóng gói với nhiều loại bao bì với dung tích khác nhau để dễ dàng cung ứng cho thị trường như: bao PP 3 kg, 5 kg, 10 kg, 25kg, 50kg,..., chai, lọ, can nhựa. Bao bì chứa sản phẩm

còn tùy thuộc vào yêu cầu khách hàng. Ước tính một năm khoảng 100.000 cái các loại.

Bao bì và tem nhãn của Nhà máy được thiết kế với mẫu mã riêng để tạo thương hiệu và chống làm giả. Giá sản phẩm sẽ được bán với giá cạnh tranh để thu hút khách hàng. Ngoài ra, trên tem nhãn sẽ in những thông tin cần thiết cho người sử dụng đúng quy định của pháp luật.

e. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

- Nhiên liệu sử dụng cho các phương tiện, máy móc chủ yếu là dầu diesel và xăng khoảng 50m³/năm.

→ Nguồn cung cấp: Các đại lý bán xăng, dầu trên địa bàn huyện Mai Sơn

- Nhiên liệu cung cấp nhiệt cho lò đốt là bằng than 4B được mua tại các Công ty cung cấp đủ điều kiện

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Vị trí địa lý của dự án

Khu vực thực hiện dự án thuộc bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 81.068m², ranh giới khu đất như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất đồi núi;
- Phía Tây Nam giáp trục đường đi thị trấn Hát Lót;
- Phía Tây Bắc giáp đất Nông trường Tô Hiệu;
- Phía Đông Nam giáp đất Nông trường Tô Hiệu.

Bảng 1.9. Tọa độ các điểm khép góc khu vực thực hiện dự án

Tên điểm	X(m)	Y(m)	Tên điểm	X(m)	Y(m)
M1	2348917,23	510126,98	M9	2348884,17	510073,02
M2	2348865,25	510187,22	M10	2348892,21	510098,53
M3	2348862,55	510192,12	M11	2348951,01	509922,75
M4	2348800,99	510254,82	M12	2348897,99	509989,98
M5	2348754,11	510210,72	M13	234746,97	510205,59
M6	2348772,26	510193,15	M14	2348583,44	510002,74
M7	2348774,69	510189,05	M15	2348847,25	509810,35
M8	2348869,09	510058,34			

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Toàn bộ diện tích sử dụng đất của dự án đã được UBND tỉnh Sơn La cho Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc tại Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 31/8/2022.

- Hiện trạng dân cư: Từ vị trí của dự án tới khu dân cư gần nhất là 1,3km, khoảng cách tới trường học Tiểu học và THCS Chu Văn Thịnh (khu vực Bắc Quang) là 1,8km. Xung quanh khu vực dự án không có hệ thống ao, hồ, sông suối, điểm xuất lộ nước dưới đất, khu vực cấp nước sinh hoạt tập trung.

- Vị trí thực hiện dự án có tuyến đường giao thông chạy qua, cách tuyến đường giao thông đi Cảng Tà Hộc 2 km và cách đường Quốc lộ 6 khoảng 5km. Như vậy, về giao thông đảm bảo cho việc vận chuyển nguyên liệu phục vụ sản xuất cũng như vận chuyển các sản phẩm để phân phối ra thị trường.

5.2. Các hạng mục công trình chính của dự án

Đến thời điểm hiện tại, Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc đã cơ bản hoàn thành các hạng mục đầu tư xây dựng, được phân chia thành các khu vực khác nhau: Khu sản xuất chính, khu phụ trợ và khu hành chính, cụ thể:

Bảng 1.10. Quy mô xây dựng các hạng mục

TT	Vị số	Tên hạng mục	Diện tích MB (m ²)	Ghi chú
1	01	Nhà bảo vệ cổng chính	35,67	Xây mới
2	02	Nhà bảo vệ cổng phụ, cân	35,67	Xây mới
3	03	Nhà văn phòng (3 tầng)	725,0	Xây mới
4	04	Hồ điều hòa	1.370	Xây mới
5	05	Trạm biến áp 35/0,4kV – 3500 kVA	48,0	Xây mới
6	06	Nhà xưởng 1 - Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ (Dây chuyền 1)	9.216	Xây mới
7	08	Nhà xưởng sản xuất nhóm phân hữu cơ (Dây chuyền 2) và nhà kho thành phẩm	4.992	Xây mới
8	09	Trạm cân 80T	59,20	Xây mới
9	10	Bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ	6.573	Xây mới
10	11	Nhà công vụ và phụ trợ (2 tầng)	522	Xây mới

TT	Vị số	Tên hạng mục	Diện tích MB (m ²)	Ghi chú
11	12	Nhà trạm bơm nước	32,40	Xây mới
12	13	Bể chứa nước ngầm 320m ³	86,49	Xây mới
13	14	Sân thể thao	266,70	Xây mới
14	15	Nhà xưởng sản xuất phụ gia	864	Xây mới
15	16	Nhà cơ khí và kho Chứa chất thải nguy hại	1.008	Xây mới
16	17	Nhà bảo vệ cổng phụ 2	9,00	Xây mới
17	18	Bãi Ủ nguyên liệu phân hữu cơ	4.640	Xây mới
18	19	Tường rào loại 1	87,17	Xây mới
19	20	Tường rào loại 2	273,70	Xây mới
20	21	Khuôn viên cây xanh	13.959	Xây mới
21	22	Hệ thống sân bê tông, đường giao thông nội bộ	27.049	Xây mới

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc thuộc thôn Xa Cẩn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất và Kế hoạch sử dụng đất huyện Mai Sơn (*Toàn bộ diện tích sử dụng đất của dự án đã được UBND tỉnh Sơn La cho Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc tại Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 31/8/2022*).

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

Nước thải phát sinh tại dự án được thu gom, xử lý đạt chất lượng cho phép sau đó tái sử dụng tưới cây xanh trong khuôn viên không xả ra môi trường nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của sông, suối khu vực dự án.

Bụi, mùi hôi, khí thải phát sinh tại dự án đều được thu gom, xử lý đạt chất lượng cho phép trước khi xả ra môi trường không khí hoặc trong nhà xưởng nên không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường không khí xung quanh khu vực dự án.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Mương thoát nước được bố trí dọc theo ven đường ô tô và tường rào để thu nước mặt đường và thoát nước mưa của các hạng mục. Chiều rộng lòng mương từ B400mm đến B2000mm, chiều sâu trung bình từ 400mm đến 2000mm. Đáy mương bằng BTCT mác M200 dày 200mm, thành mương xây gạch đặc M75 dày 220mm, vữa xây trát mác xi măng cát mác M100, nắp mương bằng BTCT mác M200 dày 70mm. Các đoạn qua đường dùng ống hộp BTCT đúc sẵn ly tâm chịu được tải trọng H30. Hướng thoát nước ra phía mương B2000 dọc tuyến đường liên xã.

Thông kê các rãnh, cống thoát nước:

- + Rãnh xây kích thước 40x50cm chạy dọc theo nhà xưởng sản xuất phân hữu cơ với tổng chiều dài 270m, độ dốc trung bình 0,1%.
- + Rãnh xây kích thước 50x60cm chạy dọc theo nhà xưởng sản xuất phân vô cơ với tổng chiều dài 760m, độ dốc trung bình 0,4%.
- + Cống BTCT D800 chiều dài 98m.
- + Rãnh xây kích thước 1,5x1,5m chạy bao quanh khu đất dự án với tổng chiều dài 740m, độ dốc trung bình 0,4%.
- + Rãnh xây kích thước 2,0x2,0m chạy dọc tuyến đường liên xã với tổng chiều dài 330m, độ dốc trung bình 0,4%.



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Lắp đặt đường ống thu gom nước thoát ra từ xí bằng ống nhựa D100 để dẫn nước thải về 04 bể tự hoại. Quá trình thu gom nước thải sinh hoạt của dự án được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải

- Nước ri sân phơi nguyên liệu được thu gom bằng các rãnh xây xung quanh sân (kích thước BxH: 30x30cm) với tổng chiều dài 180m độ dốc 0,1% hướng về hố ga thu gom phía Bắc khu đất dự án trước khi vào bể kị khí 03 ngăn.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt nhà máy được xử lý bằng 04 bể tự hoại 3 ngăn ngầm tại khu vực nhà vệ sinh khu nhà điều hành; khu vực nhà ăn, nhà ở công nhân; khu vực xưởng sản xuất; khu vực nhà bảo vệ (công phụ) với tổng dung tích các bể là 43 m³.

Bể tự hoại đồng thời làm 2 chức năng: Lắng lọc và lên men cặn lắng, nước thải từ nhà vệ sinh theo đường ống thu gom về bể, chuyển động chậm qua

các ngăn trong dần do các chất lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Qua thời gian 6 tháng, các chất hữu cơ sẽ được vi sinh vật phân giải yếm khí, một phần tạo thành các khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài đảm bảo hiệu suất lắng cao. Nước thải sau bể tự hoại ba ngăn được xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Kết cấu của bể tự hoại: Đáy bể bằng BTCT Mác 250 dày 25cm; tường xây bằng gạch Tuynel dày 22cm, VXM Mác 100; trát tường vữa Mác 150; nắp bằng BTCT dày 20cm, VXM Mác 250.

1.3.2. Nước thải sản xuất

- Nước thải dập bụi hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân vô cơ xử lý khói thải lò hơi: Được tuần hoàn sử dụng trong cụm hệ thống xử lý khí thải lò sấy và lò hơi xây bằng gạch, bê tông. Lượng nước xả đáy sẽ được thay thế định kỳ 6 tháng 1 lần và tái sử dụng làm nước tưới ẩm ủ phân hữu cơ, lượng bụi bùn lắng xuống đáy bể cùng được thu gom định kỳ và được tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ.

- Nước rỉ từ khu vực sản phẩm nguyên liệu khi dự án hoạt động ổn định có khối lượng khoảng $0,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (*phát sinh không thường xuyên, liên tục*) được thu gom bằng 02 bể kị khí 03 ngăn thể tích $30\text{m}^3/\text{bể}$ (sau đó xử lý bằng men vi sinh và sử dụng tưới cây trồng trong khuôn viên dự án).

* Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng và Công ty không lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải bao gồm:

- Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân vô cơ;
- Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân hữu cơ;
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

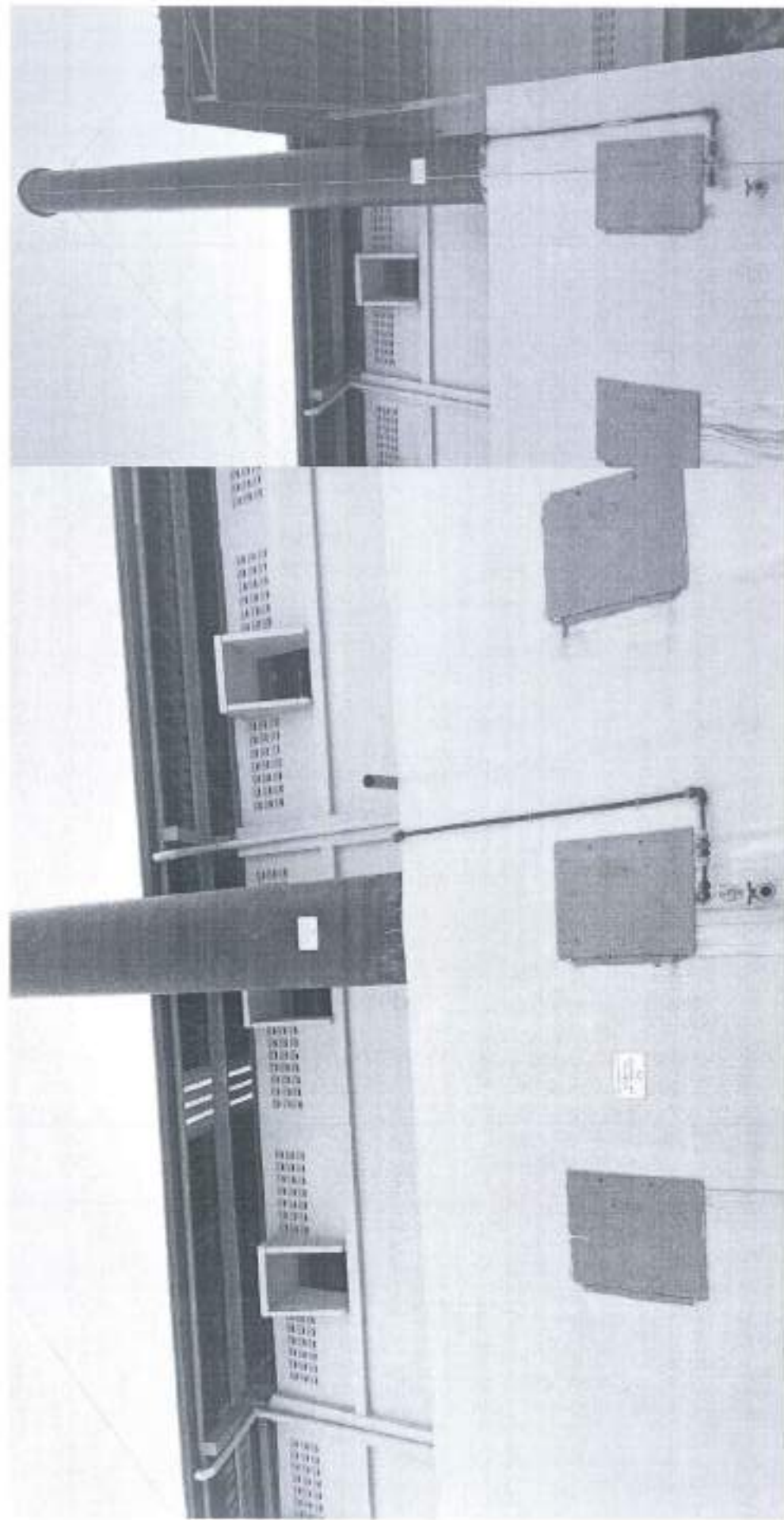
2.1. Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ

2.1.1. Sơ đồ hệ thống

Bảng 3.1. Các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ

TT	Thiết bị
1	Cụm định lượng cấp liệu nghiền lỏng
2	Băng tải lên nghiền lỏng
3	Máy nghiền lỏng DAP
4	Băng tải dưới nghiền lỏng
5	Cụm định lượng
6	Băng tải gom liệu
7	Băng tải lên máy nghiền
8	Máy nghiền sau định lượng
9	Băng tải lên máy trộn liệu
10	Máy trộn liệu
11	Băng tải lên máy tạo hạt
12	Máy tạo hạt
13	Băng tải lên chảo tạo hạt
14	Chảo tạo hạt
15	Băng tải dưới chảo tạo hạt
16	Băng tải trung gian lên máy sấy 1
17	Băng tải lên máy sấy 1
18	Lò sấy 1
19	Ống dẫn nhiệt sấy 1
20	Máy sấy 1
21	Quạt hút sấy 1
22	Bể lắng bụi sấy 1
23	Ống khói
24	Băng tải lên máy sấy 2

TT	Thiết bị
25	Lò sấy 2
26	Ổng dẫn nhiệt sấy 2
27	Máy sấy 2
28	Quạt hút sấy 2
29	Bể lắng bụi sấy 2 và nguội
30	Ổng khói
31	Băng tải lên máy sàng lồng 1
32	Máy sàng lồng 1
33	Máy nghiền hồi lưu
34	Băng tải dưới máy sàng lồng
35	Băng tải lên máy nguội
36	Máy nguội
37	Quạt hút nguội
38	Băng tải lên máy sàng lồng 2
39	Máy sàng lồng 2
40	Băng tải hồi lưu về máy trộn liệu
41	Băng tải lên máy đánh bóng
42	Máy đánh bóng
43	Băng tải lên cân đóng bao
44	Cân đóng bao
45	Băng tải thành phẩm
46	Phòng điều khiển
47	Lò hơi



Hình 3.5. Hình ảnh hệ thống ống khói



Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống hút bụi sấy

2.1.2. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải



Hình 3.8. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ

Quy chuẩn so sánh: QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, cột B (hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,4$).

2.1.3. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Bảng 3.2. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ

TT	Tên sản phẩm	Quy cách	SL	ĐVT
1	Quạt hút sấy 1	- Kiểu: Cánh lồng sóc - Lưu lượng $50.000 \text{ m}^3/\text{h}$ - Công suất motor: 55 kw	1	Cái
2	Quạt hút sấy 2	- Kiểu: Cánh lồng sóc	1	Cái

TT	Tên sản phẩm	Quy cách	SL	DVT
		- Lưu lượng 50.000 m ³ /h - Công suất motor: 55 kw		
3	Quạt nguội	- Kiểu: Cánh lồng sóc - Lưu lượng 55.000 m ³ /h - Công suất motor: 75 kw	1	Cái
4	Hệ thống ống hút	- Đường kính: Ø800mm - Vật liệu: INOX 304	1	Hệ
5	Ống khói sấy 1, sấy 2+nguội	- Đường kính Ø1000 - Vật liệu: composite - Cao 16.5 m	2	Cái
6	Hầm lắng bụi khô sấy 1-làm bằng gạch, bê tông	Kích thước: Dài 6200 x Rộng 3500x Cao 4000mm	1	Cái
7	Hầm lắng bụi khô sấy 2-làm bằng gạch, bê tông	Kích thước: Dài 6200 x Rộng 4000 x Cao 4000mm	1	Cái
8	Hầm lắng bụi khô nguội - làm bằng gạch, bê tông	Kích thước: Dài 7700 x Rộng 4000 x Cao 4000mm	1	Cái
9	Hầm lắng ướt sấy 1	Kích thước: Dài 5300 x Rộng 3500x Cao 4000mm	1	Cái
10	Hầm lắng ướt sấy 2+nguội	Kích thước: Dài 7500 x Rộng 4000 x Cao 4000mm	1	Cái

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Toàn bộ thiết bị máy móc trên đều được sản xuất tại Việt Nam, do Công ty TNHH MTV CK-XD An Thành Phát thiết kết, sản xuất chế tạo (Có phiếu xuất xưởng 01/ATP-XLB; 02/ATP-XLB; 03/ATP-XLB; 04/ATP-XLB; 05/ATP-XLB kèm theo) và thi công lắp đặt (Có biên bản nghiệm thu, bàn giao kèm theo)

2.1.4. Thuyết minh công nghệ

Trong quá trình sản xuất phân bón một hạt thường phát sinh một lượng bụi lớn. Vì vậy cần một hệ thống xử lý bụi với nguyên lý hoạt động tại các vị trí thường phát sinh bụi như máy sấy, lò sấy, máy nguội... có đặt các chóp hút bụi. Với quạt hút bụi công suất lớn (công suất động cơ 40 kw) dẫn không khí có chứa bụi từ các máy qua nhiều cấp lắng lọc bụi như trầm lắng khô và trầm lắng ướt, đến khi ra môi trường chỉ còn là khí sạch. Chi tiết:

Khí có chứa bụi từ các máy đầu tiên được Quạt hút dẫn qua Hầm lắng bụi khô nhiều vách ngăn (cấp lắng bụi thứ 1).

Với cơ cấu các cửa zigzag nhiều cấp các hạt bụi trong khí đi qua sẽ được lắng lại. Sau khi đi qua hầm lắng bụi khô, thành phần trong khí lúc này đã sạch được phần lớn lượng bụi ban đầu. Lúc này có thể vẫn còn lẫn một ít bụi nhẹ không đáng kể, lượng không khí này tiếp tục được dẫn qua bể lắng bụi ướt (có chứa nước).

Tại hầm lắng bụi ướt, không khí sau khi đi qua tháp rửa nước tại vị trí ống khói được rửa sạch bụi và thoát ra môi trường.

Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi khí thải:

- *Kiểm tra:*

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống:

Kiểm tra các thiết bị điện: kiểm tra công tắc tất cả các thiết bị đã vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

Kiểm tra hệ thống: Kiểm tra hoạt động của mô tơ và quạt hút, kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- *Hoạt động hệ thống:*

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

Bước 1: Nhấn công tắc ON → Tủ điều khiển sẵn sàng.

Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.

Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó → Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.

Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF ⇒ chuyển tất cả công tắc về OFF → Tìm nguyên nhân khắc phục → Sau

khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

2.2. Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ

2.2.1. Sơ đồ hệ thống

Bảng 3.3. Các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ

TT	Thiết bị
1	Bunke cấp liệu lên sấy
2	Băng tải lên máy sấy
3	Lò sấy
4	Máy sấy trống quay
5	Cụm hút bụi sấy
6	Băng tải dưới máy sấy
7	Bunke nạp liệu máy nghiền
8	Băng tải lên máy nghiền
9	Băng tải trung gian lên nghiền
10	Máy nghiền
11	Băng tải lên máy sàng lồng
12	Máy sàng lồng
13	Băng tải hồi lưu dưới sàng lồng
14	Băng tải lên sản định lượng
15	Sản định lượng trộn
16	Băng tải gom liệu
17	Định lượng vi lượng
18	Băng tải lên máy trộn
19	Máy trộn
20	Bồn chia liệu trung gian
21	Băng tải lên ép đùn
22	Máy chia liệu trên máy ép
23	Máy ép đùn
24	Băng tải dưới cụm ép

TT	Thiết bị
25	Băng tải trung gian
26	Băng tải lên máy nguội dạng sàng
27	Máy làm nguội dạng sàng
28	Băng tải hồi lưu
29	Băng tải 1 lên cân
30	Băng tải 2 lên cân
31	Cân đóng bao
32	Băng tải thành phẩm
33	Phòng điều khiển cụm trộn
34	Phòng điều khiển cụm nghiền



Hình 3.11. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ

2.2.2. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải



Hình 3.12. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ

2.2.3. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải xử lý bụi dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ

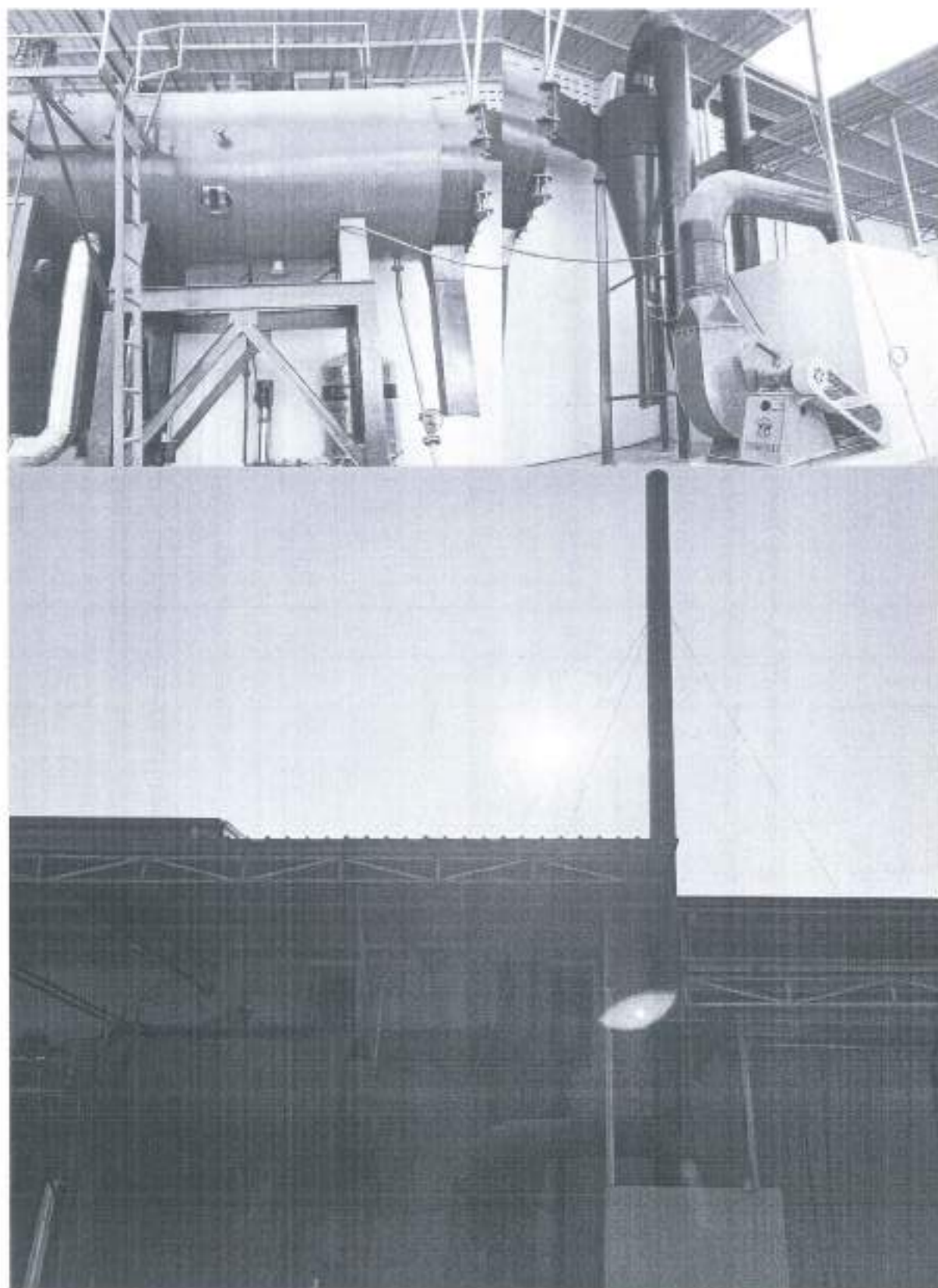
TT	Tên sản phẩm	Quy cách	SL	ĐVT
1	Quạt hút sấy	10.000 m ³ /h	1	Cái
2	Cyclone	D800x4000	1	Cái
3	Hệ thống ống hút	D300-thép cacbon	1	Hệ
4	Ống khói	D600-d400-thép cacbon	1	Cái

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Toàn bộ thiết bị máy móc trên đều được sản xuất tại Việt Nam, do Công ty TNHH MTV CK-XD An Thành Phát thiết kế, sản xuất chế tạo (Có phiếu xuất xưởng 06/ATP-XLB; 07/ATP-XLB; 08/ATP-XLB; 09/ATP-XLB kèm theo) và thi công lắp đặt (Có biên bản nghiệm thu, bàn giao kèm theo).

2.2.4. Thuyết minh công nghệ

Trong quá trình sản xuất phân bón hữu cơ ở lò sấy, máy sấy thường xuất hiện một lượng bụi, khí thải (có xuất hiện, nhưng không đáng kể). Vì vậy cần một hệ thống xử lý bụi với nguyên lý hoạt động tại các vị trí thường phát sinh bụi như máy sấy, lò sấy ... có đặt các chụp hút bụi. Với quạt hút bụi công suất 10.000 m³/h (công suất động cơ 11 kw) dẫn không khí có chứa bụi từ các máy/thiết bị qua nhiều cấp lắng lọc bụi như Cyclone đến khi ra môi trường chỉ còn là khí sạch. Chi tiết:



Hình 3.14. Hình ảnh hệ thống xử lý xử lý khói thải lò hơi

2.4.2. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải



Hình 3.15. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý khói thải lò hơi

2.4.3. Danh mục máy móc, thiết bị hệ thống xử lý khói thải lò hơi

Bảng 3.5. Các thiết bị của hệ thống xử lý khói thải lò hơi

TT	Thiết bị	Thông số
1	Cyclone	Cyclone chùm, gồm 2 Cyclone đơn bố trí song song, đường kính Cyclone 500mm bằng thép CT3
2	Quạt hút cao áp	Công suất 22kw, lưu lượng 25.000 m ³ /h, áp suất 2.500Mp.
3	Bể dập bụi ướt	Kích thước 2,6x4x2,3m, thể tích 24m ³
4	Ống khói thải	Cao 12 m, đường kính 420, bằng thép CT3

Toàn bộ thiết bị máy móc trên đều được sản xuất tại Việt Nam, do Công ty TNHH áp lực Hòa Phát thiết kế, sản xuất chế tạo (Có phiếu hướng dẫn mô tả hệ thống kèm theo) và thi công lắp đặt (Có biên bản nghiệm thu, bàn giao kèm theo).

2.4.4. Thuyết minh công nghệ

Khí thải phát sinh từ lò hơi sẽ được đưa qua Cyclone để tách tro bụi và muối than. Cyclone là thiết bị hình trụ có phần dưới là hình phễu và ống xả bụi, không khí đi vào Cyclone sẽ chuyển động xoáy ốc bên trong thân hình trụ của Cyclone và khi chạm vào ống đáy phễu, dòng không khí bị đổi ngược trở lên nhưng vẫn giữ được chuyển động xoáy ốc và theo ống thoát khí sạch ra ngoài. Trong dòng chuyển động xoáy ốc, các hạt bụi chịu tác động của lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía thành ống của thân hình trụ, rồi chạm vào đó, mất động năng và rơi xuống đáy phễu. Dưới ống xả bụi có lắp đặt van kép nhằm tránh áp suất âm. Định kỳ 3 lần/tần thì máy sẽ tiến hành xả bụi từ Cyclone.

Sau đó quạt hút tiếp tục hút dòng khí thải đi qua đập bụi ướt tại đây 90% lượng bụi nhờ quá trình va đập với màng nước sẽ rơi xuống đáy bể bụi, còn dòng khí thải sẽ tiếp tục được theo ống khói ra ngoài.

Khí ra khỏi thiết bị, một phần khí thải và bụi được giữ lại, khí thải đã được xử lý sẽ được thải qua ống khói.

2.5. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (không thuộc đối tượng của PHỤ LỤC XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong khu vực dự án: Chủ dự án bố trí các thùng rác:

- + Khu vực văn phòng;
- + Khu vực bếp ăn;
- + Khu vực công cộng chung, dọc các tuyến đường nội bộ trong khu vực dự án.

Rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom vào các thùng chứa và đưa đi xử lý hằng ngày tại nơi xử lý rác tập trung.

Rác thải sinh hoạt được thu gom và đưa đi xử lý trong ngày để tránh phát sinh mùi, dịch bệnh, gây ùn tắc và mất mỹ quan khu vực Dự án.

Do lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh không nhiều, sau khi được thu gom trong toàn bộ nhà máy công nhân đem ra khu vực tập kết rác thải của Tiểu

khu 18, thị trấn Hát Lót (công ty sẽ đóng phí thu gom theo quy định của thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn).

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: Vô bao bì đựng phân bón, can đựng chế phẩm sinh học được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành:

Bảng 3.6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ	kg/năm	2,0
2	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa	kg/năm	125
3	Bóng đèn huỳnh quang	kg/năm	1,5
4	Dầu nhớt thải	kg/năm	5,0
5	Hộp mực in thải	kg/năm	0,5
Tổng		kg/năm	134

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 2023)

Chất thải nguy hại sinh ra trong quá trình vận hành dự án, được Công ty bố trí người tiến thu gom, phân loại ngay từ nguồn phát sinh và lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy khác nhau, trên mỗi thùng chứa có dán nhãn tên để phân biệt từng loại chất thải (Trang bị 05 thùng chứa chất thải nguy hại).

CTNH sẽ được lưu trữ trong kho chứa CTNH của dự án có diện tích 25 m². Chủ dự án sẽ thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT.



Hình 3.15. Kho chứa CTNH

- Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH. Định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 06 (sáu) tháng một lần.

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do CTNH vừa nêu đảm bảo lượng CTNH phát sinh tại dự án được quản lý, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy bơm, máy phát điện quạt hút...) sử dụng trong khu vực nhà máy.

- Trồng cây xung quanh khuôn viên nhà máy giảm thiểu tiếng ồn từ khu vực nhà máy ra bên ngoài.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất giảm thiểu tiếng ồn rung.

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

- Phòng chống sự cố cháy nổ, rò rỉ do khí gas:

+ Khi sử dụng bếp gas: khi đun nấu xong phải khóa chặt van gas. Không được mở van gas mà không đốt lửa. Vì khí gas hờ không được đốt cháy sẽ là loại khí độc cho người và dễ gây hỏa hoạn.

+ Tại các khu nhà, các thiết bị điện đều có các aptomat đóng ngắt tự động khi có có sự cố chập điện xảy ra. Xây dựng nội quy an toàn cháy nổ cho công nhân làm việc trong nhà máy. Đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy (nước chữa cháy được lấy từ bể nước PCCC). Trang bị các trang thiết bị chữa cháy như: Bình cứu hỏa CO₂ loại 4 kg/bình (số lượng 10 bình) đặt ở khu nhà làm việc và nghỉ ngơi của công nhân; 01 máy bơm nước và cuộn dây chữa cháy.

- Phòng chống sự cố sự cố hóa chất

+ Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

+ Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;

+ Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và chuyển cho các công ty chuyên xử lý chất thải.

- Phòng chống sự cố do rò rỉ hệ thống thu bụi cyclon và tháp hấp thụ trong dây chuyền sản xuất

Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu ri hệ thống thu bụi cyclon và tháp hấp thụ trong dây chuyền sản xuất để nhanh chóng thay mới hoặc sửa chữa kịp thời để hiệu xuất xử lý hiệu quả cao nhất khi dây chuyền sản xuất hoạt động.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

Không phải thực hiện.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Không phải thực hiện.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi của dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Bảng 3.7. Các nội dung thay đổi

TT	Nội dung	Phương án theo ĐTM	Phương án điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
I Công trình thu gom, xử lý nước thải				
1	Nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị xí, tiểu được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến BASTAF đạt cột B Quy chuẩn QCVN14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường, bể tự hoại gồm 02 bể.	Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị xí, tiểu được xử lý bằng bể tự hoại đạt cột B Quy chuẩn QCVN14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường, bể tự hoại gồm 04 bể. Trong đó: - Khu vực nhà điều hành: 01 bể tự hoại, V=15m ³ - Khu vực nhà ăn + kĩ túc xá: 01 bể tự hoại, V=15m ³ - Khu vực xưởng sản xuất: 01 bể tự hoại, V=10 m ³ - Khu vực nhà bảo vệ (công phụ): 01 bể tự hoại, V=3m ³	Điều chỉnh để phù hợp với quá trình hoạt động của nhà máy. Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt để đảm bảo đúng quy định môi trường
2	Nước thải từ quá trình sản xuất phân bón hữu cơ	Không phát sinh.	Nước thải rỉ từ bãi tập kết nguyên liệu được thu gom vào đường rãnh thu gom về bể kỵ khí 3 ngăn thể tích 30m ³ /bể (Số lượng 2 bể), bổ sung men vi sinh xử lý tái sử dụng tưới cây trồng trong khuôn viên nhà máy.	Điều chỉnh để phù hợp với quá trình hoạt động của nhà máy. Thu gom toàn bộ nước thải từ quá trình sản xuất phân bón hữu cơ để đảm bảo đúng quy định môi trường.
II Công trình thu gom xử lý bụi, khí thải				

TT	Nội dung	Phương án theo ĐTM	Phương án điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1	Điều chỉnh giảm số lượng hệ thống xử lý khí thải tại xưởng sản xuất phân bón vô cơ	Đối với bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất phân vô cơ: - Lắp đặt công nghệ xử lý lọc sinh học, hấp phụ. - Lắp đặt 4 ống khói.	Lắp đặt 03 hệ thống xử lý khí thải: - Bụi khí thải phát sinh từ lò sấy 1, lò sấy 2 và quá trình làm nguội được xử lý theo quy trình xử lý sau: Bụi và khí thải -> Chụp hút -> Quạt hút -> Hầm lắng bụi khô -> Hầm lắng bụi ướt -> Ống khói. - Bụi và khí thải nổi hơi đốt than được xử lý và thoát ra bằng 01 đường ống khói. Quy trình xử lý khí thải: Bụi khí thải -> Cyclon -> Quạt hút -> Bể lọc nước -> Ống khói.	Điều chỉnh để phù hợp với quá trình hoạt động của nhà máy.
2	Bổ sung hệ thống xử lý bụi, khí thải tại xưởng sản xuất phân bón hữu cơ	Không lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải	Lò sấy xưởng sản xuất phân bón hữu cơ không hoạt động thường xuyên. Chỉ sử dụng trong trường hợp nguyên liệu độ ẩm cao không đạt yêu cầu. Bụi và khí thải phát sinh công đoạn sấy nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ. Lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ lọc sinh học, hấp phụ. Bụi và khí thải phát sinh được thoát ra bằng 01 ống khói. Quy trình xử lý khí thải: Bụi, khí thải -> Chụp hút -> Cyclon -> Quạt hút -> Ống khói.	Điều chỉnh để phù hợp với quá trình hoạt động của nhà máy.
III Công trình biện thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải				
1	Công trình thu gom CTNH	CTNH được lưu chứa trong thùng chứa CTNH, được dán nhãn và lưu kho CTNH 1.008 m ³	CTNH được lưu chứa trong thùng chứa CTNH, được dán nhãn và lưu kho CTNH 15 m ³	Công ty bố trí lại diện tích kho CTNH để phù hợp với lượng CTNH phát sinh của nhà máy.

TT	Nội dung	Phương án theo ĐTM	Phương án điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
2	Bổ sung chất thải rắn sản xuất	- Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là bao bì hỏng (Bao tải nhựa PE phân bón) khối lượng 0,5kg/ngày. - Không đề cập đến lượng tro phát sinh trong quá trình đốt than.	- Bổ sung khối lượng chất thải rắn bao bì khối lượng khoảng 8kg/ngày. - Bổ sung lượng tro phát sinh trong quá trình đốt than củi cung cấp hơi nóng cho 03 lò sấy và 01 nồi hơi (10kg/ngày)	Điều chỉnh để phù hợp với quá trình hoạt động của nhà máy.

Việc thay đổi những nội dung nêu trên để phù hợp với quá trình hoạt động của nhà máy và không làm tăng quy mô sản xuất của nhà máy, không làm tăng các tác động xấu tới môi trường. Giảm thiểu các tác động tới môi trường xung quanh.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà điều hành.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn, nhà công nhân lưu trú.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bảo vệ (công phụ).

b) Nước thải sản xuất

- Nguồn số 05: Nước thải lẫn bùn thải từ bể xử lý khí thải của hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy 1 dây chuyền sản xuất phân vô cơ.
- Nguồn số 06: Nước thải lẫn bùn thải từ bể xử lý khí thải của hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy 2 và làm nguội dây chuyền sản xuất phân vô cơ.
- Nguồn số 07: Nước thải lẫn bùn thải từ bể xử lý khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt củi, than đá.
- Nguồn số 08: Nước rỉ từ sân phơi nguyên liệu.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Nguồn số 01: 1,5 m³/ngày.
- Nguồn số 02: 2,5 m³/ngày.
- Nguồn số 03: 2,0 m³/ngày.
- Nguồn số 04: 0,1 m³/ngày.
- Nguồn số 05: 13,5 m³/ngày.
- Nguồn số 06: 13,5 m³/ngày.
- Nguồn số 07: 0,5 m³/ngày.
- Nguồn số 08: 0,2 m³/ngày.

1.3. Dòng nước thải

Dòng nước thải tương ứng với 07 nguồn phát sinh, cụ thể:

- 04 dòng nước thải sau bể tự hoại các khu nhà được xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Các dòng nước thải từ các nguồn số 05, 06, 07 được tái sử dụng vào quá trình tưới ủ phân hữu cơ (định kỳ 1 tháng/lần),

- Nước thải từ nguồn số 08 được xử lý và tận dụng tưới cây cho cây xanh khu vực nhà máy.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Nước thải sinh hoạt các nguồn số 01, 02, 03, 04 được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó được xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Nước thải từ các nguồn số 05, 06, 07 được tái sử dụng vào quá trình tưới ủ phân hữu cơ.

- Nước thải từ nguồn số 08 được xử lý và tận dụng tưới cây cho cây xanh khu vực nhà máy.

Giới hạn giá trị ô nhiễm của dòng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số $K = 1,2$) (đối với nguồn số 01, số 02, số 03, số 04), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B (đối với nguồn số 05, số 06, số 07, số 08), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt đối với nguồn số 01, số 02, số 03, số 04

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT - Cột B ($C_{max}=C \times K$)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
9	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000

Bảng 4.2. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong nước thải sản xuất đối với nguồn số 05, số 06, số 07, số 08

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B
1	Màu	Pt/Co	150
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50
3	COD	mg/L	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	10
6	Tổng Nito	mg/L	40
7	Coliform	Vikhuẩn/100ml	5.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sinh hoạt các nguồn số 01, 02, 03, 04 được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó được xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực, bằng hình thức tự chảy. Tọa độ vị trí xả thải:

Bảng 4.3. Tọa độ vị trí xả thải

TT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 104°00' múi chiều 3°)
1	Nguồn số 01	X = 2348672, Y = 510009
2	Nguồn số 02	X = 2348725, Y = 510148
3	Nguồn số 03	X = 2348795, Y = 509934
4	Nguồn số 04	X = 2348772, Y = 509865

- Nước thải từ các nguồn số 05, 06, 07 được tái sử dụng vào quá trình tưới ú phân hữu cơ.

- Nước thải từ nguồn số 08 được xử lý và tận dụng tưới cây cho cây xanh khu vực nhà máy.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động sấy dây chuyển sản xuất phân hữu cơ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ lò hơi.
- Nguồn số 03: Khí thải từ công đoạn sấy 1 dây chuyển sản xuất phân vô cơ.

- Nguồn số 04: Khí thải từ công đoạn sấy 2 và làm nguội dây chuyền sản xuất phân vô cơ.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Nguồn số 01: 10.000 m³/h.

- Nguồn số 02: 25.000 m³/h.

- Nguồn số 03: 50.000 m³/h.

- Nguồn số 04: 55.000 m³/h.

2.3. Dòng khí thải

Có 04 dòng khí thải:

- Dòng 01: Khí thải qua hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động sấy dây chuyền sản xuất phân hữu cơ được xả ra môi trường qua ống khói đường kính D600 cao 12m.

- Dòng 02: Khí thải qua hệ thống xử lý khí thải lò hơi được xả ra môi trường qua ống khói đường kính D420 cao 12m.

- Dòng 03: Khí thải qua hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy 1 dây chuyền sản xuất phân vô cơ được xả ra môi trường qua ống khói đường kính D1000 cao 16,5m.

- Dòng 04: Khí thải qua hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy 2 và làm nguội dây chuyền sản xuất phân vô cơ được xả ra môi trường qua ống khói đường kính D1000 cao 16,5m.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Giới hạn giá trị ô nhiễm của dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,4$) (đối với nguồn số 01, số 02), QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, cột B (hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,4$) (đối với nguồn số 03, số 04), cụ thể như sau:

Bảng 4.4. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong khí thải đối với nguồn số 01, số 02

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT ($C_{max} = C \times K_p \times K_v$)
----	--------------	-------------	---

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT ($C_{max} = C \times K_p \times K_v$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	252
2	Cacbon monoxit, CO	mg/Nm ³	1.260
3	Nitơ Oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.071
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	630

Bảng 4.5. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong khí thải đối với nguồn số 03, số 04

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 21:2009/BTNMT ($C_{max} = C \times K_p \times K_v$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	252
2	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	630
3	Nitơ Oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.071
4	Amoniac, NH ₃	mg/Nm ³	63
5	Axit sunfuric, H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	63
6	Tổng Florua, F ⁻	mg/Nm ³	63

2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải dòng thải số 1 (đối với nguồn số 01) tọa độ: X = 2348847; Y = 509901 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiếu 3°). Phương thức xả khí thải: xả cường bức, liên tục (Trong thời gian hoạt động sản xuất).

- Vị trí xả khí thải dòng thải số 2 (đối với nguồn số 02) tọa độ: X = 2348785; Y = 510007 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiếu 3°). Phương thức xả khí thải: xả cường bức, liên tục (Trong thời gian hoạt động sản xuất).

- Vị trí xả khí thải dòng thải số 3 (đối với nguồn số 03) tọa độ: X = 2348765; Y = 510021 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiếu 3°). Phương thức xả khí thải: xả cường bức, liên tục (Trong thời gian hoạt động sản xuất).

- Vị trí xả khí thải dòng thải số 4 (đối với nguồn số 04) tọa độ: X = 2348738; Y = 510042 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiếu 3°). Phương thức xả khí thải: xả cường bức, liên tục (Trong thời gian hoạt động sản xuất).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Nhà xưởng sản xuất phân bón hữu cơ.
- Nguồn số 02: Nhà xưởng sản xuất phân bón vô cơ.
- Nguồn số 03: Nhà xưởng sản xuất phụ gia.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Bảng 4.6. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 104°00' múi chiều 3°)
1	Nguồn số 01	X = 2348839, Y = 509921
2	Nguồn số 02	X = 2348743, Y = 510018
3	Nguồn số 03	X = 2348880, Y = 510106

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4.7. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

(Ghi chú: theo mức âm tương đương, dBA)

Bảng 4.8. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

- Không.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

- Không.

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 33 ngày: Bắt đầu từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 03/5/2023.

Công trình vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải. Dự kiến đạt 100% công suất đạt được của cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Các hạng mục công trình	Thời gian dự kiến bắt đầu chạy vận hành thử nghiệm	Thời gian dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm
1	Công trình xử lý khí thải	01/4/2023	03/5/2023

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Công tác lấy mẫu quan trắc được tiến hành theo Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường.

Bảng 5.2. Kế hoạch quan trắc trong thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	SL mẫu
A	Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất công trình xử lý chất thải (tần suất lấy mẫu: 15 ngày/lần trong vòng 30 ngày (mẫu tổ hợp)) (Dự kiến bắt đầu từ ngày 01/4/2023 – 30/4/2023)		
1	Khí thải ống khói dây chuyền sản xuất phân hữu cơ	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , CO	02
2	Khí thải ống khói lò hơi	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , CO	02
3	Khí thải ống khói lò sấy 1 dây chuyền sản xuất phân vô cơ	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃ , H ₂ SO ₄ F ⁻	02
4	Khí thải ống khói lò sấy 2 dây chuyền sản xuất phân vô cơ	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃ , H ₂ SO ₄ F ⁻	02

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	SL mẫu
B	Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định (tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong vòng 03 ngày liên tiếp (mẫu đơn)) (Dự kiến bắt đầu từ ngày 01/5/2023 – 03/5/2023)		
1	Khí thải ống khói dây chuyền sản xuất phân hữu cơ	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , CO	03
2	Khí thải ống khói lò hơi	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , CO	03
3	Khí thải ống khói lò sấy 1 dây chuyền sản xuất phân vô cơ	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃ , H ₂ SO ₄ , F ⁻	03
4	Khí thải ống khói lò sấy 2 dây chuyền sản xuất phân vô cơ	Bụi tổng, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃ , H ₂ SO ₄ , F ⁻	03

- Trong đó:

+ Mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 3 mẫu đơn tại 3 thời điểm khác nhau trong ngày và trộn đều lại với nhau.

- Cơ sở dự kiến phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La đo đạc, lấy mẫu, phân tích môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

- Giấy phép hoạt động của Trung tâm:

+ Quyết định thành lập Trung tâm: Số 1593/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La ngày 05/7/2007;

+ Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 22/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và môi trường;

+ Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và môi trường.

+ Quyết định số 1222/QĐ-BTNMT ngày 18/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Phòng thí nghiệm của Trung tâm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (mã số VILAS 773) thực hiện phân tích các thành phần môi trường theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam về lĩnh vực môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Dự án phát sinh nước thải lớn nhất là 33,8 m³/ngày và được tái sử dụng; phát sinh khí thải lớn nhất là 135.000 m³/h nên theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, dự án thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với môi trường khí thải. Chương trình quan trắc chất thải của dự án trong giai đoạn hoạt động như sau:

- Các chỉ tiêu cần đánh giá:

+ Đối với ống khói dây chuyền sản xuất phân hữu cơ và ống khói lò hơi: Bụi tổng, SO₂, NO₂, CO.

+ Đối với ống khói lò sấy 1, ống khói lò sấy 2 dây chuyền sản xuất phân vô cơ: Bụi tổng, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂SO₄, F⁻.

- Vị trí:

+ Ống khói lò sấy dây chuyền sản xuất phân hữu cơ.

+ Ống khói lò hơi.

+ Ống khói lò sấy 1 dây chuyền sản xuất phân vô cơ.

+ Ống khói lò sấy 2 dây chuyền sản xuất phân vô cơ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1,4) (đối với nguồn số 01, số 02), QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, cột B (hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1,4) (đối với nguồn số 03, số 04).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (không thuộc đối tượng của PHỤ LỤC XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

- Không.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm cụ thể như sau:

Bảng 5.3. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

TT	Nội dung quan trắc, giám sát	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	Quan trắc môi trường khí thải	6 tháng/lần	40.000.000 đ/năm	Chủ Cơ sở có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị đủ năng lực thực hiện quan trắc môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mai Sơn; Sở Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc xin cam kết thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khi triển khai dự án như sau:

1. Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được cung cấp trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án có tính chính xác và hoàn toàn trung thực.

2. Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

- Nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số $K = 1,2$) (đối với nguồn số 01, số 02, số 03, số 04), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B (đối với nguồn số 05, số 06, số 07, số 08).

- Khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,4$) (đối với nguồn số 01, số 02), QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, cột B (hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,4$) (đối với nguồn số 03, số 04).

- Tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Thực hiện việc lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình BVMT theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường và chấp hành chế độ báo cáo công tác BVMT hàng năm theo các quy định pháp luật nêu trên.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và phòng chống sét.

5. Trong quá trình triển khai dự án nếu có xảy ra sự cố, rủi ro môi trường chủ đầu tư cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường gây ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thuyết minh thiết kế cơ sở của dự án (do Công ty cổ phần quốc tế Tây Bắc lập, tư vấn 2021);
2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án (do Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La, tư vấn 2022);
3. Bộ bản vẽ các hạng mục công tác BVMT của dự án (do Công ty cổ phần quốc tế Tây Bắc lập, tư vấn 2021).
4. Thuyết minh và hướng dẫn sử dụng hệ thống xử lý khí thải của dự án;
5. Đánh giá tác động môi trường, phương pháp và ứng dụng. Lê Trình. NXB Khoa học kỹ thuật. Hà Nội 2000;
6. Đánh giá tác động môi trường, Hoàng Xuân Cơ, Phạm Ngọc Hồ - NXB ĐHQGHN 2000;
7. Giáo trình kỹ thuật Môi trường, Trần Đông Phong, Nguyễn Quỳnh Hương, Trường Đại Học Xây dựng Hà Nội, năm 2000;
8. Môi trường không khí - GS.TSKH Phạm Ngọc Đăng, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, năm 2003.

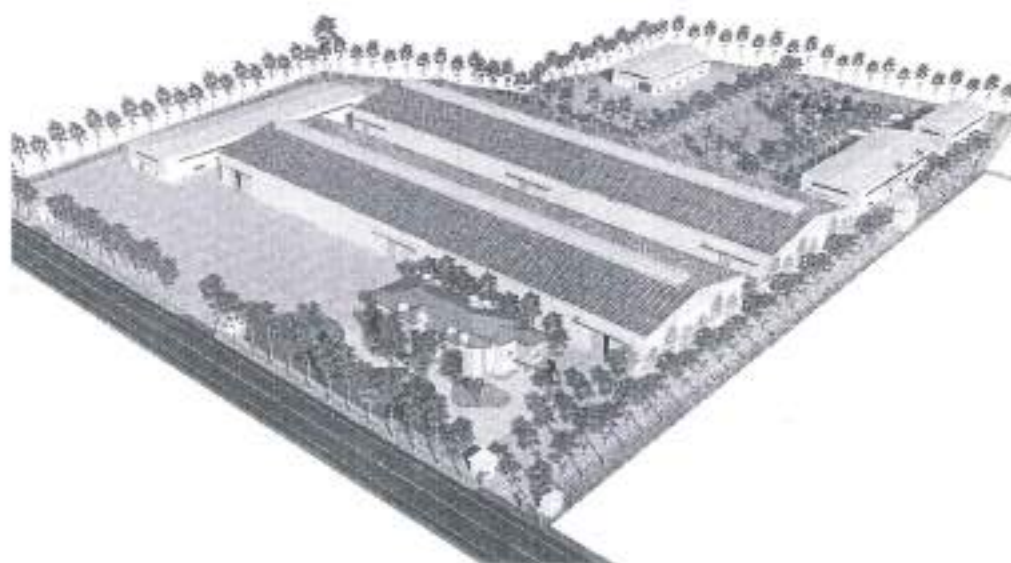
PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Biên bản nghiệm thu, bản giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SÔNG LAM TÂY BẮC



PHỤ LỤC
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của dự án đầu tư
NHÀ MÁY PHÂN BÓN SÔNG LAM TÂY BẮC



Sơn La, tháng 02 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**Mã số dự án: 7245283615***Chứng nhận cấp lần đầu: Ngày 27 tháng 6 năm 2022**Điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 29 tháng 7 năm 2022**Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.**Căn cứ Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở kế hoạch và Đầu tư;**Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 về chủ trương đầu tư dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc; Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 7/3/2022 Về việc điều chỉnh Chủ trương đầu tư dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7245283615 cấp ngày 27/6/2022;**Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư nộp ngày 14/7/2022,***SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH SƠN LA**

- Chứng nhận: **Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc**
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500634028 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký lần đầu ngày 18/5/2021 .
 - Địa chỉ trụ sở: Ngõ 398, đường Lê Đức Thọ, tổ 14, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, Việt Nam.
 - Điện thoại: 0913.252.378. Email: songlamtaybac@songlamsonla.vn
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:*
- Họ và tên: **Nguyễn Như Hùng**; Giới tính: **Nam**

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc - Sinh ngày: 20/12/1972, Quốc tịch: Việt Nam.
- Thẻ căn cước công dân số 012072000382 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/4/2021.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 32, đường cách mạng tháng 8, tổ 9, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 32, đường cách mạng tháng 8, tổ 9, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc.

2. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ) theo phương pháp phối trộn, vè viên tạo hạt và phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp cho thị trường trong và ngoài tỉnh Sơn La.
- Tạo doanh thu, lợi nhuận cho Doanh nghiệp và đặc biệt góp phần tạo thêm việc làm cho lao động địa phương.
- Ngoài ra góp phần tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và tăng thu ngân sách nhà nước trong thời gian tới trong thời gian tới.

Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc	Khai thác và thu gom than bùn	0892	
	Sản xuất phân bón	2012	
	Buôn bán phân bón	4669	

3. Quy mô dự án:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: 81.068 m².
- Công suất thiết kế:

+ Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ) theo phương pháp phối trộn, vè viên tạo hạt với công suất 45.000 tấn/năm.

+ Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất sản phẩm phân bón hữu cơ (dạng bột, viên/hạt, lỏng) với công suất 45.000 tấn (1000 lít)/năm.

- Sản phẩm dịch vụ cung cấp:

* Nhóm phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ):

+ Phân bón vô cơ hỗn hợp (NPK, NP, NK, PK) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón đa lượng-trung lượng (NPK-trung lượng, NP-trung lượng, NK-trung lượng, PK-trung lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón hỗn hợp-vi lượng (NPK-vi lượng, NP-vi lượng, NK-vi lượng, PK-vi lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón đa lượng-trung lượng-vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón trung lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón vô cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Đóng gói phân bón vô cơ đơn và phân bón vô cơ phức hợp.

* Nhóm phân bón hữu cơ:

+ Phân bón hữu cơ có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón hữu cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

- Quy mô diện tích chiếm đất của dự án

TT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)
	TỔNG DIỆN TÍCH	81.068
1	Nhà bảo vệ công chính	35,67
2	Nhà bảo vệ công phụ, cân	35,67
3	Nhà văn phòng (3 tầng)	725,0
4	Hồ điều hòa	1.370
5	Trạm biến áp 35/0,4kV – 3500 kVA	48,0

TT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)
6	Nhà xưởng 1 - Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ (Dây chuyền 1)	9.216
7	Nhà xưởng 2 - Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ/ hữu cơ/ sinh học (Dây chuyền 3).	9.216
8	Nhà xưởng sản xuất nhóm phân hữu cơ (Dây chuyền 2) và nhà kho thành phẩm	4.992
9	Trạm cân 80T	59,20
10	Bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ	6.573
11	Nhà công vụ và phụ trợ (2 tầng)	522
12	Nhà trạm bơm nước	32,40
13	Bể chứa nước ngầm 320m ³	86,49
14	Sân thể thao	266,70
15	Nhà xưởng sản xuất phụ gia	864
16	Nhà cơ khí và kho Chứa chất thải nguy hại	1.008
17	Nhà bảo vệ công phụ 2	9,00
18	Bãi Ủ nguyên liệu phân hữu cơ	4.640
19	Tường rào loại 1	87.17
20	Tường rào loại 2	273.70
21	Khuân viên cây xanh	13.959
22	Hệ thống sân bê tông, đường giao thông nội bộ	27.049

4. Địa điểm thực hiện dự án: Bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng: 81.068 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 159.799.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu đồng), Trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 31.960.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, chín trăm sáu mươi triệu đồng), tương đương 1.404.000 đô la Mỹ.

- Vốn huy động: 127.839.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu đồng) tương đương 5.617.000 đô la Mỹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý IV/2021-Quý I/2022: Hoàn thành các thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, môi trường và đất đai của dự án.

- Quý II/2022-Quý IV/2022: Triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục của dự án.

- Tháng 12/2022: Vận hành chạy thử và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động sản xuất.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

+ Thuế suất ưu đãi: Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm theo Điểm a, Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Miễn thuế, giảm thuế: Được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo, theo Điểm a, Khoản I, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.

- Về tiền thuê đất

+ Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm theo Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 11 năm, sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

+ Được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định tại Điều 9 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.

- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

+ Dự án được được miễn thuế nhập khẩu đối với Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định tại Khoản 11, Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc Hội.

- Nguyên tắc thực hiện ưu đãi

+ Điều kiện về thuế TNDN: Dự án chỉ được hưởng ưu đãi về thuế TNDN khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 18 Thông tư số 78/2014/TTBTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TTBTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

+ Điều kiện về tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Dự án chỉ được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp sau khi làm đầy đủ các thủ tục để được hưởng ưu đãi theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc

- Thực hiện trách nhiệm của Nhà đầu tư theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- Liên hệ với Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện các nội dung liên quan đến vùng nguyên liệu, điều kiện sản xuất kinh doanh phân bón; Cung cấp các hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 về quản lý phân bón; bổ sung các nội dung theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ.

- Liên hệ với sở Công thương và các Bộ, ngành Trung ương để thực hiện các thủ tục đầu tư liên quan đến thẩm định dự án đảm bảo quy định.

- Liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn để điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo các quy định hiện hành cho phù hợp với đề xuất dự án; Liên hệ sở TNMT để được hướng dẫn các thủ tục về môi trường, cấp Giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm theo quy định.

- Triển khai dự án đảm bảo tiến độ và thực hiện nghiêm báo cáo định kỳ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn theo quy định hiện hành; Thực hiện các thủ tục về xây dựng, môi trường, các thủ tục chuyên ngành khác có liên quan theo quy định trước khi triển khai thực hiện dự án điều chỉnh theo quy định.

- Nộp hồ sơ bổ sung về quy trình công nghệ sản xuất về sở Khoa học và Công nghệ để được thẩm định (Trường hợp nhà máy sản xuất bổ sung sản phẩm phân bón dạng lỏng).

- Tổ chức điều tra đánh giá đầy đủ các tác động chính của dự án, điều tra đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng tài nguyên nước xung quanh khu vực dự án lựa chọn vị trí xả nước thải và đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải công nghiệp để có phương án xả nước thải đảm bảo theo quy định trong quá trình triển khai lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Trong mọi trường hợp công ty vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí đầu tư trong quá trình nghiên cứu và thực hiện dự án.

- Chỉ được triển khai thực hiện dự án khi đã hoàn thành các thủ tục liên quan của dự án theo quy định của pháp luật.

- Trong mọi trường hợp, khi nhà nước có sự thay đổi về quy hoạch theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm tuân thủ và hợp tác giải quyết theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND huyện Mai Sơn.

- Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương: Quản lý nhà nước về các hoạt động của dự án và hướng dẫn Nhà đầu tư các thủ tục pháp lý tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- UBND huyện Mai Sơn: Thường xuyên kiểm tra, giám sát, khi phát hiện sai phạm xử lý theo thẩm quyền; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh, sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giải quyết.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Theo dõi, đôn đốc Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ và các nội dung đã cam kết theo quy định; Trường hợp dự án vi phạm Luật Đầu tư thì tham mưu xử lý theo thẩm quyền, chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 bản (hai) bản gốc; Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Sở: TNMT, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Khoa học và Công nghệ; Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Lưu: VT, KTDN.

GIÁM ĐỐC



CHUNG THỰC BAN SƠ DỮNG VỚI BAN CHÍNH

Số:..... Quyển Số:..... SCT/BS

07-02-2023

Lê Hồng Chương

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CẨM HẠ CÔNG
CÔNG CHỨNG VIÊN**



Bùi Xuân Lương

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu: ngày 09 tháng 11 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc nộp ngày 14/9/2021;

Xét Báo cáo thẩm định số 805/BC-SKHĐT ngày 01/11/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư

Tên nhà đầu tư: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500634028 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký lần đầu ngày 18/5/2021.

Địa chỉ trụ sở: Ngõ 389, đường Lê Đức Thọ, tổ 14, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại: 0913.252.378.

Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: **Nguyễn Như Hùng**; Giới tính: Nam

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc - Sinh ngày: 20/12/1972, Quốc tịch: Việt Nam.

- Thẻ căn cước công dân số 012072000382 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/4/2021.

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 32, đường cách mạng tháng 8, tổ 9, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 32, đường cách mạng tháng 8, tổ 9, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Tên dự án: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc.

3. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất phân bón NPK và phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp cho thị trường trong và ngoài tỉnh Sơn La.

- Tạo doanh thu, lợi nhuận cho Doanh nghiệp và đặc biệt góp phần tạo thêm việc làm cho lao động địa phương.

- Ngoài ra góp phần tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và tăng thu ngân sách nhà nước trong thời gian tới.

Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc	Sản xuất phân bón	0892	
	Buôn bán phân bón	4669	

4. Quy mô dự án:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: 81.068 m².

- Công suất thiết kế

+ Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón NPK công suất 15 tấn/h tương đương 45.000 tấn/năm.

+ Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ và hữu cơ khoáng công suất 15 tấn/giờ.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

(1) Dòng sản phẩm phân bón NPK: 45.000 tấn/năm

(2) Dòng sản phẩm phân bón Hữu cơ: Phân Hữu cơ Sinh học; Phân hữu cơ vi sinh; phân vi sinh; phân hữu cơ khoáng; phân khoáng hữu cơ; phân sinh học...

- Quy mô diện tích chiếm đất của dự án

S T T	Chức năng sử dụng đất	Diện tích tổng mặt bằng QH (m ²)
I	Tổng diện tích	81.068
1	Khu nhà máy, kho tàng	24.926
1.1	Nhà xưởng 1; 2 - Dây chuyền sản xuất và nhà kho thành phẩm	18.672
1.2	Nhà xưởng 3 - Dây chuyền sản xuất phân Hữu cơ	2.731
1.3	Nhà xưởng 4 - Xưởng xử lý nước thải	1.003
1.4	Nhà xưởng 5 - Xưởng sản xuất phụ gia	864
1.5	Nhà xưởng 6 - Nhà kho thành phẩm	1.656
2	Nhà làm việc - Văn phòng	272
3	Đất bãi tập kết nguyên vật liệu	9.647
4	Khuôn viên cây xanh	14.817
5	Khu nhà nghỉ công nhân	752
6	Hồ điều hòa	1.317
7	Hệ thống giao thông nội bộ	27.049
8	Hạ tầng kỹ thuật khác....	2.288

5. Vốn đầu tư của dự án: 159.799.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu đồng), Trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: **31.960.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, chín trăm sáu mươi triệu đồng), tương đương 1.404.000 đô la Mỹ.

- Vốn huy động: **127.839.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu đồng) tương đương 5.617.000 đô la Mỹ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

(1) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: Theo tiến độ triển khai của dự án.

(2) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

- Quý IV/2021-Quý I/2022: Hoàn thành các thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, môi trường và đất đai của dự án.

- Quý II/2022-Quý IV/2022: Triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục của dự án.

- Tháng 12/2022: Vận hành chạy thử và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động sản xuất.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng:

Dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc của Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc đề xuất được thực hiện tại bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thuộc địa bàn ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ nên dự án được hưởng các ưu đãi sau:

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

+ Thuế suất ưu đãi: Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm theo điểm a, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Miễn thuế, giảm thuế: Được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo, theo điểm a, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.

- Về tiền thuê đất

+ Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm theo khoản 2, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 11 năm, sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

+ Được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định tại Điều 9 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.

- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

+ Dự án được được miễn thuế nhập khẩu đối với Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định tại khoản 11, Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc Hội.

- Nguyên tắc thực hiện ưu đãi

+ Điều kiện về thuế TNDN: Dự án chỉ được hưởng ưu đãi về thuế TNDN khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 18 Thông tư số 78/2014/TTBTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TTBTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

+ Điều kiện về tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Dự án chỉ được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp sau khi làm đầy đủ các thủ tục để được hưởng ưu đãi theo quy định của Pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc

- Thực hiện trách nhiệm của Nhà đầu tư theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- Liên hệ với Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện các nội dung liên quan đến vùng nguyên liệu, điều kiện sản xuất kinh doanh phân bón; Cung cấp các hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 về quản lý phân bón; bổ sung các nội dung theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ.

- Liên hệ với sở Công Thương và các Bộ, ngành Trung ương để thực hiện các thủ tục đầu tư liên quan đến thẩm định dự án đảm bảo quy định.

- Tổ chức điều tra đánh giá đầy đủ các tác động chính của dự án, điều tra đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng tài nguyên nước xung quanh khu vực dự án; lựa chọn vị trí xả nước thải và đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải công nghiệp để có phương án xả nước thải đảm bảo theo quy định trong quá trình triển khai lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Trong mọi trường hợp công ty vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí đầu tư trong quá trình nghiên cứu và thực hiện dự án.

- Chỉ được triển khai thực hiện dự án khi đã hoàn thành các thủ tục liên quan của dự án theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ký quỹ trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Triển khai dự án đảm bảo tiến độ và thực hiện nghiêm báo cáo định kỳ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn theo quy định hiện hành.

- Trong mọi trường hợp, khi nhà nước có sự thay đổi về quy hoạch theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm tuân thủ và hợp tác giải quyết theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn

- Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương: Quản lý nhà nước về các hoạt động của dự án và hướng dẫn Nhà đầu tư các thủ tục pháp lý tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn nhà đầu tư các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và xác định các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về đất đai; Hướng dẫn các thủ tục về môi trường theo quy định.

- UBND huyện Mai Sơn: Thường xuyên kiểm tra giám sát khi phát hiện sai phạm xử lý theo thẩm quyền; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

- Sở Kế hoạch và đầu tư: Theo dõi, đôn đốc Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ và các nội dung đã cam kết theo quy định; Trường hợp dự án vi phạm Luật Đầu tư thì tham mưu xử lý theo thẩm quyền, chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc; Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La, 01 bản lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Sơn La. /

CHỖNG THỰC BẮM CÁN HỮU CHÍNH VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 15b.

Số: 2015 Quyển Số: 01 SCT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công



Nguyễn Thị Hiền

Số: 386/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 9 tháng 11 năm 2021)

(điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 07 tháng 3 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc nộp ngày 11/02/2022 và ý kiến của các cơ quan liên quan;

Xét Báo cáo thẩm định số 102/BC-SKHĐT ngày 01/3/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2718/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chấp thuận ngày 09 tháng 11 năm 2021 với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất

- Nội dung tại gạch đầu dòng thứ nhất (phần mục tiêu dự án) đã ghi tại Quyết định chủ trương đầu tư số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 được điều chỉnh như sau:

Sản xuất phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ) theo phương pháp phối trộn, vè viên tạo hạt và phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp cho thị trường trong và ngoài tỉnh Sơn La.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai

Nội dung công suất thiết kế (phần quy mô dự án) đã ghi tại Quyết định chủ trương đầu tư số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 được điều chỉnh như sau:

- Công suất thiết kế:

+ Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ) theo phương pháp phối trộn, vè viên tạo hạt với công suất 45.000 tấn/năm.

+ Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất nhóm phân bón hữu cơ (dạng bột, viên/hạt, lỏng) với công suất 45.000 tấn (1.000 lít)/năm.

- Sản phẩm dịch vụ cung cấp:

* Nhóm phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ):

+ Phân bón vô cơ hỗn hợp (NPK, NP, NK, PK) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón đa lượng - trung lượng (NPK - trung lượng, NP - trung lượng, NK - trung lượng, PK - trung lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón hỗn hợp - vi lượng (NPK - vi lượng, NP - vi lượng, NK - vi lượng, PK - vi lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón đa lượng - trung lượng - vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón trung lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón vô cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Đóng gói phân bón vô cơ đơn và phân bón vô cơ phức hợp.

* Nhóm phân bón hữu cơ:

+ Phân bón hữu cơ có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

+ Phân bón hữu cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng, đất hiếm.

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba

Nội dung Quy mô diện tích chiếm đất của dự án (phần quy mô dự án) đã ghi tại Quyết định chủ trương đầu tư số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 được điều chỉnh như sau:

Quy mô diện tích chiếm đất của dự án:

TT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)
	TỔNG DIỆN TÍCH	81.068
1	Nhà bảo vệ cổng chính	35,67
2	Nhà bảo vệ cổng phụ, cân	35,67
3	Nhà văn phòng (3 tầng)	725,0
4	Hồ điều hòa	1.370
5	Trạm biến áp 35/0,4kV – 3500 kVA	48,0
6	Nhà xưởng 1 - Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ (Dây chuyền 1)	9.216
7	Nhà xưởng 2 - Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ/ hữu cơ/ sinh học (Dây chuyền 3).	9.216
8	Nhà xưởng sản xuất nhóm phân hữu cơ (Dây chuyền 2) và nhà kho thành phẩm	4.992
9	Trạm cân 80T	59,20
10	Bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ	6.573
11	Nhà công vụ và phụ trợ (2 tầng)	522
12	Nhà trạm bơm nước	32,40
13	Bể chứa nước ngầm 320 m ³	86,49
14	Sân thể thao	266,70
15	Nhà xưởng sản xuất phụ gia	864
16	Nhà cơ khí và kho	1.008
17	Chứa chất thải nguy hại	1.008
18	Nhà bảo vệ cổng phụ 2	9,00
20	Bãi Ủ nguyên liệu phân hữu cơ	4.640
21	Tường rào loại 1	87,17
22	Tường rào loại 2	273,70

1 - C.2
HỒNG
CHUNG
A CÔNG
A - T. S

23	Khuân viên cây xanh	12,951
24	Hệ thống sân bê tông, đường giao thông nội bộ	27,049

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

3.1. Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc

- Thực hiện trách nhiệm của Nhà đầu tư theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- Triển khai dự án đảm bảo tiến độ điều chỉnh và thực hiện nghiêm báo cáo định kỳ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn theo quy định hiện hành; Thực hiện các thủ tục về xây dựng, môi trường, các thủ tục chuyên ngành khác có liên quan theo quy định trước khi triển khai thực hiện dự án điều chỉnh theo quy định.

- Liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn để điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo các quy định hiện hành cho phù hợp với đề xuất dự án; Liên hệ sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn các thủ tục về môi trường, cấp Giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm theo quy định.

- Nộp hồ sơ bổ sung về quy trình công nghệ sản xuất về sở Khoa học và Công nghệ để được thẩm định (Trường hợp nhà máy sản xuất bổ sung sản phẩm phân bón dạng lỏng).

- Trong mọi trường hợp, khi nhà nước có sự thay đổi về quy hoạch theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm tuân thủ và hợp tác giải quyết theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND huyện Mai Sơn.

- Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương: Quản lý nhà nước về các hoạt động của dự án và hướng dẫn Nhà đầu tư các thủ tục pháp lý tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- UBND huyện Mai Sơn: Thường xuyên kiểm tra giám sát khi phát hiện sai phạm xử lý theo thẩm quyền; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

- Sở Kế hoạch và đầu tư: Theo dõi, đôn đốc Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ và các nội dung đã cam kết theo quy định; Trường hợp dự án

vi phạm Luật Đầu tư thì tham mưu xử lý theo thẩm quyền, chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của các Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 9/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ, Cục thể tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc; Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La, 01 bản lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Sơn La. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, Phú 15b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: Quyển Số: SỞ PHIS

07-02-2023



Nguyễn Thành Công

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CAM HẠ CÔNG
CÔNG CHỨNG VIÊN



Bùi Xuân Lương

Số: 1818/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc thuê đất để thực hiện Dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc tại bản Xa Căn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 2232/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tổng cục Quản lý đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi trường về cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La tại Tờ trình số 448/TTr-STNMT ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Báo cáo số 963/BC-STNMT ngày 27 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc thuê đất để thực hiện dự án Dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc tại bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với những nội dung sau:

1. Thu hồi đất: Thu hồi 81.068 m² đất của UBND xã Mường Bon đang quản lý (gồm: 79.252 m² là đất trồng cây hàng năm khác "UBND tỉnh Sơn La đã thu hồi đất của Công ty TNHH nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La tại Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021"; 1.816 m² đất giao thông "đường dân sinh các hộ dân đang sử dụng phục vụ đi lại khu sản xuất").

- Loại đất thu hồi: Đất trồng cây hàng năm khác, đất giao thông.

- Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo mảnh trích đo địa chính xã Mường Bon số 02-2022 do Công ty TNHH xây dựng Vũ Phong đo vẽ và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận ngày 25 tháng 6 năm 2022 (có trích đo khu đất kèm theo).

- Lý do thu hồi: Để thực hiện Dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc, UBND tỉnh Sơn La đã chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021.

2. Chuyển mục đích sử dụng đất

- Chuyển 81.068 m² đất đã thu hồi tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này sang mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Lý do chuyển mục đích sử dụng đất: Để thực hiện Dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc.

- Địa chỉ khu đất: Bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo mảnh trích đo địa chính xã Mường Bon số 02-2022 do Công ty TNHH xây dựng Vũ Phong đo vẽ và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận ngày 25 tháng 6 năm 2022 (có trích đo khu đất kèm theo).

3. Thuê đất: Cho Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc thuê 81.068 m² đất đã chuyển mục đích sử dụng đất tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (để thực hiện Dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc).

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 09 tháng 11 năm 2071 (theo thời hạn tại Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc của Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc khu đất cho thuê tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này.

1.2. Ký và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc khu đất cho thuê tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này theo quy định.

1.3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan bàn giao đất tại thực địa cho Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc khu đất được thuê tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này. Hoàn thành trước ngày 20 tháng 9 năm 2022.

1.4. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định; xác định vị trí đất để tính tiền thuê đất; chuyển thông tin địa chính sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

1.5. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh: Chỉ đạo Chi Cục Thuế khu vực Mai Sơn - Yên Châu tính, thu tiền thuê đất đối với Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc theo quy định.

3. UBND huyện Mai Sơn

3.1. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Mường Bon giám sát việc sử dụng đất của Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc. Trường hợp phát hiện đơn vị có vi phạm pháp luật về đất đai thì thực hiện xử lý vi phạm theo quy định, nếu vượt quá thẩm quyền thì có văn bản báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

3.2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan bàn giao đất tại thực địa cho Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc.

4. Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc: Quản lý và sử dụng phần diện tích đất được thuê theo đúng quy định của Luật Đất đai và đúng mục đích ghi tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Chỉ cục trưởng Chỉ cục Thuế khu vực Mai Sơn - Yên Châu; Giám đốc Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc; Chủ tịch UBND xã Mường Bon, huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./

CHỨNG THỰC BẢN SẠO NÀY DỰNG VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND Tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

Số: 1866... Quyển Số: 01... SCT/SS

07-09-2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



Nguyễn Thị Hiền

Số: 1830/HĐ-TĐ

Sơn La, ngày 12 tháng 9 năm 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty CP phân bón Sông Lam Tây Bắc thuê đất để thực hiện dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc tại bản Xa Cẩn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

Hôm nay, ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường, chúng tôi gồm có:

I - Bên cho thuê đất là: Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La do ông Phùng Kim Sơn – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La làm đại diện.

Địa chỉ: Tòa nhà T2 Trung tâm hành chính tỉnh Khu Quảng trường, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

II - Bên thuê đất là: Công ty CP phân bón Sông Lam Tây Bắc do Ông Nguyễn Như Hùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 398, đường Lê Đức Thọ, Tổ 14, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La, Việt Nam

- Điện thoại: 0913 252 378

III - Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất đối với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 81.068 m² đất (Tám mươi một nghìn, không trăm sáu mươi tám mét vuông).

Địa chỉ khu đất: Bản Xa Cẩn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính xã Mường Bon số 02-2022 do Công ty TNHH Xây dựng Vũ Phong đo vẽ và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận ngày 25/6/2022.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 09/11/2071 (theo thời hạn tại quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc của Công ty CP phân bón Sông Lam Tây Bắc).

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (để thực hiện dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất:

- Vị trí 1 là 18.251,9 m², giá đất 2.800 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Hai nghìn, tám trăm đồng trên mét vuông trên năm).

- Vị trí 2 là 16.540 m², giá đất 2.240 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Hai nghìn, hai trăm bốn mươi đồng trên mét vuông trên năm).

- Vị trí 3 là 14.982,4 m², giá đất 1.680 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Một nghìn, sáu trăm tám mươi đồng trên mét vuông trên năm).

- Vị trí 4 là 13.459,4 m², giá đất 1.400 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm đồng trên mét vuông trên năm).

- Vị trí 5 là 17.835,3 m², giá đất 1.120 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Một nghìn, một trăm hai mươi đồng trên mét vuông trên năm).

Thời gian ổn định giá đất tính tiền thuê đất: 05 năm kể từ ngày 01/9/2022 đến ngày 31/8/2027 (Theo Thông báo số 874/TB-CTSLA ngày 12/9/2022 của Cục thuế tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đơn giá thuê đất).

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 31/8/2022, ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định cho thuê đất.

3. Hình thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Theo thông báo của cơ quan thuế.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và theo Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.



3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên: Sau khi hết thời hạn ổn định giá đất tính tiền thuê đất tại Khoản 1 Điều 2 Hợp đồng này, đề nghị Công ty CP phân bón Sông Lam Tây Bắc đến Sở Tài nguyên và Môi trường để ký phụ lục hợp đồng theo quy định.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.
2. Theo đề nghị của một Bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận.
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản, hoặc giải thể.
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của Pháp luật.

Các cam kết khác (Nếu có): Không.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền thuê đất, kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký 9/1/2023 Quyển Số: SCT/BS

07-02-2023

BÊN THUÊ ĐẤT
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐOC



Nguyễn Như Hùng

BÊN CHO THUÊ ĐẤT
P. GIÁM ĐOC



Phùng Kim Sơn



Đức Xuân Lương





GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 5500634028

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 5 năm 2021

do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp

Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 398, đường Lê Đức Thọ, tổ 14, phường Quyết Thắng,
Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

DE 292671

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Số thửa: 1, tờ bản đồ số: TĐ02-2022
b) Địa chỉ: Bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
c) Diện tích: 81.068,0 m² (Bảng chữ: Tám mươi một nghìn không trăm sáu mươi tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 81.068,0 m²; chung: Không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 09/11/2071
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Số hiệu và diện tích thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính
Thửa đất có 4.848,7 m² đất nằm trong hành lang lưới điện 110 KV và 2.865,7 m² đất nằm trong hành lang lưới điện 35 KV

Sơn La, ngày 31 tháng 08 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

TUQ. CHỦ TỊCH

P. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phùng Kim Sơn

Số vào sổ cấp GCN: CT 00894

QĐ số: 1818/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022

luông)



10

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



1 4 0 4 1 2 6 2 2 0 0 2 4 2 0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 984/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn, thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc được thành lập theo Quyết định số 12/QĐ-HĐTD ngày 04/01/2022 họp ngày 21/01/2022;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 12/CV-SL.TB ngày 15/3/2022 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc;

Xét kết quả việc xử phạt vi phạm hành chính đối của Dự án nhà máy phân bón Sông Lam Tây bắc tại bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tại Quyết định số 26/QĐ-XPVPHC ngày 16/5/2022 của Thanh tra Sở Xây dựng về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng và Quyết định số 983/QĐ-XPVPHC ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; *qd*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 224/TTr-STNMT ngày 30/3/2022 và Báo cáo số 583/BC-STNMT ngày 11/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại bản Xa Cẩn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (có báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án kèm theo) với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật và các kết luận của Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai sót (nếu có).

2. Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc (Chủ dự án) có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định pháp luật.

b) Tuân thủ nghiêm ngặt các Tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và các quy định của Pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng và thiết kế các hạng mục công trình của dự án.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Chủ tịch UBND xã Mường Bon; Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c) **SCT/BS**
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT, Biên KT. 15 bản.

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

07-02-2023

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CAM HẠ CÔNG
CÔNG CHỨNG VIỆN**



Đặng Ngọc Hậu

Bùi Xuân Lương



PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án
Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc

(Kèm theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 03 / 6 /2022 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc.
- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc.
- Đại diện: Ông Nguyễn Như Hùng. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.
- Địa chỉ: Số nhà 32, đường Cách mạng tháng 8, tổ 9, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Điện thoại: 0913.252.378.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 5500634028, đăng ký lần đầu ngày 18/5/2021.
- Địa điểm thực hiện dự án: Bản Xa Cẩn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Tổng vốn đầu tư: 159.799.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỉ, bảy trăm chín mươi chín triệu đồng).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

a) Phạm vi

Khu vực thực hiện dự án thuộc bản Xa Cẩn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 81.068m², ranh giới khu đất như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất đồi núi;
- Phía Tây Nam giáp trục đường đi thị trấn Hát Lót;
- Phía Tây Bắc giáp đất Nông trường Tô Hiệu;
- Phía Đông Nam giáp đất Nông trường Tô Hiệu.

Tọa độ các điểm khép góc khu vực thực hiện dự án

Tên điểm	X(m)	Y(m)	Tên điểm	X(m)	Y(m)
M1	2348917,23	510126,98	M9	2348884,17	510073,02
M2	2348865,25	510187,22	M10	2348892,21	510098,53
M3	2348862,55	510192,12	M11	2348951,01	509922,75
M4	2348800,99	510254,82	M12	2348897,99	509989,98
M5	2348754,11	510210,72	M13	234746,97	510205,59
M6	2348772,26	510193,15	M14	2348583,44	510002,74
M7	2348774,69	510189,05	M15	2348847,25	509810,35
M8	2348869,09	510058,34			

b) Quy mô công suất

*** Công suất thiết kế:**

- Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ) theo phương pháp phối trộn, vôi viên tạo hạt công suất 45.000 tấn/năm.

- Đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất nhóm phân bón hữu cơ (dạng bột, viên/hạt, lỏng) với công suất 45.000 tấn/năm.

*** Các loại phân bón sản xuất của nhà máy:**

- Nhóm phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ):

+ Phân bón vô cơ hỗn hợp (NPK, NP, NK, PK) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Phân bón (NPK-trung lượng, NP-trung lượng, NK-trung lượng, PK-trung lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Phân bón hỗn hợp-vi lượng (NPK-vi lượng, NP-vi lượng, NK-vi lượng, PK-vi lượng) có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Phân bón đa lượng-trung lượng-vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Phân bón trung lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Phân bón vi lượng có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Phân bón vô cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Đóng gói phân bón vô cơ đơn và phân bón vô cơ phức hợp.

- Nhóm phân bón hữu cơ:

+ Phân bón hữu cơ có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

+ Phân bón hữu cơ nhiều thành phần có hoặc không có chất điều hòa sinh trưởng.

*** Công nghệ sản xuất**

- Phân bón vô cơ: Phối trộn các phân bón vô cơ đơn, phân bón vô cơ phức hợp, trung lượng, vi lượng, chất hữu cơ, chất sinh học với nhau.

- Phân bón hữu cơ: Phối trộn các nguyên liệu là than bùn, đất màu, phân gà, phân bò, vỏ cà phê, bã mía, bã sắn... đã được xử lý bán thành phẩm với các nguyên liệu khác là phân bón vô cơ đơn, phân bón vô cơ phức hợp, trung lượng, vi lượng, vi sinh vật, các chất sinh học khác và chất điều hòa sinh trưởng với nhau.

1.3. Các hạng mục công trình của dự án

Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 81.068m², trong đó: Diện tích xây dựng là 26.037 m². Diện tích đường ô tô là 19.384 m². Diện tích thảm cỏ, cây xanh là 23.437 m². Diện tích sân bãi bê tông là 12.210 m². Mật độ xây dựng: 31,34%. Mật độ cây xanh: 29,05%.

Quy mô các hạng mục của dự án

TT	Tên hạng mục	Diện tích (m²)
1	Nhà bảo vệ cổng chính	35,67
2	Nhà bảo vệ cổng phụ, cân	35,67
3	Nhà văn phòng (3 tầng)	725,0
4	Hồ điều hòa	1.370
5	Trạm biến áp 35/0,4kV - 3500kVA	48,0
6	Nhà xưởng 1 - Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ (Dây chuyền 1)	9.216
7	Nhà xưởng 2 - Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ/hữu cơ chất lượng cao (Dây chuyền 3)	9.216
8	Nhà xưởng sản xuất nhóm phân hữu cơ (Dây chuyền 2) và nhà kho thành phẩm	4.992
9	Trạm cân 80T	59,20
10	Bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ	6.573
11	Nhà công vụ và phụ trợ (2 tầng)	522
12	Nhà trạm bơm nước	32,40
13	Bể chứa nước ngầm 320m ³	86,49
14	Sân thể thao	266,70
15	Nhà xưởng sản xuất phụ gia	864
16	Nhà cơ khí và kho	1.008
17	Chứa chất thải nguy hại	1.008
18	Nhà bảo vệ cổng phụ 2	9,00
19	Bãi ủ nguyên liệu phân hữu cơ	4.640
20	Tường rào loại 1	87.17m
21	Tường rào loại 2	273,7 m
22	Khuôn viên cây xanh	12,951
23	Hệ thống sân bê tông, đường giao thông nội bộ	27,049

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

a) Giai đoạn xây dựng

- Tác động của nước thải: Nước thải sinh hoạt; Nước thải thi công xây dựng; Nước mưa chảy tràn.

- Tác động của bụi, khí thải: Từ hoạt động giải phóng mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, thi công các hạng mục công trình.

- Tác động của chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt; Chất thải nguy hại; chất thải rắn trong quá trình xây dựng.

- Tác động của tiếng ồn, độ rung.
- Tác động đến kinh tế xã hội.
- Các rủi ro sự cố.

b) Giai đoạn vận hành dự án

- Tác động do phát sinh chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt; Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất; Chất thải rắn nguy hại.

- Tác động do nước thải: Nước thải sinh hoạt; Nước mưa chảy tràn.

- Tác động do bụi và khí thải: Phát sinh từ các phương tiện ra vào nhà máy, từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng, từ hoạt động sản xuất sản xuất phân vô cơ; Mùi phát sinh từ hoạt động phơi ủ nguyên liệu phục vụ sản xuất phân hữu cơ.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Trong giai đoạn xây dựng: phát sinh khoảng $1,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;
- Trong giai đoạn vận hành: phát sinh $6,5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Thành phần nước thải sinh hoạt gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các loại vi sinh vật gây bệnh cho người và động vật, nhiều hợp chất của Nitơ và Photpho.

b) Nước mưa chảy tràn

- Trong giai đoạn xây dựng: phát sinh khoảng $135 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, thành phần chủ yếu là đất cát, bụi cuốn theo và các loại chất thải khác (dầu mỡ, kim loại, xi măng,...);

- Trong giai đoạn vận hành: phát sinh khoảng $215 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ bao gồm nước mưa chảy tràn từ mái nhà, sân nền, đường giao thông nội bộ. Thành phần nước mưa chảy tràn chủ yếu là đất cát, chất rắn lơ lửng.

c) Nước thải sản xuất

- Trong quá trình thi công xây dựng: Chủ yếu là nước thải từ quá trình rửa bồn trộn vữa, trộn bê tông phát sinh khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ hoạt động bảo dưỡng xe và thiết bị, máy móc tham gia thi công phát sinh khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần nước thải chủ yếu là vôi vữa, xi măng.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Không để phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất phân hữu cơ.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động khử khoáng nước cấp (hệ thống lọc nước composite) để cung cấp cho hoạt động lò hơi phát sinh khoảng $0,2 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động phun dập bụi ống khói phát sinh khoảng $0,2 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, mùi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, thi công các hạng mục công trình (đào đắp đất đá, phương tiện thi công, lắp đặt xây dựng các hạng mục công trình).

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện chở nguyên liệu ra vào nhà máy.
- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất sản xuất phân vô cơ:

+ Bụi và khí thải phát sinh công đoạn sấy 1: Lưu lượng phát sinh tối đa là $30.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

+ Bụi và khí thải phát sinh công đoạn sấy 2: Lưu lượng phát sinh tối đa là $30.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chuẩn bị nguyên liệu, trộn nguyên liệu và sàng sản phẩm: Lưu lượng phát sinh tối đa là $30.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình làm nguội sản phẩm: Lưu lượng phát sinh tối đa là $30.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ kho chứa thành phẩm.

- Mùi phát sinh từ hoạt động phơi ủ, đảo nguyên liệu và công đoạn nghiền sàng trộn nguyên liệu, sấy, trong quá trình sản xuất phân hữu cơ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Trong giai đoạn xây dựng: Phát sinh khoảng 12,8 kg/ngày.
- Trong giai đoạn vận hành: phát sinh khoảng 28,2 kg/ngày.

Thành phần của rác thải sinh hoạt chủ yếu là chất hữu cơ, thức ăn thừa, vỏ trái cây, túi nilon, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày,...

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Trong giai đoạn xây dựng: Chất thải rắn là thảm thực vật phát quang phát sinh khoảng 1,0 tấn; Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (gạch vỡ, vỏ bao xi măng, cát, đá, gỗ vụn, sắt vụn,...) phát sinh khoảng 115,6kg/ngày; Đất đá thải phát sinh trong quá trình đào nền (đào móng các công trình, đào bể lắng, bể điều hòa) khoảng 35.121 m^3 .

- Trong giai đoạn vận hành: Phát sinh chủ yếu là bao bì hỏng (bao tải nhựa PE phân bón) và các túi đựng hóa chất phụ gia khối lượng khoảng 0,5kg/ngày. 

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng: Do không tiến hành hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tại công trường nên chất thải nguy hại phát sinh gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng,... với khối lượng khoảng 01 kg/tháng.

b) Trong giai đoạn vận hành

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình năm của dự án gồm:

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ	kg/năm	2,0
2	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa	kg/năm	125
3	Bóng đèn huỳnh quang	kg/năm	1,5
4	Dầu nhớt thải	kg/năm	5,0
5	Hộp mực in thải	kg/năm	0,5
Tổng		kg/năm	134

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác

a) Giai đoạn thi công: Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị. Tác động bởi các rủi ro sự cố (cháy nổ, sạt lở,...).

b) Giai đoạn vận hành: Tác động của tiếng ồn và độ rung; Tác động của các rủi ro sự cố (Tai nạn lao động, sự cố nổi hơi, cháy nổ,...).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) *Giai đoạn xây dựng*

* Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động, kích thước rộng 90 cm, dài 130 cm, cao 242 cm (có bể lắng) để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

* Đối với nước thải xây dựng và nước mưa chảy tràn:

- Tất cả nước thải phát sinh từ công trình bao gồm: nước thải xây dựng, nước rửa thiết bị sẽ được vào hố ga kích thước 2mx1mx1m, thể tích 2,0m³ để lắng trước khi thải ra môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh, nạo vét hệ thống thoát nước của dự án, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường nước thoát nước mặt. Tần suất nạo vét, khơi thông công rãnh 2 tuần/lần.

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa chất thải rò rỉ qua đường thoát thải.

- Thiết kế hệ thống mương thoát phù hợp, tạo độ dốc thoát nước đảm bảo không bị ngập úng trong mùa mưa. Tạo các rãnh thoát nước mưa và hố thu gom nước tạm thời để thu gom triệt để nước bề mặt phát sinh từ công trình xây dựng.

Toàn bộ nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án được thu gom và thoát ra môi trường theo địa hình khu vực.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công xây dựng phải được che chắn bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

*** Nước thải sinh hoạt**

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ được thu gom và xử lý bằng 02 bể tự hoại (*Bể tự hoại cải tiến BASTAF với các vách ngăn lọc kỵ khí (5 ngăn), bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép, chống thấm, thể tích mỗi bể 5m³*). Nước thải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (*cột B*) và được chảy qua đường ống PVC (Ø110) xả thải ra ngoài môi trường theo phương thức tự chảy.

*** Nước mưa chảy tràn**

- Bố trí mương thoát nước dọc theo ven đường ô tô và tường rào để thu nước mặt đường và thoát nước mưa của các hạng mục. Chiều rộng lòng mương từ B400mm đến B600mm, chiều sâu trung bình từ 400mm đến 1200mm. Đáy mương bằng bê tông cốt thép mác M200 dày 200mm, thành mương xây gạch đặc M75 dày 220mm, vữa xây trát mác xi măng cát mác M100, nắp mương bằng BTCT mác M200 dày 70mm.

- Bố trí hệ thống mương thoát nước gồm mương xây gạch và mương bằng bê tông cốt thép đúc sẵn. Mương thoát nước B400mm có chiều dài 860m; Mương thoát nước bê tông cốt thép dài 330m; Bố trí 17 ga thu, ga thăm; Bố trí 02 cửa xả B400mm, B600mm.

*** Nước thải sản xuất**

- Nước thải phát sinh từ hoạt động khử khoáng nước cấp (*hệ thống lọc nước composite*) được thu gom bằng đường ống PVC (Ø150) về bể điều hòa có thể tích 2.055 m³ (*bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép, chống thấm*) và được sử dụng cho mục đích tưới cây xung quanh khu vực dự án.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động phun sữa vôi dập bụi ống khói: Được thu gom vào bể chứa nước sau phun ống khói (*bể gồm 02 ngăn lắng, thể tích 144m³, được xây bằng bê tông cốt thép chống thấm*) và được tuần hoàn về thùng quay bơm lên hệ thống xử lý khí thải để dập bụi.

- Yêu cầu không phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất phân hữu cơ, trường hợp phát sinh phải có biện pháp thu gom, xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Sử dụng bạt che di động tại vị trí sản phơi ủ nguyên liệu để không xảy ra hiện tượng nước mưa chảy tràn kéo theo nguyên nhiên liệu ra khu vực khuôn viên nhà máy và môi trường bên ngoài. 

- Trong quá trình vận chuyển nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ, Công ty phải có trách nhiệm yêu cầu đơn vị cung ứng nguyên liệu dùng xe có thùng chứa, phủ bạt kín tránh phát tán mùi và làm rò rỉ nước thải ra bên ngoài. Đảm bảo nguyên liệu phải sơ chế đạt độ khô từ 45-55% để hạn chế nguy cơ rò rỉ nước thải và mùi phát tán gây ô nhiễm môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu phải được phủ kín thùng xe, không chở đầy, chở quá tải ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, không đổ tràn chất thải hoặc vật liệu xây dựng, gây bụi ảnh hưởng đến giao thông và người dân trong khu vực.

- Dùng xe tưới ẩm các đoạn đường vận chuyển trong và ngoài công trường thi công vào những ngày nắng. Tần suất tưới là 2 lần/ngày (vào các khung giờ: 7h00' và 13h30'), với quãng đường tưới khoảng 500m từ công nhà máy về phía Tiểu khu 18, thị trấn Hát Lót.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường phải được vệ sinh sạch sẽ (bánh xe, thùng xe) tránh vương vãi đất cát ra đường. Xây dựng cầu rửa xe, bể lắng nước thải rửa xe tại các cổng công trường.

- Trong quá trình thi công xây dựng, không vận chuyển vật liệu xây dựng vào những thời gian cao điểm giao thông, cụ thể như sau:

+ Giờ cao điểm sáng: Từ 6h00' đến 8h30'.

+ Giờ cao điểm trưa: 11h00' - 12h00'.

+ Giờ cao điểm chiều: Từ 16h00' đến 19h30'.

- Công nhân được cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, kính, mũ, găng tay, ủng...) khi làm việc tại khu vực công trường thi công.

b) Giai đoạn vận hành

* Đối với bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện chở nguyên liệu ra vào nhà máy:

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ. Thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy vào những ngày nắng nóng, hanh khô (tần suất 02 lần/ngày) để giảm thiểu bụi cuốn theo các phương tiện vận chuyển.

- Phương tiện vận chuyển phải được đóng kín thùng xe, phủ bạt để hạn chế phát sinh mùi ra ngoài môi trường.

- Công ty bố trí trồng thêm cây xanh dọc các đường đi lại và các khuôn viên nhỏ trồng cây cảnh hoặc hoa bên trong Nhà máy, mật độ khoảng 1 cây/m².

* Đối với bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng

- Máy phát điện được bố trí đặt trong nhà đặt máy nhằm giảm ảnh hưởng tiếng ồn tới công nhân làm việc. Máy phát điện đặt trên bệ bê tông chắc chắn, giữa có

chèn lớp cao su đàn hồi nhằm giảm thiểu độ rung lan truyền, đồng thời đảm bảo máy phát điện hoạt động được lâu dài.

- Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

* Đối với bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất sản xuất phân vô cơ:

Công nghệ xử lý bụi và khí phát sinh từ hoạt động sản xuất phân bón vô cơ là công nghệ xử lý lọc sinh học, hấp thụ. Bụi và khí thải sau khi được hút qua xyclon chùm và tháp hấp thụ vị rửa khí để xử lý khí sẽ đạt QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B) trước khi xả thải ra môi trường, phương thức xả thải liên tục. Cụ thể:

- Bụi và khí thải phát sinh công đoạn sấy 1 và sấy 2: Dùng quạt hút đưa dòng khí sấy ra khỏi thiết bị sấy thùng quay (chứa nhiều bụi), sau đó đi qua xyclon tách bụi chùm 6 tại vị số D01 và D02 (để thu bụi) và qua tháp hấp thụ vị trí T01 & T02 (để rửa khí). Do lò đốt sử dụng than nên trong khí sấy có thành phần lưu huỳnh nên hệ thống nước cấp rửa khí cho tháp hấp thụ được bổ sung sữa vôi để đảm bảo nước sử dụng rửa khí luôn có $\text{pH} \geq 9$. Việc kiểm tra độ pH của nước rửa khí (tuần hoàn) được tiến hành thường xuyên tối thiểu 2 lần/ca (nếu $\text{pH} \leq 9$ thì phải bổ sung thêm sữa vôi). Bụi và khí thải phát sinh tại công đoạn sấy 1 và sấy 2 được xả ra ngoài qua môi trường 02 ống khói (tổng chiều cao tháp hấp thụ và ống khói $\geq 15\text{m}$).

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình làm nguội sản phẩm: Được xử lý đi qua xyclon chùm 6 vị số D03 (để thu bụi) và tháp hấp thụ vị T03 (để rửa khí) trước khi thải ra môi trường qua 01 ống khói (tổng chiều cao tháp hấp thụ và ống khói $\geq 15\text{m}$).

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chuẩn bị nguyên liệu, trộn nguyên liệu và sàng sản phẩm: Được xử lý đi qua xyclon chùm 6 vị số D04 (để thu bụi) và tháp hấp thụ vị T04 (để rửa khí) trước khi thải ra môi trường qua 01 ống khói (tổng chiều cao tháp hấp thụ và ống khói $\geq 15\text{m}$).

Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc có tổng số 04 ống khói để xả khí thải sản xuất phân bón ra môi trường. Tại các ống khói sẽ được bố trí hệ thống thang, sàn lấy mẫu và vị trí quan trắc khí thải theo quy định.

* Đối với bụi và khí thải phát sinh từ kho chứa thành phẩm

- Xây dựng kho chứa thành phẩm riêng biệt đảm bảo thông thoáng và khô ráo có mái che, chống nắng nóng, mưa dột và có hệ thống thông gió tốt.

- Trang bị khẩu trang y tế, các phương tiện bảo hộ cho công nhân trực tiếp làm việc tại kho.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực. Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh khu vực nhà máy.

* Đối với mùi phát sinh từ hoạt động phơi ủ, đảo nguyên liệu và công đoạn nghiền sàng trộn nguyên liệu, sấy, trong quá trình sản xuất phân hữu cơ.

- Yêu cầu các đơn vị cung cấp nguyên liệu phải đạt độ khô từ 45-55% mới tiến hành nhập liệu

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu phải có mái che kín (*tránh mưa*). Trong quá trình phơi, ủ nguyên liệu phải đập bật tránh phát tán mùi ra bên ngoài.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy và khu vực đất còn trống của nhà máy để tạo bóng mát, điều hòa không khí, đồng thời hạn chế mùi phát tán ra ngoài môi trường. Các loại cây được trồng có thể lựa chọn nhiều loại và kết hợp nhiều mục đích như: các loại cây ăn quả, cây cảnh,...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn xây dựng

*** Chất thải rắn sinh hoạt**

- Tổ chức thu gom các loại rác thải sinh hoạt vào thùng rác tập trung, bố trí 02 thùng đựng rác trên công trường (*loại 120 lít có nắp đậy hợp vệ sinh*).

- Đối với chất thải hữu cơ như thức ăn thừa, rau củ quả... và chất thải phi thực vật như bìa cacton, các vật dụng hết giá trị sử dụng... được thu gom tập trung trong các thùng chứa và được tái sử dụng hoặc có thể tạo điều kiện cho công nhân hoặc các hộ dân gần khu vực dự án lấy về phục vụ cho công tác chăn nuôi.

- Đối với các loại rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế thì thu gom vào thùng đem đổ tại hồ trong khu vực dự án để chôn lấp hợp vệ sinh.

*** Chất thải rắn xây dựng**

- Đối với cây cối thực vật phát quang, tạo điều kiện cho người dân quanh vùng lấy cây, cành lá làm củi đốt phục vụ cho bếp ăn của người dân.

- Toàn bộ đất đá thải, gạch vỡ, đất cát dư phát sinh sẽ được tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng chung khu vực dự án.

- Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, cút ép, gỗ... được thu gom, tái sử dụng vào các mục đích khác.

b) Giai đoạn vận hành

*** Chất thải rắn sinh hoạt**

- Tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn (*chất thải có thể tái chế, tái sử dụng và chất thải không có khả năng tái chế*). Bố trí 02 thùng rác trong khu vực nhà máy, nhà điều hành và khu vực sinh hoạt.

- Đối với chất thải hữu cơ như thức ăn thừa, rau củ quả... và chất thải phi thực vật như bìa cacton, các vật dụng hết giá trị sử dụng... được thu gom tập trung trong các thùng chứa riêng và được tái sử dụng hoặc tạo điều kiện cho công nhân lấy về phục vụ cho công tác chăn nuôi.

- Đối với các loại chất thải sinh hoạt không có khả năng tái chế, Công ty sẽ hợp đồng Công ty Cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La - Chi nhánh Mai Sơn để thu gom, xử lý theo quy định. ✓

* Chất thải rắn sản xuất: Được thu gom và chuyển giao cho các cơ sở có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

- Công ty phải thực hiện công tác phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại (lưu giữ trong 2 thùng với dung tích 120lit, trên các thùng có dán nhãn, mã số CTNH riêng biệt) và chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện báo cáo công tác quản lý chất thải nguy hại trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Công ty phải thực hiện công tác phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại trong kho chứa chất thải nguy hại và chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện báo cáo công tác quản lý chất thải nguy hại trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác (nếu có):
Không có.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a) Giai đoạn xây dựng

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (thiết bị chống ồn, mũ, quần áo bảo hộ, ...) cho công nhân thi công xây dựng nhà máy.

- Hạn chế sử dụng các thiết bị gây mức ồn nguồn >70dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70dBA để thi công, không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công. Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5km/h;

b) Giai đoạn vận hành

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng trong khu vực nhà máy. Trồng cây xung quanh khuôn viên nhà máy giảm thiểu tiếng ồn từ khu vực nhà máy ra bên ngoài.

3.7. Biện pháp giảm thiểu tác động đến điều kiện kinh tế - xã hội

- Trong quá trình thi công san tạo mặt bằng, Công ty sẽ dịch chuyển tuyến đường hiện có (tuyến đường đất sử dụng để đi vào khu vực sản xuất nông nghiệp của người dân) về phía Tây Nam khuôn viên dự án, đồng thời nâng cấp bê tông hóa tuyến đường để thuận tiện đi lại và đảm bảo không bị ảnh hưởng trong quá trình đi lại của người dân. ✓

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, đảm bảo công ăn việc làm và điều kiện lao động ổn định, góp phần nâng cao đời sống kinh tế xã hội của địa phương.

- Trường hợp gây hư hỏng tuyến đường do dự án gây ra phải phối hợp với chính quyền địa phương khắc phục sửa chữa tuyến đường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, bồi thường thỏa đáng nếu vi phạm, gây ảnh hưởng đến đời sống và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phòng chống sự cố tới an toàn lao động

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong nhà máy.

- Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường để cải thiện môi trường lao động. Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ,...

- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho quản lý nhà máy để xử lý. Khẩn trương sơ cứu nạn nhân và báo ngay cho phụ trách an toàn và y tế của địa phương.

b) Phòng chống sự cố cháy nổ, rò rỉ do khí gas

- Quy định cụ thể khu nhà kho, khu trữ dầu đảm bảo vệ sinh, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị.

- Công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

- Tại các khu nhà, các thiết bị điện đều có các aptomat đóng ngắt tự động khi có sự cố chập điện xảy ra. Xây dựng nội quy an toàn cháy nổ cho công nhân làm việc trong nhà máy. Đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy (*nước chữa cháy được lấy từ bể nước PCCC*). Trang bị các trang thiết bị chữa cháy như: Bình cứu hỏa CO₂ loại 4 kg/bình (*số lượng 10 bình*) đặt ở khu nhà làm việc và nghỉ ngơi của công nhân; 01 máy bơm nước và cuộn dây chữa cháy.

c) Giảm thiểu sự cố hóa chất

- Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển. ✓

- Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn: Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, mỗi nhóm sẽ để một vị trí khác nhau để đảm bảo an toàn hóa chất và có biểu tượng cảnh báo đặc trưng của nhóm; Bên ngoài kho có biển cảnh báo "CẤM LỬA", "CẤM HÚT THUỐC"; Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể; Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.

- Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và xử lý theo quy định.

d) Biện pháp giảm thiểu từ việc thu gom và lưu chứa nước thải

Thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom nước thải từ hệ thống khử khoáng về bể chứa nước và hệ thống đường ống thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý tránh rò rỉ làm mất mỹ quan, vệ sinh khu vực sản xuất và khuôn viên dự án.

đ) Biện pháp giảm thiểu tác động do rò rỉ hệ thống thu bụi xyclon và tháp hấp thụ trong dây chuyền sản xuất

Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu của hệ thống thu bụi xyclon và tháp hấp thụ trong dây chuyền sản xuất để nhanh chóng thay mới hoặc sửa chữa kịp thời đảm bảo hiệu suất xử lý hiệu quả cao nhất khi dây chuyền sản xuất hoạt động bình thường.

e) Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố nổi hơi và hệ thống xử lý khí thải

- Hướng dẫn và đào tạo kiến thức cho công nhân vận hành hệ thống nổi hơi, hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các thiết bị như quạt hút, lọc túi, bơm ... để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Tuân thủ quy định về an toàn lò hơi, kiểm định lò hơi.

- Thường xuyên kiểm tra quy trình vận hành hệ thống nổi hơi và xử lý khí thải. Tổ chức xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố rò rỉ, hiện tượng bất thường. Trường hợp cần thiết, dừng hoạt động sản xuất để bảo dưỡng thay thế khi có sự cố xảy ra.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

4.1. Các công trình xử lý chất thải của dự án

Hệ thống thu gom và xử lý khí thải (04 nguồn khí thải) phát sinh từ quá trình sản xuất phân bón hữu cơ (Công nghệ xử lý bụi và khí là công nghệ xử lý lọc sinh học, hấp thụ).

4.2. Các công trình bảo vệ môi trường khác của dự án

- Hệ thống rãnh thu gom và thoát nước mưa chảy tràn (Mương xây gạch và mương bằng bê tông cốt thép đúc sẵn): Mương thoát nước B400mm có chiều dài

860m; Mương thoát nước bê tông cốt thép dài 330m; Bể trí 17 ga thu, ga thăm; Bể trí 02 cửa xả B400mm, B600mm.

- Bể điều hòa có thể tích 2.055 m^3 thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động khử khoáng nước cấp.

- Bể chứa nước sau phun ống khói thể tích 144 m^3 để thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động phun sữa vôi dập bụi ống khói.

- Bể tự hoại 05 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt: 02 bể;

- Kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Thực hiện các hoạt động giám thiêu ô nhiễm trong quá trình thi công cũng như khi dự án đi vào hoạt động.

- Giám sát tiến độ thi công và chất lượng các công trình lưu giữ, giảm thiểu nước thải, khí thải, chất thải rắn của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện an toàn lao động, phòng chống sự cố cháy, nổ tại công trường trong giai đoạn thi công và quá trình hoạt động.

- Giám sát và buộc các chủ phương tiện thi công phải thực hiện theo đúng các phương án giảm thiểu bụi, tiếng ồn, an toàn lao động... đã đề ra.

- Lập kế hoạch và triển khai công tác quan trắc chất lượng môi trường theo định kỳ và khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

- Dự án phải chấp hành nghiêm chỉnh công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng về môi trường.

5.2. Chương trình giám sát chất lượng môi trường

a) Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường, thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh Sơn La. Thời điểm phải có giấy phép môi trường là trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải. Vì vậy, chương trình giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm sẽ được quy định cụ thể trong giấy phép môi trường.

b) Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành chính thức

**** Giám sát môi trường khí thải***

- Giám sát lưu lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường tại 04 ống khói.

- Giám sát chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường tại 04 ống khói.

+ Thông số quan trắc: Bụi tổng, SO_2 , NO_x (tính theo NO_2), NH_3 , H_2SO_4 , F.

+ Tần suất quan trắc: 04 lần/năm.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.

* *Giám sát chất thải nguy hại:* Giám sát về khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải nguy hại.

* *Giám sát sức khỏe và an toàn lao động:* Ngoài việc đóng bảo hiểm cho công nhân, Công ty sẽ tổ chức giám sát sức khỏe cho người lao động, từ đó phát hiện các bệnh tật để có thể chữa trị kịp thời. Kiểm tra thường xuyên sự chấp hành các hướng dẫn kỹ thuật, nội quy vận hành thiết bị, quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong nhà máy.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Đề nghị UBND huyện Mai Sơn và các Sở ngành có liên quan

Trong quá trình xem xét lập quy hoạch các dự án, khu dân cư xung quanh khu vực Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc phải nghiên cứu, tính toán đến yếu tố nhạy cảm về môi trường, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đến khu dân cư để không bị ảnh hưởng, tác động từ hoạt động của Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc.

6.2. Yêu cầu Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình và tổ chức hoạt động sản xuất phân bón tại Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc theo đúng quy mô, công suất và các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 và Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh Sơn La.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đầu tư xây dựng các công trình, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải, chất thải nguy hại... theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Vận hành thường xuyên liên tục các công trình, hệ thống xử lý nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường dự án Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thời điểm phải có Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết. 

- Định kỳ hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo*) gửi đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mai Sơn trước ngày 05/01 của năm tiếp theo.

- Tiến hành xây dựng tường rào bao quanh và trồng cây xanh xung quanh toàn bộ khu vực dự án để giảm thiểu tác động tới môi trường xung quanh.

- Trong quá trình hoạt động sản xuất, tuyệt đối không để phát sinh nước rỉ, mùi từ quá trình sản xuất phân bón hữu cơ và bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất phân bón vô cơ ảnh hưởng tới cuộc sống của cộng đồng dân cư xung quanh. Trường hợp có phản ánh kiến nghị phải thực hiện ngay các giải pháp kỹ thuật để khắc phục xử lý.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Ngoài việc tuân thủ và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án có trách nhiệm tiếp tục rà soát, bổ sung các tác động, biện pháp giảm thiểu phát sinh khác (*nếu có*), đồng thời báo cáo kết quả về UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*).

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

_____ 

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
SÔNG LAM TÂY BẮC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Bon, ngày 02 tháng 04 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

*Về việc đặt hàng đơn vị vận chuyển rác thải sinh hoạt
tại Công ty cổ phần phân bón Sông Lam tây bắc năm 2023.*

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 30/08/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Bộ đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ theo nhu cầu thực tế tại Công ty cổ phần phân bón Sông Lam tây bắc;

Hôm nay, ngày 03/02/2023 chúng tôi gồm có:

- **Chủ đầu tư (Bên đặt hàng):** Công ty cổ phần phân bón Sông Lam tây bắc:

+ Địa chỉ: Bán Xa Cấn, Xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

+ Điện thoại: 0913.252.378

- Mã số thuế: 5500634028

+ Tài khoản: 7900.777.888.999

+ Tại: Agribank tỉnh Sơn La

+ Do ông: Nguyễn Như Hùng

+ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

- **Nhà thầu (Đơn vị cung ứng các DVCI đô thị):** Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La:

+ Địa chỉ: Số 07, đường Bàn Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

+ Điện thoại: 0212. 3857.186 - Mã số thuế: 5500217948.

+ Tài khoản số: 41110000388686 tại ngân hàng BIDV tỉnh Sơn La.

+ Ông: Ngọc Mạnh Hùng

- Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Công ty cổ phần phân bón Sông Lam tây bắc với các điều kiện sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng đặt hàng

Đặt hàng đơn vị vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc năm 2023.

a. Số lượng, khối lượng đặt hàng

- Khối lượng theo thực tế.

b. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.

Đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và chất lượng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

c. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.

Từ ngày 17/02/2023 đến ngày 31/12/2023.

d. Giá, đơn giá.

Được tính theo quyết định 2171/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh Sơn La là: 494.000 đồng/tấn.

e. Giá trị hợp đồng và hình thức hợp đồng.

- Giá trị hợp đồng: 22.724.000 đồng (Ước tính)

- Hình thức hợp đồng: Thỏa thuận công việc theo khối lượng thực tế.

f. Phương thức thanh toán, quyết toán.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng (VND).

- Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo quý sau khi có biên bản nghiệm thu, bảng chấm công có xác nhận của 2 bên. Nhà thầu có quyền dừng vận chuyển rác nếu quá thời gian thanh toán như trên.

g. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.

- Phương thức nghiệm thu: Có nhật ký vận chuyển do lái xe của nhà thầu và đại diện chủ đầu tư ký nhận từng chuyến.

- Bàn giao sản phẩm theo từng lần vận chuyển.

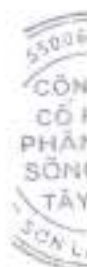
h. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu.

- Trong thời gian thực hiện công việc đến khi Chủ đầu tư không còn kinh phí để thanh toán cho Nhà thầu thì Nhà thầu có quyền dừng chờ rác cho Chủ đầu tư và Chủ đầu tư không được khiếu kiện gì.

- Thực hiện đúng nội dung Chủ đầu tư yêu cầu tại khoản 1 điều 1 của hợp đồng này

- Đảm bảo công việc thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận.

- Cung cấp hóa đơn Tài chính cho bên A khi thực hiện thanh toán hợp đồng.



- Nhà thầu nhận vận chuyển và xử lý hết khối lượng rác trong thùng đựng rác đặt tại các điểm đặt (do hai bên cùng nhau thống nhất trước khi ký hợp đồng) bằng xe gom rác chuyên dùng, thời gian vận chuyển tuần 01 lần (vào các ngày thứ 6).

- Nhà thầu không có trách nhiệm lấy rác để ngoài thùng tại các điểm để thùng, các điểm đặt thùng không đúng quy định hoặc các điểm phát sinh không báo cho Nhà thầu.

i. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư (Bên đặt hàng).

- Tạo điều kiện thuận lợi để Đơn vị thực hiện công việc vận chuyển rác tại Công ty được thuận lợi.

- Chủ đầu tư tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt tại Công ty cổ phần phân bón Sông Lam tây bắc bằng xe gom rác đẩy tay, tập kết thùng chứa rác về các vị trí do xã quy định. Khi có các điểm phát sinh mới phải báo cho nhà thầu để tính khối lượng phát sinh mới.

- Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu không thực hiện đúng các nội dung đã ký trong bản hợp đồng này.

- Tiến hành nghiệm thu và ký xác nhận bằng văn bản khối lượng công việc Đơn vị cung ứng đã hoàn thành tại Công ty.

- Thực hiện thanh toán cho Đơn vị cung ứng dịch vụ đúng thời hạn đã ký trong hợp.

k. Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng.

+ Trách nhiệm của bên A:

- Chứa rác vào bao nylon hoặc bao tải cột kín miệng, thực hiện các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải không hợp pháp, rác thải có thể gây cháy nổ.

- Nếu để xảy ra tình trạng rác thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với rác thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối không thu gom rác thải ngày hôm đó (hai bên lập biên bản sự việc). Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom vận chuyển tương ứng với khối lượng một chuyến vận chuyển theo đơn giá hợp đồng.

- Địa điểm đặt thùng gom rác tại vị trí thuận tiện cho xe lấy rác vào thu gom.

- Thông báo cho bên B trong trường hợp khối lượng rác thải tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện xe. Bên A chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

+ Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến thu gom rác thải sinh hoạt theo đúng thời gian đã thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường.

- Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh môi trường vận chuyển rác về bãi chôn lấp rác thải của huyện.

- Bên có thể từ chối thu gom hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát sinh loại rác thải không có trong quy định của hợp đồng và các loại rác không hợp pháp gây cháy, nổ, độc hại trộn lẫn trong thành phần rác sinh hoạt.

I. Phương thức giải quyết.

- Bất kỳ tranh chấp nào giữa các bên phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này bao gồm nhưng không hạn chế các vấn đề liên quan đến hình thức, thực hiện hợp đồng, vi phạm, hiệu lực hay bất kỳ nội dung của hợp đồng này sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng đàm phán giữa các bên trên tinh thần thiện chí, trung thực. Trong trường hợp, một bên không muốn hoặc các bên không thể giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp thương lượng, hoà giải trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên đồng ý đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền.

Điều 2: Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng một trong hai bên cần thay đổi phải thông báo cho bên đối tác trước 05 ngày bằng văn bản để cùng nhau bàn bạc thống nhất sửa đổi.

- Nếu có gì vướng mắc hai bên chủ động bàn bạc cùng giải quyết trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Trường hợp không giải quyết bằng thương lượng, hai bên đồng ý sự phân xử của tòa án kinh tế cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng lập thành 04 bản, Chủ đầu tư lưu 02, Nhà thầu lưu 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



Ngọc Mạnh Hùng

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Như Hằng



2. HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

2.1. HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ XẤY DÂY TRUYỀN XS PHÂN BÓN NPK 1 HẠT

CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN
THÀNH PHÁT
Số 06/2022/XLBDCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Sơn La, ngày 16 tháng 11 năm 2022

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH HẠNG MỤC VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**



Gọi thầu : Gia công, sản xuất, lắp đặt cho Bên A dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt công nghệ hơi nước công suất 15 tấn/giờ và cụm nghiền phù sa công suất 7-8 tấn/giờ.
Địa điểm : Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Đối tượng nghiệm thu: Hoàn thành hạng mục cụm xử lý bột trong dây chuyền sản xuất phân bón NPK.

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam.

- Ông: Hoàng Quốc Hành Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: Trần Đình Khánh Chức vụ: Quản đốc sản xuất-giám sát thi công

Nhà thầu: Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng An Thành Phát.

- Ông: Nguyễn Bá An - Chức vụ: Giám đốc

Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 09h00 ngày 16/11/2022
- Kết thúc: 15h00 ngày 16/11/2022.

- Địa điểm : Tại công trường thi công nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

2. Những căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ vào hợp đồng gia công, sản xuất, lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón số: 01/2022/HĐGC/ATP-SLTB ngày 12/01/2022 giữa Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam với Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng An Thành Phát.
- Căn cứ vào phụ lục 01 đính kèm hợp đồng số: 01/2022/HĐGC/ATP-SLTB ngày 12/01/2022 giữa Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam với Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng An Thành Phát.
- Căn cứ vào phụ lục 02 ký ngày 08/03/2022 về danh mục thiết bị bổ sung do bên B chế tạo cung cấp, lắp đặt.
- Bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt.
- Những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- Quyết định: 41/2006/QĐ-BXD ngày 29/12/2006 về việc ban hành TCXDVN 371/2006 Nghiệm thu chất lượng thi công xây dựng công trình.
- Các văn bản liên quan khác đến công việc nghiệm thu.

- Quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng:

3. Về tiến độ lắp đặt thiết bị:

- Ngày khởi công:/...../2022.

- Ngày hoàn thành:/...../2022.

4. Về khối lượng công việc:

- Theo thiết kế gồm:

STT	Tên sản phẩm	Quy cách	SL	ĐVT
1	Quạt hút sấy 1	50000 m ³ /h	1	Cái
2	Quạt hút sấy 2	50000 m ³ /h	1	Cái
3	Quạt nguoì	55000 m ³ /h	1	Cái
4	Hệ thống ống hút	D800xINOX 304	1	Hệ
5	Ống khói sấy 1, sấy 2+nguoì	D1000-composite	2	Cái

- Theo thực tế đạt được: Hệ thống xử lý bụi toàn bộ đầy đủ chuyển đáp ứng yêu cầu

5. Nhưng sai sót còn tồn tại và các khiếm khuyết cần sửa chữa: Không có.

6. Các ý kiến khác: Không.

7. Kết luận:

Chấp thuận nghiệm thu hệ thống xử lý bụi, đồng ý tiếp nhận bàn giao đưa vào vận dụng.

THÀNH PHẦN NGHIỆM THU

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

An Thành Phát

Giám đốc



Nguyễn Bá An

Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam

Phó Giám đốc



Hoàng Quốc Hạng

Quản đốc sản xuất-
giám sát thi công

Trần Đình Khánh



CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN THÀNH PHÁT

Số: 01/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯỞNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Ký ngày 02 tháng 11 năm 2009 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sơn xuất phẩm sơn

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|------------------|-------------------------------|
| - Tên thiết bị | : Quạt hút sấy 1 |
| - Mã hiệu | TB-DCHNQHS1 Năm chế tạo: 2022 |
| - Công suất điện | : 55 kw |
| - Lưu lượng | : 50 000 m ³ /h |
| - Vật liệu | : INOX 304 |
| - Công dụng | : hút bụi |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

Ngày 24 tháng 10 năm 2022



CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN THÀNH PHÁT

Số: 02/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯỞNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Ký ngày 02 tháng 11 năm 2009 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sản xuất phân bón

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Tên thiết bị | : Quạt hút sấy 2 |
| - Mã hiệu: TB-DCHNQH52 | Năm chế tạo: 2022 |
| - Công suất điện | : 55 kw |
| - Lưu lượng | : 50 000 m ³ /h |
| - Vật liệu | : INOX 304 |
| - Công dụng | : hút bụi |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

Ngày 24 tháng 10 năm 2022

GIAM ĐỐC



Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN THÀNH PHÁT

Số: 03/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯỞNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Ký ngày 02 tháng 11 năm 2009 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sản xuất phân bón

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| - Tên thiết bị | : Quạt hút nguội |
| - Mã hiệu: TB-DCHNQHN | Năm chế tạo: 2022 |
| - Công suất điện | : 75 kw |
| - Lưu lượng | : 55 000 m ³ /h |
| - Vật liệu | : INOX 304 |
| - Công dụng | : hút bụi |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

Ngày 24 tháng 10 năm 2022



CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN THÀNH PHÁT

Số: 04/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯỞNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Ký ngày 02 tháng 11 năm 2009 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sản xuất phân bón

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|----------------|-------------------------------|
| - Tên thiết bị | : Hệ thống ống hút |
| - Mã hiệu | : TB-DCHNOH Năm chế tạo: 2022 |
| - Đường kính | : D=800mm |
| - Vật liệu | : INOX 304 |
| - Công dụng | : Dẫn hướng gió, bụi |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

Ngày 24 tháng 10 năm 2022

GIÁM ĐỐC



CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN THÀNH PHÁT

S0: 05/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯƠNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Kỳ ngày 02 tháng 11 năm 2009 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sản xuất pin nhôm.

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT
CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| - Tên thiết bị | : Ống khởi |
| - Mã hiệu: TB-DCHNOK | Năm chế tạo: 2022 |
| - Đường kính | : D=1000mm |
| - Vật liệu | : Composite |
| - Công dụng | : Dẫn hướng không khí |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

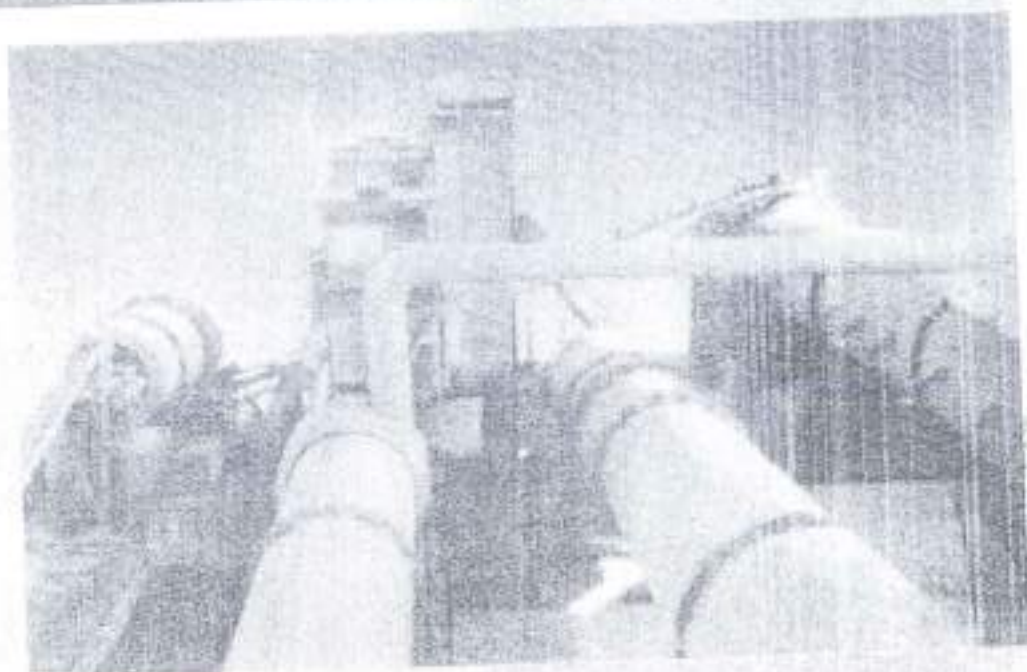
Ngày 24 tháng 10 năm 2022

GIÁM ĐỐC





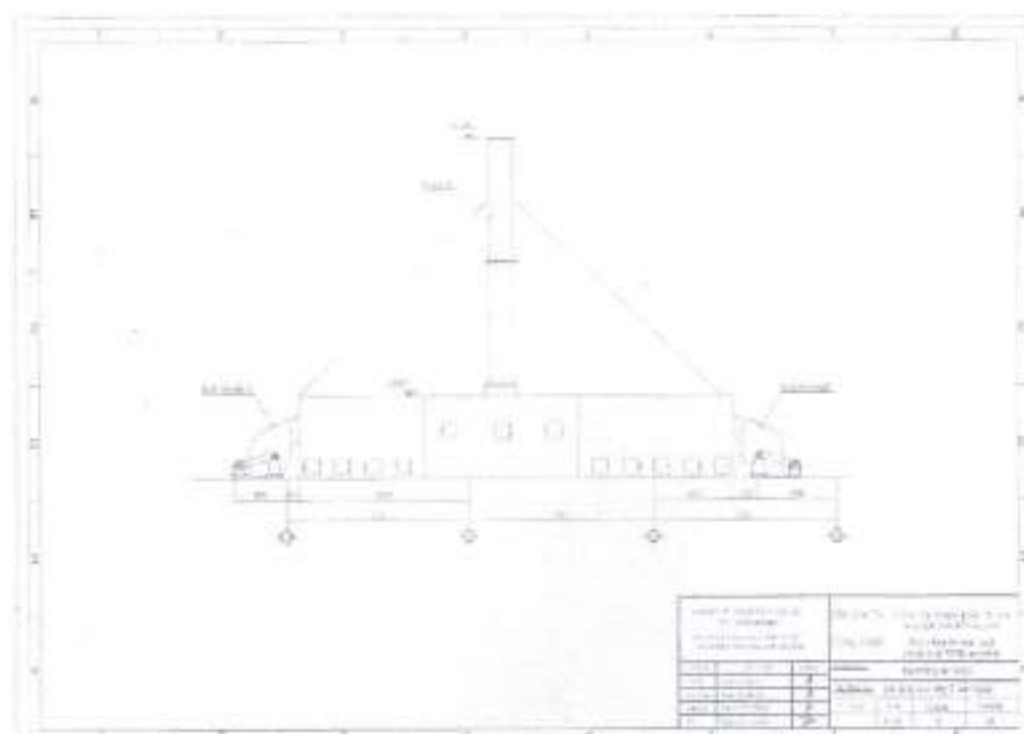
THUYẾT MINH HỆ THỐNG XỬ LÝ BUI-DÂY CHUYÊN HƠI NƯỚC

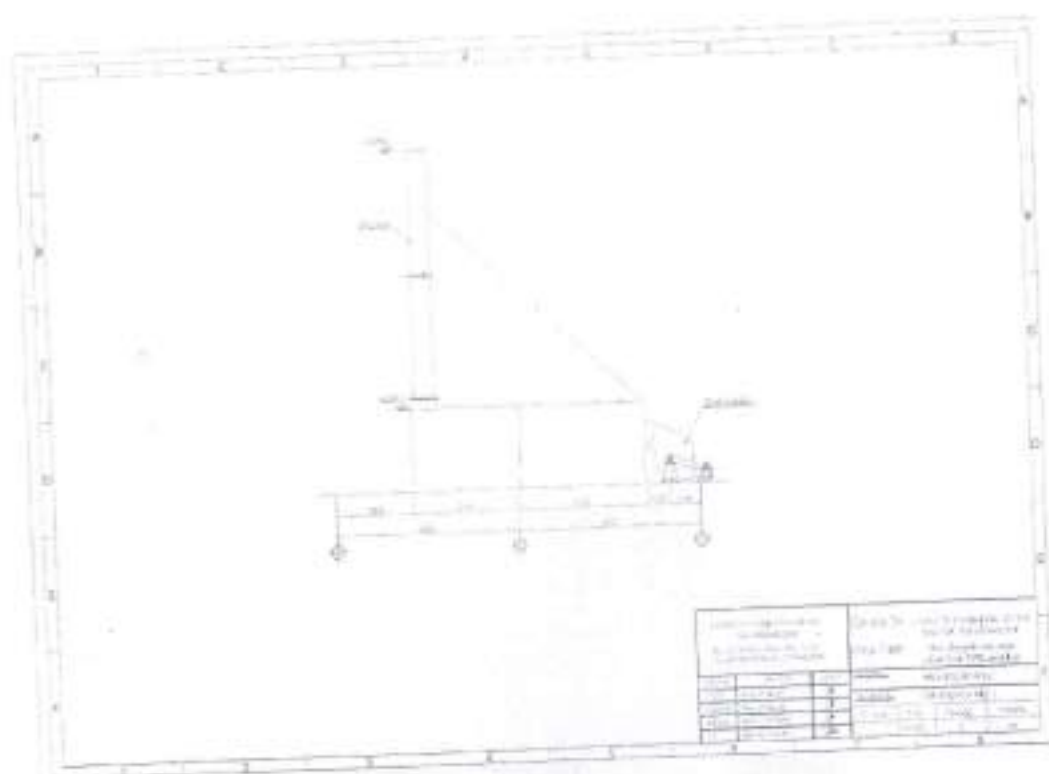


THUYẾT MINH

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI-DÂY CHUYÊN HƠI NƯỚC



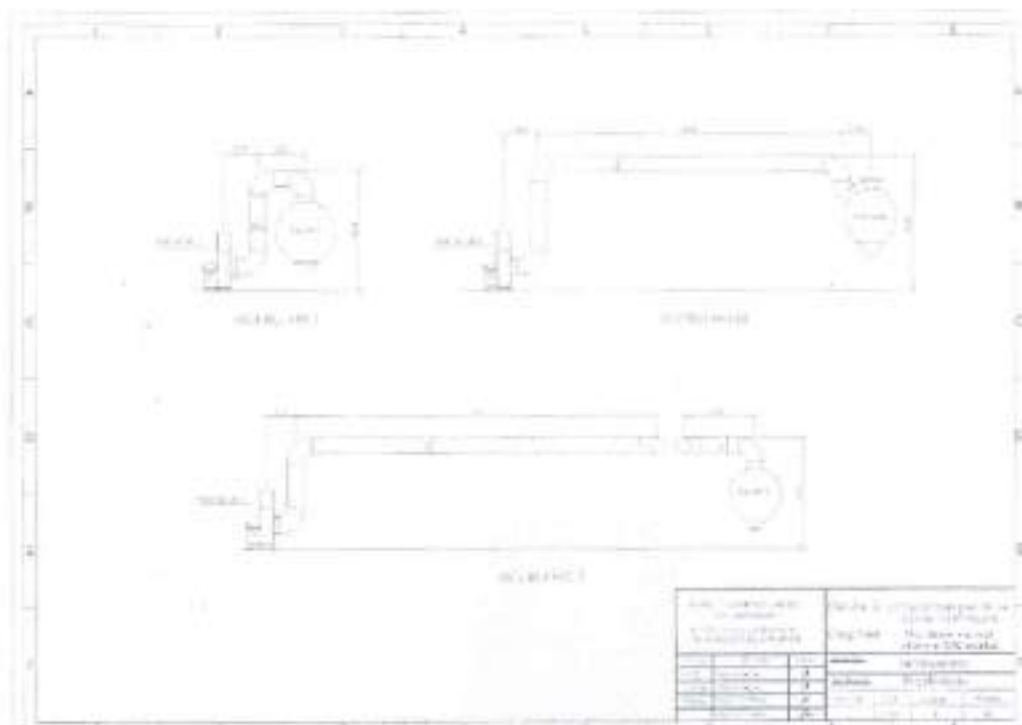




ANTHAPHAT

3/10/2018

ANTHAPHAT



2. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải

2.1. Quy trình xử lý bụi

10/10/2023

10/10/2023



Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải

3. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải

STT	Tên sản phẩm	Quy cách	SL	DVT
1	Quạt hút sấy 1	- Kiểu: Cánh lồng sóc - Lưu lượng 50000 m³/h - Công suất motor: 55 kw	1	Cái
2	Quạt hút sấy 2	- Kiểu: Cánh lồng sóc - Lưu lượng 50000 m³/h - Công suất motor: 55 kw	1	Cái
3	Quạt người	- Kiểu: Cánh lồng sóc - Lưu lượng 55000 m³/h - Công suất motor: 75 kw	1	Cái
4	Hệ thống ống hút	- Đường kính: Ø800mm - Vật liệu: INOX 304	1	Hệ
5	Ống khói sấy 1, sấy 2+người	Đường kính Ø1000	2	Cái

10/10/2023

		- Vật liệu composite - Cao 16.5 m		
6	Hầm lắng bụi khô sây 1- làm bằng gạch, bê tông	Kích thước: Dài 6200 x Rộng 3500x Cao 4000mm	1	Cái
7	Hầm lắng bụi khô sây 2- làm bằng gạch, bê tông	Kích thước: Dài 6200 x Rộng 4000 x Cao 4000mm	1	Cái
8	Hầm lắng bụi khô người - làm bằng gạch, bê tông	Kích thước: Dài 7700 x Rộng 4000 x Cao 4000mm	1	Cái
9	Hầm lắng ướt sây 1	Kích thước: Dài 5300 x Rộng 3500x Cao 4000mm	1	Cái
10	Hầm lắng ướt sây 2+người	Kích thước: Dài 7500 x Rộng 4000 x Cao 4000mm	1	Cái

4. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi khí thải

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống:

- + Kiểm tra các thiết bị điện: kiểm tra công tắc tất cả các thiết bị đã vị trí OFF hoặc ON hay chưa;
- + Kiểm tra hệ thống: Kiểm tra hoạt động của mô tơ và quạt hút, kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống:

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động.

- + Bước 1: Nhận công tắc ON => Tủ điều khiển sẵn sàng.
- + Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.
- + Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó => Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.

- Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF => chuyển tất cả công tắc về OFF => Tìm nguyên nhân khắc phục => Sau khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

5. Diễn giải/thuyết minh công nghệ

Trong quá trình sản xuất phân bón một hạt thường phát sinh một lượng bụi lớn. Vì vậy cần một hệ thống xử lý bụi với nguyên lý hoạt động tại các vị trí thường phát sinh bụi như máy sấy, lò sấy, máy nguội... có đặt các chóp hút bụi. Với quạt hút bụi công suất lớn (công suất động cơ 55-75 kw) dẫn không khí có chứa bụi từ các máy qua nhiều cấp lắng lọc bụi như trầm lắng khô và trầm lắng ướt, đến khi ra môi trường chỉ còn là khí sạch. Chi tiết:

Khi có chứa bụi từ các máy đầu tiên được Quạt hút dẫn qua Hầm lắng bụi khô nhiều vách ngăn (cấp lắng bụi thứ 1). Tại hầm lắng bụi khô 4-5 vách ngăn, với cơ cấu các cửa zigzag nhiều cấp các hạt bụi trong khi đi qua sẽ được lắng lại. Sau khi đi qua hầm lắng bụi khô, thành phần trong khí lúc này đã sạch được phần lớn lượng bụi ban đầu. Lúc này có thể vẫn còn lẫn một ít bụi nhẹ không đáng kể, lượng không khí này tiếp tục được dẫn qua bể lắng bụi ướt (có chứa nước).

Tại hầm lắng bụi ướt, lượng bụi nhẹ còn lại sẽ được hấp thụ vào nước, không khí sau khi đi qua tháp rửa nước tại vị trí ống khói được rửa sạch bụi và thoát ra môi trường tại vị trí ống khói cao 16.5m.

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN VẼ HOÀN CÔNG XỬ LÝ BỤI

Công trình : Dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt công nghệ hơi nước
và cụm nghiền phù sa.

Địa điểm : xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chủ Đầu Tư : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM

CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Bá An

Bình Dương , Năm 2022



1	Cum định lượng cầu tiêu nghiền ống	13	Bảng tải lên máy tạo hạt	25	Lò sấy 2
2	Bảng tải lên nghiền ống	14	Chảo xào hạt	26	Ống dẫn chất máy 2
3	Máy nghiền ống DAP	15	Bảng tải dưới chảo xào hạt	27	Máy sấy 2
4	Bảng tải dưới nghiền ống	16	Bảng tải trung gian lên máy sấy 1	28	Quạt hút sấy 2
5	Cum định lượng	17a 17b	Bảng tải lên máy sấy 1	29	Bể lắng dư sấy 2 và người
6	Bảng tải gom tiêu	18	Lò sấy 1	30	Ống khói
7	Bảng tải lên máy nghiền	19	Ống dẫn chất sấy 1	31a 31b	Bảng tải lên máy sàng ống 1
8	Máy nghiền sau định lượng	20	Máy sấy 1	32	Máy sàng ống 1
9	Bảng tải lên máy trộn tiêu	21	Quạt hút sấy 1	33	Máy nghiền bột 1
10	Máy trộn tiêu	22	Bể lắng dư sấy 1	34a 34b	Bảng tải dưới máy sàng ống
11	Bảng tải lên máy tạo hạt	23	Ống khói	35	Bảng tải lên máy người
12	Máy tạo hạt	24	Bảng tải lên máy sấy 2	36	Máy người

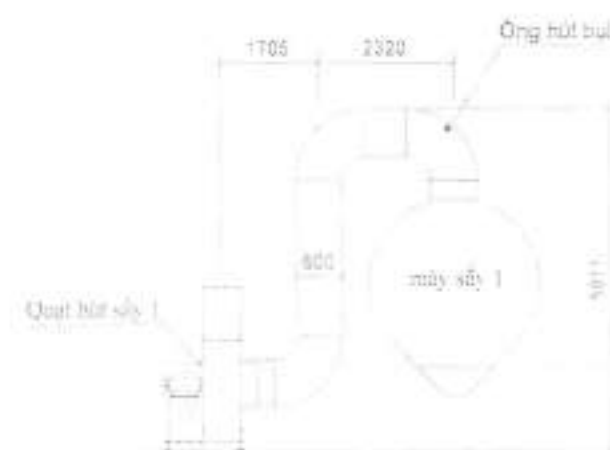
37	Quạt hút người
38	Bảng tải lên máy sàng ống 2
39	Máy sàng ống 2
40	Bảng tải nhỏ lưu về máy
41	Bảng tải lên máy đánh bóng
42	Máy đánh bóng
43	Bảng tải lên ống đóng bao
44	Cán đóng bao
45	Bảng tải trạm phân
46	Phòng điều khiển
47	Lò nướng

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM NGUYỄN VĂN LA - T. S. 0912.123.456	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ GIÁM SÁT AN THÀNH PHÁT NGUYỄN VĂN T. S. 0912.123.456	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT NGUYỄN VĂN T. S. 0912.123.456
---	--	---

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT (Vị trí: 36x36m) (Số lượng: 2) (Đơn vị: 1/100) Số: 001/2024-AN-TP (Ngày: 01/10/2024)			Chủ đầu Tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM Công Trình: Dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt			
Chức vụ	Tên người	Chữ ký	Hạng Mục: Tổng thể			
Được	Nguyễn Văn An	?	Tên hạng mục: Mật băng thiết bị			
Có mặt	Nguyễn Văn An	?	Số lượng	Tỷ lệ	Tổng số	Khối lượng
Thỏa mãn	Một (Đã xong)	?		1.520		42
Về	Nguyễn Văn An	?				

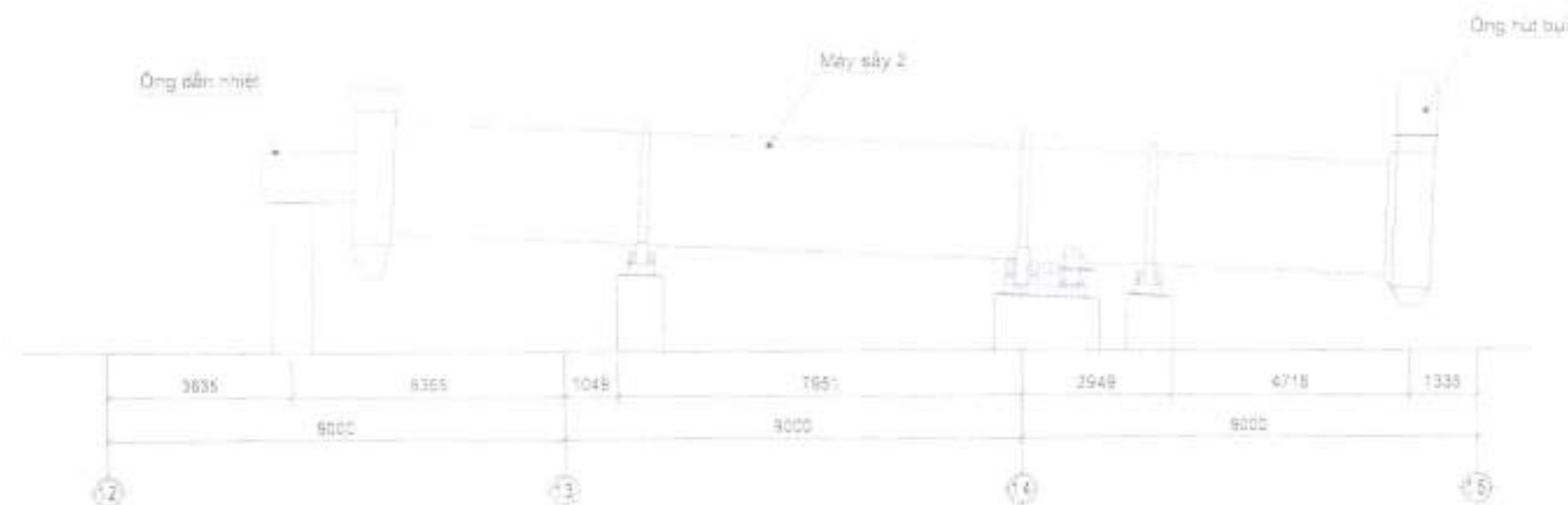


HÚT BỤI SẤY 1

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	
NGƯỜI LẬP		NGƯỜI LẬP	

Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CK XD AN THÀNH PHÁT			Chủ đầu Tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM			
Địa chỉ: 388/27 Nguyễn Huệ, TP. HCM			Công Trình: Dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt			
Số điện thoại: 090312301			Hệ thống xử lý bụi			
Tên đơn vị thi công			Hút bụi máy sấy 1			
Tên người lập			Hút bụi			
Ngày lập			Ngày lập			
Ngày duyệt			Ngày duyệt			
Ngày phê duyệt			Ngày phê duyệt			



HÚT BỤI SẤY 2

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	
			NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CK XD AN THÀNH PHÁT Địa chỉ: 28/8 Đường 1/4, P. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh Tel: 0274.8891341 Fax: 0274.8891342			Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM		
Công trình: Dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt			Hạng mục: Hệ thống xử lý bụi		
Tên bản vẽ: Hút bụi máy sấy 2			Tỷ lệ: 1:20		
Số lượng: 1			Tóm tắt: A3		

1 2 3 4 5 6 7 8

A

A

B

B

C

C

D

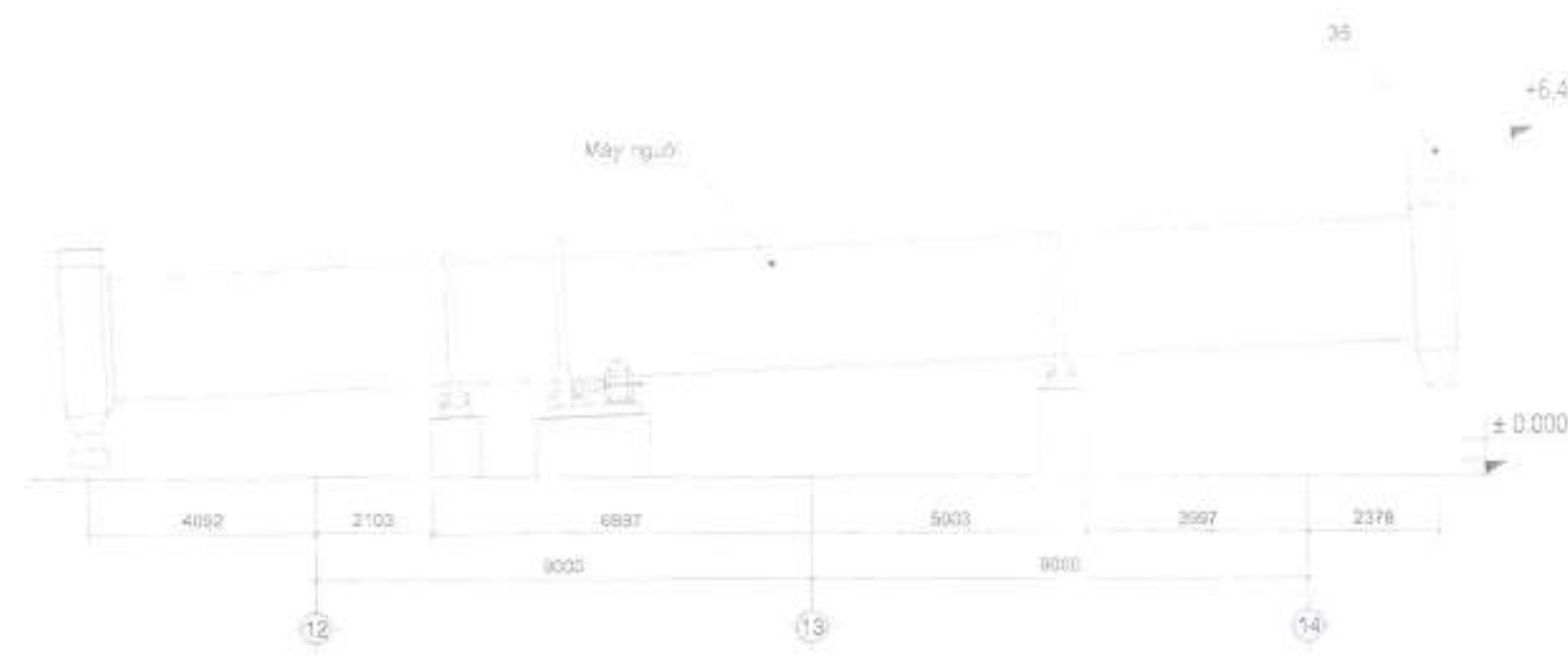
D

E

E

F

F



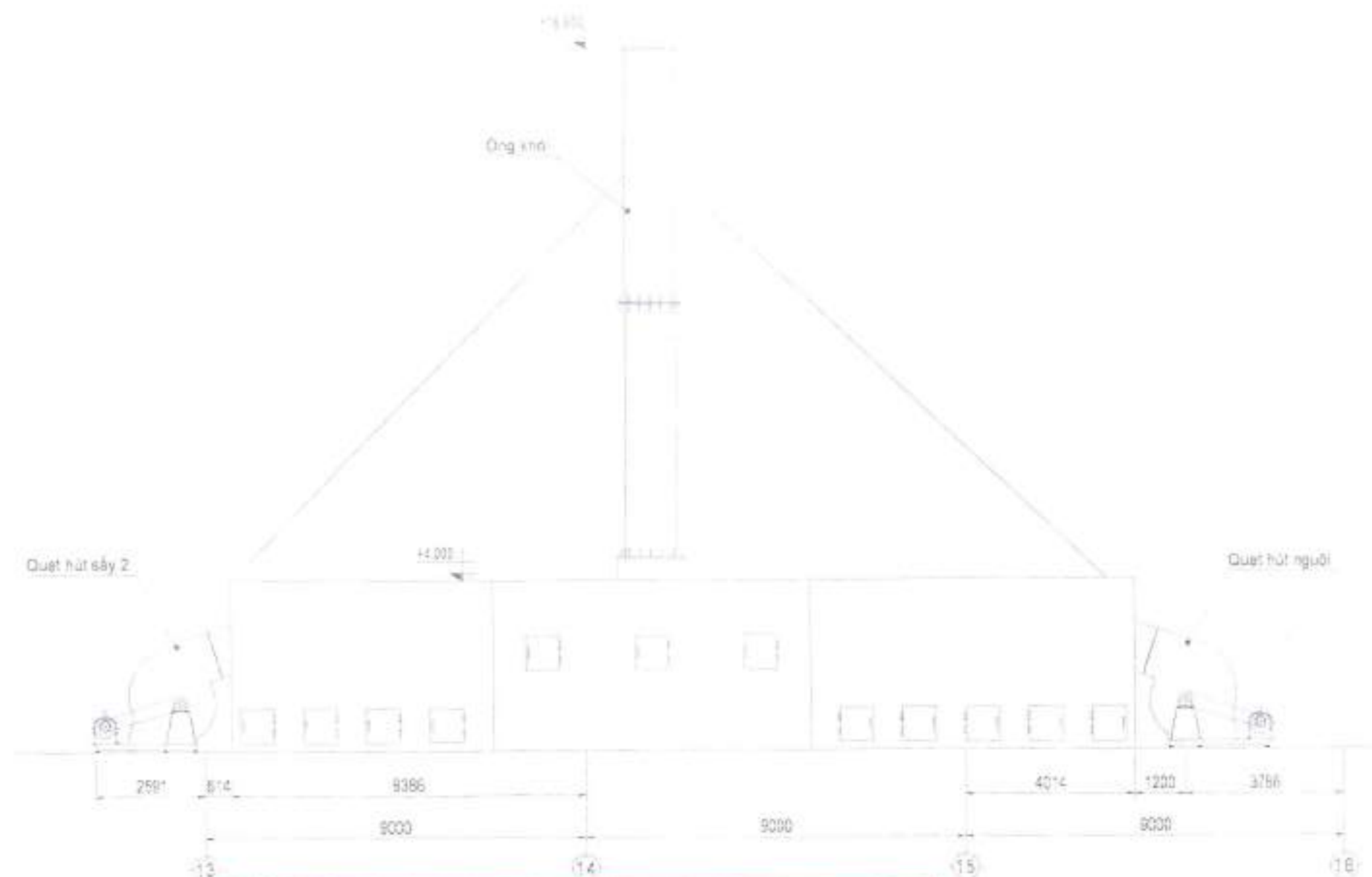
HÚT BỤI NGUỘI

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	
			NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CK XD AN THÀNH PHÁT Địa: 284/57 Phố 10/5, TP. Hồ Chí Minh Tel: 028 35 43 82 842, Fax: 028 35 43 82 843			Chủ đầu Tư:	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM			
			Công Trình:	Dự án chuyên sản xuất phân bón NPK một hạt			
Công sư	Tên cơ sở	Công sư	Hạng Mục:	Hệ thống xử lý bụi			
Thuyết	Nguyễn Bá An	3	Tên Bản Vẽ:	Hút bụi máy nguội			
Công sư	Nguyễn Bá An	3	Số lượng:	Tên cơ sở	Tên cơ sở	Tên cơ sở	Tên cơ sở
Thuyết	Nguyễn Bá An	3					
Thuyết	Nguyễn Bá An	3					

1 2 3 4 5 6 7 8



CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH MTV CK XD AN THÀNH PHÁT			Chủ đầu Tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM		
Địa chỉ: 28/8 KP Bình Dân 3, TPO, TT. DQ, TP. HỒ CHÍ MINH			Công Trình: Dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt		
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Hạng Vượt		
Đạo	Nguyễn Bá An		Hạng Vượt		
Kiểm tra	Nguyễn Bá An		Hạng Vượt		
Thủ lý	Nguyễn Bá An		Hạng Vượt		
Vẽ	Nguyễn Bá An		Hạng Vượt		

Nguyễn Bá An

A

B

C

D

E

F

A

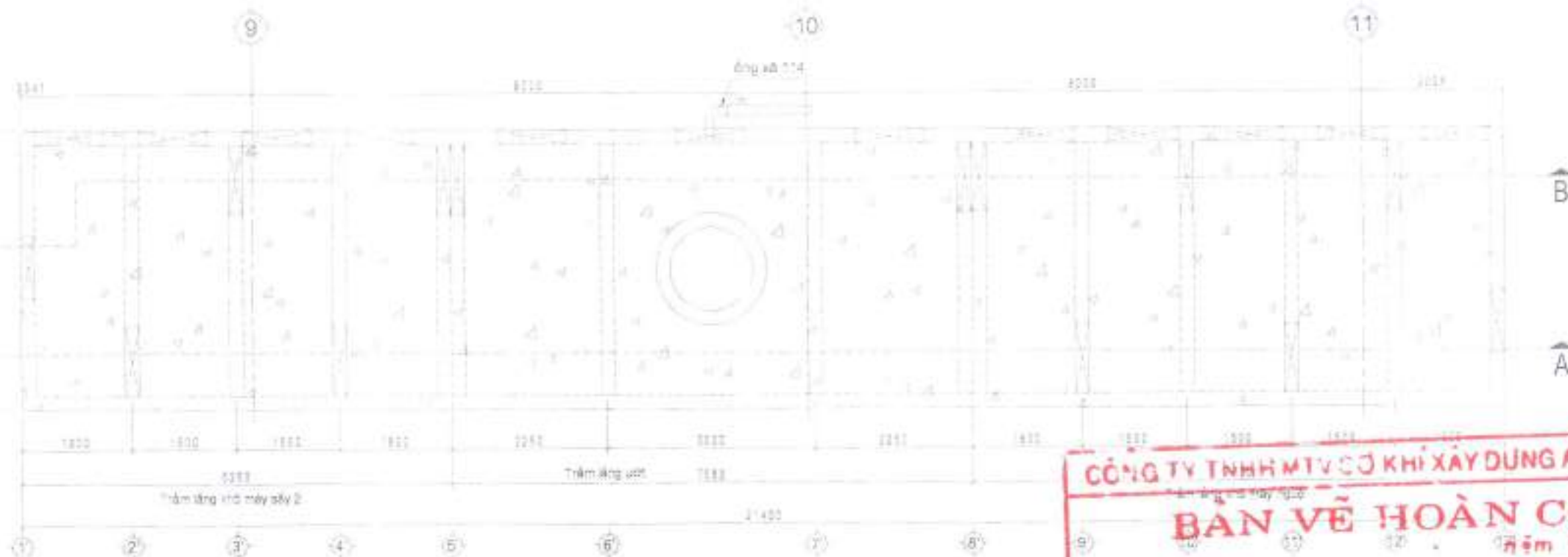
B

C

D

E

F



Mặt bằng

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ		ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG		NGƯỜI LẬP	

CÔNG TY TNHH MTV CK XD
AN THÀNH PHÁT
Địa chỉ: 288/2 Đường 2, 10/10, 10/10
Tel: 0274.3551143, Fax: 0274.3551143

Chủ đầu Tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG SÔNG LAM

Công Trình: Dãy chuyển sản xuất
phân bón NPK một hạt

Hệ thống xử lý bụi

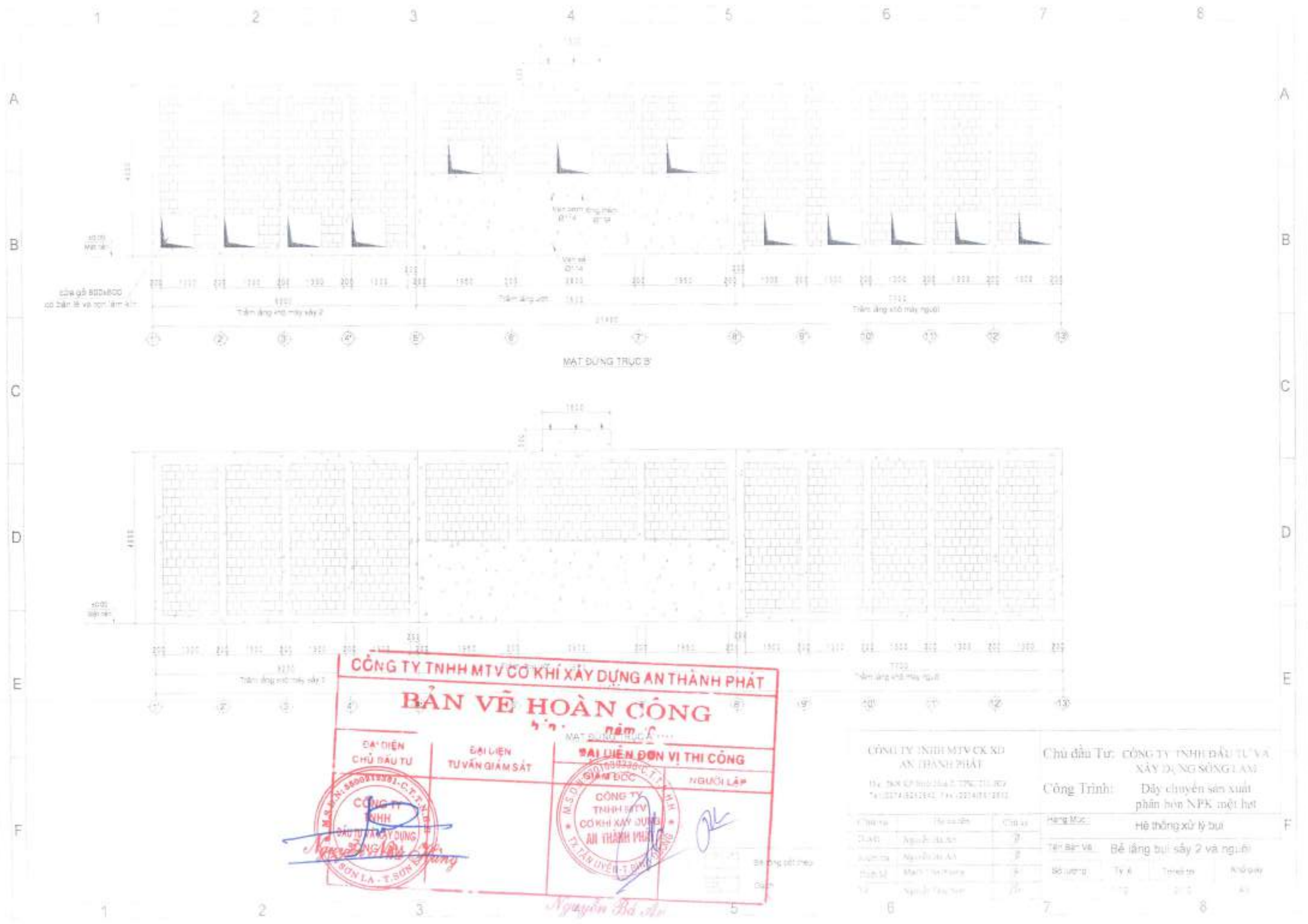
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký
Đầu tư	Nguyễn Bá An	
Giám sát	Nguyễn Bá An	
Thiết kế	Nguyễn Bá An	
Vẽ	Nguyễn Bá An	

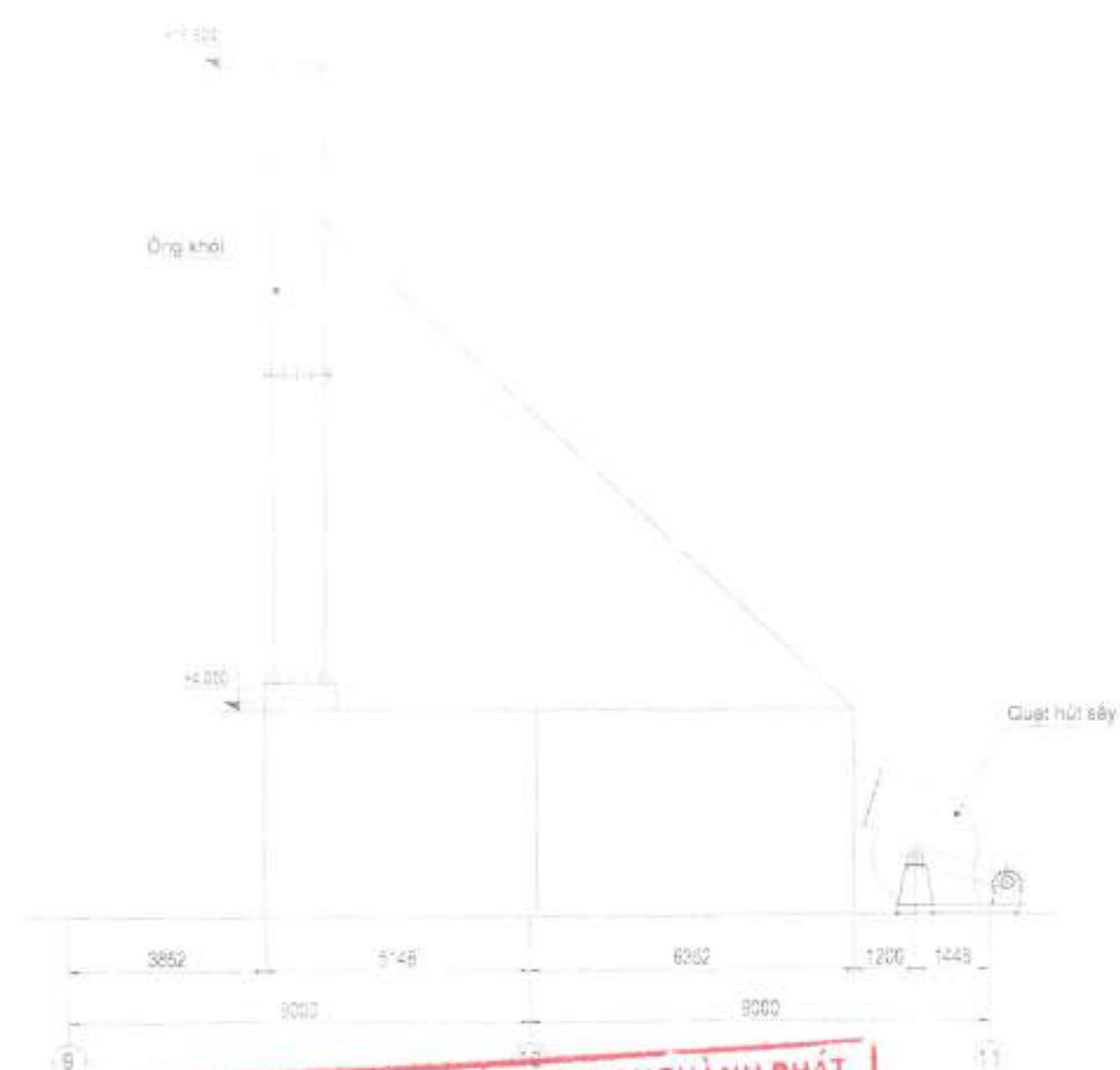
Tên bản vẽ	Bề mặt	Tỷ lệ	Tổng số	Chức vụ
Đầu tư	Tỷ lệ	Tổng số	Chức vụ	

GHI CHÚ

- CAO ĐỘ ±0.000 TRÊN BẢN VẼ NÀY LÀ CAO ĐỘ NỀN NHÀ XƯỞNG.
- PHẢI KẾT HỢP VỚI BẢN VẼ HỆ THỐNG THIẾT BỊ KIỂM TRA LẠI CÁC THÔNG TIN CHÍNH XÁC TRƯỚC KHI THI CÔNG.

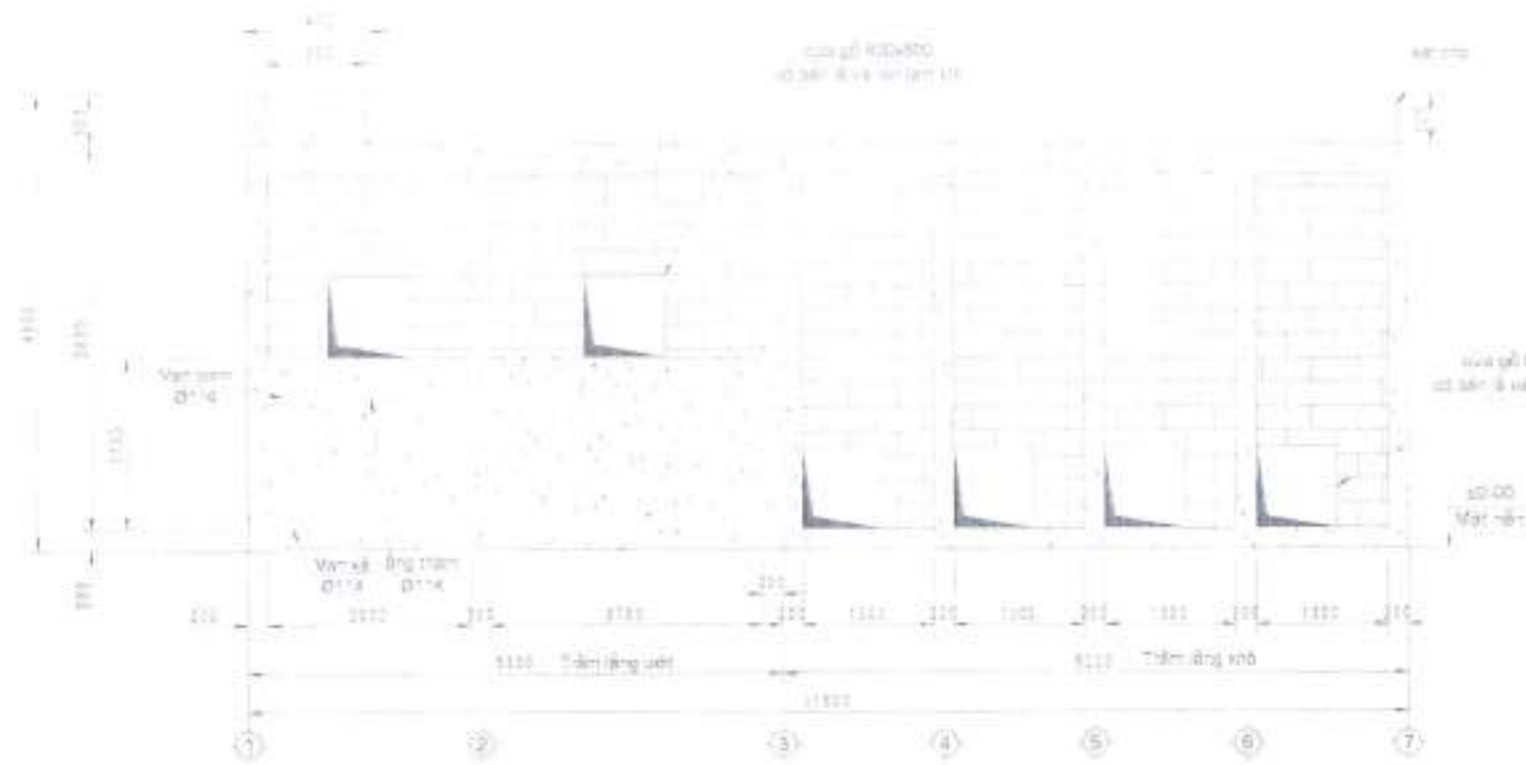
- Đầu tư: 1. Cao độ nền: ±0.000 (tính từ mốc 0.000) và 2. Cao độ nền: ±0.000 (tính từ mốc 0.000).
- Bề mặt: 1. Bề mặt: ±0.000 (tính từ mốc 0.000) và 2. Bề mặt: ±0.000 (tính từ mốc 0.000).
- Cường độ: 1. Cường độ: ±0.000 (tính từ mốc 0.000) và 2. Cường độ: ±0.000 (tính từ mốc 0.000).
- Tỷ lệ: 1. Tỷ lệ: ±0.000 (tính từ mốc 0.000) và 2. Tỷ lệ: ±0.000 (tính từ mốc 0.000).



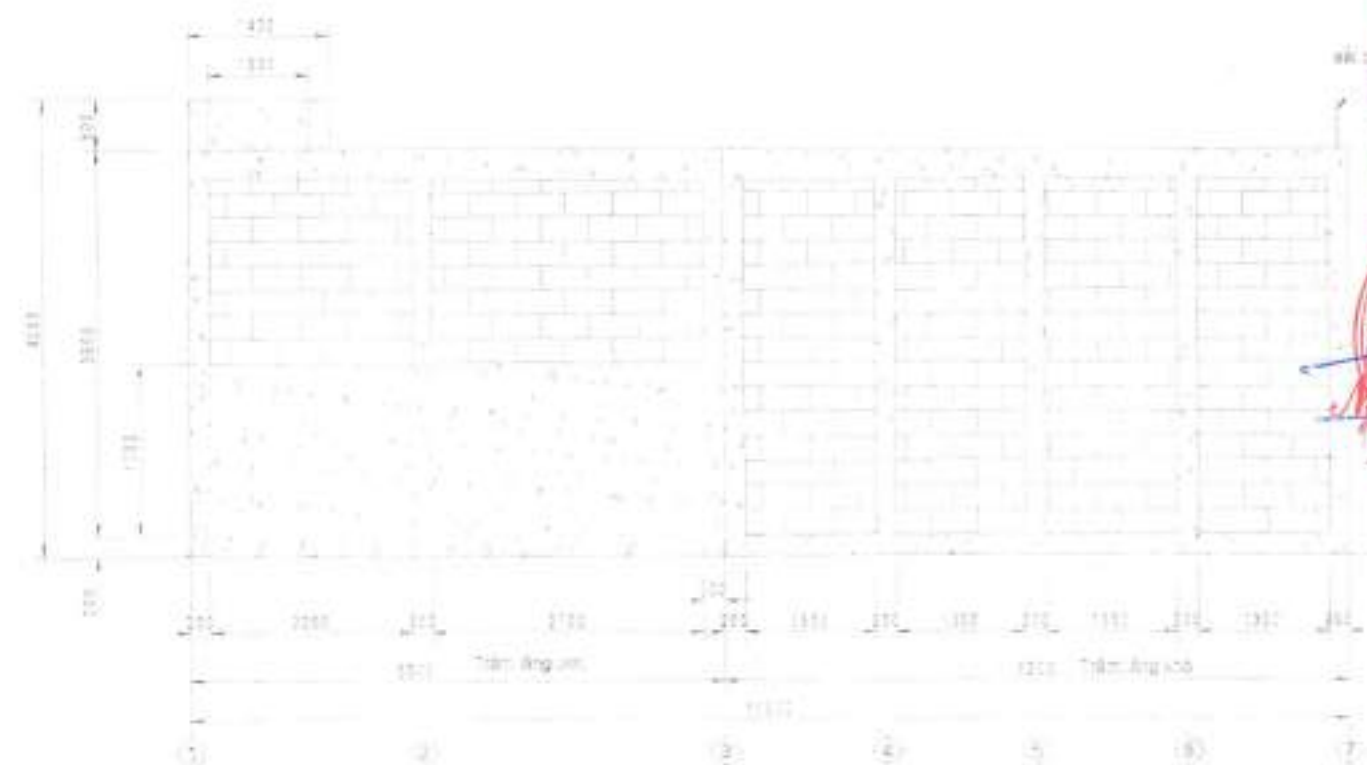


CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ		ĐẠI DIỆN TƯ VẤN THI CÔNG	

CÔNG TY TNHH MTV CK XD AN THÀNH PHÁT			Chủ đầu Tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM		
Đ/c: 28/8/27/Đô thị 2, TP. S.L.			Công Trình: Dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt		
Số: 28/8/27/Đô thị 2, TP. S.L.			Hạng Mục: Hệ thống xử lý bụi		
Số: 28/8/27/Đô thị 2, TP. S.L.			Tên bản vẽ: Bề lửng bụi sậy 1		
Số: 28/8/27/Đô thị 2, TP. S.L.			Số lượng: 1		
Số: 28/8/27/Đô thị 2, TP. S.L.			Tỷ lệ: 1/50		
Số: 28/8/27/Đô thị 2, TP. S.L.			Ngày: 10/10/2023		



MAT ĐỪNG TRỤC B



MAT ĐỪNG TRỤC A

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày: 20/10/2024

CHỨC DANH	CHỮ CHỮA	CHỮ CHỮA	CHỮ CHỮA
CHỦ ĐẦU TƯ	THIẾT KẾ	THI CÔNG	THI CÔNG

Số CC: 0000000000

Mặt: 0000000000

Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CK XD AN THÀNH PHÁT			Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM		
Địa chỉ: 2000000000, Quận 1, TP. HCM			Công Trình: Dãy chuyên sản xuất phân bón NPK một hạt		
Số CC: 0000000000			Hệ thống xử lý bụi		
Mặt: 0000000000			Bề lửng tầng 1		
Ngày: 20/10/2024			Số CC: 0000000000		
Mặt: 0000000000			Số CC: 0000000000		

1 2 3 4 5 6 7 8

A

B

C

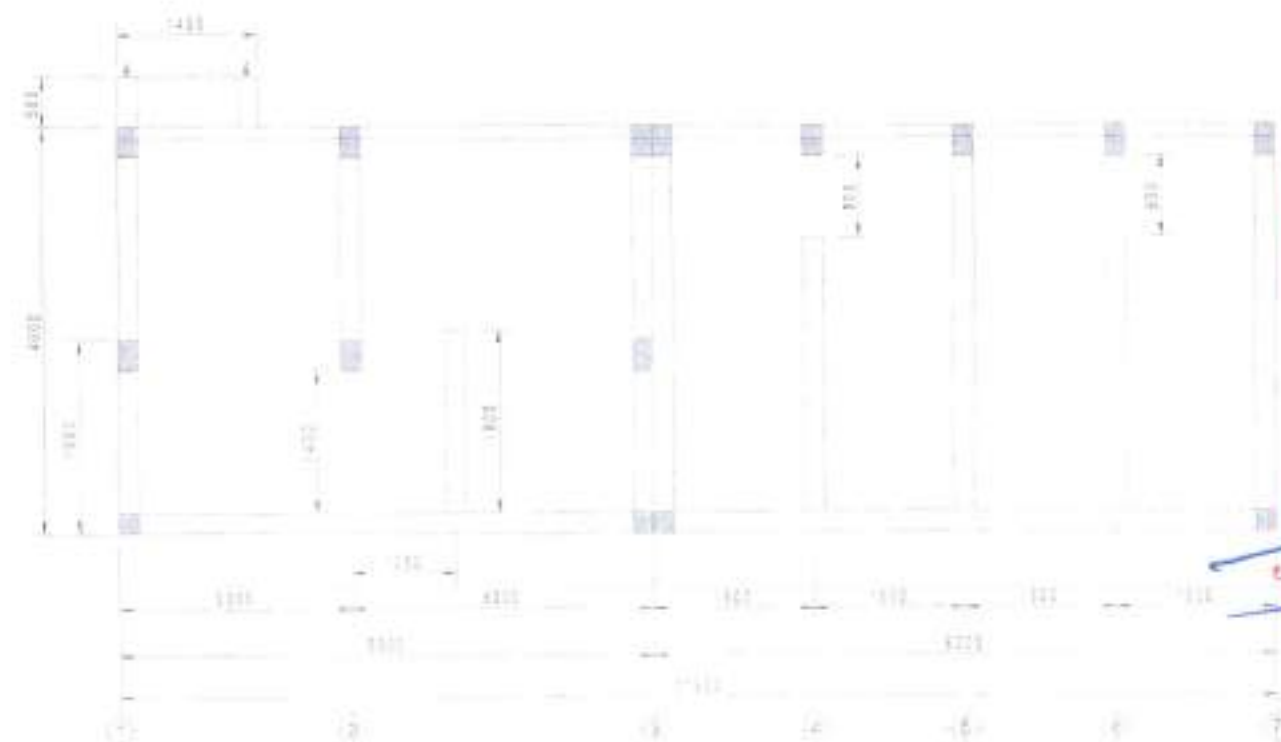
D

E

F



Mặt cắt A-A



Mặt cắt B-B



Công ty TNHH MTV CKND AN THÀNH PHÁT

Cơ vữa 800x800
INOX DWT 3mm
SL=1

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

lập ở nhà

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CKND AN THÀNH PHÁT
Địa chỉ: 28/8 Đường 15/4, Phường 15, Quận 11, TP. HCM
Số điện thoại: 0903 123 456, Fax: 0274 123 456

Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM
Công Trình: Dãy chuyên sản xuất phân bón NPK một loại

Hạng Mục	Đơn vị	Giá
Thi công	Nguyễn Bá An	1
Thi công	Nguyễn Bá An	1
Thi công	Nguyễn Bá An	1
Thi công	Nguyễn Bá An	1

Hệ thống xử lý bụi	1
Bể lắng tự chảy 1	1
Bể lắng tự chảy 2	1
Bể lắng tự chảy 3	1

1 2 3 4 5 6 7 8

2.2. HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ XÂY DÂY TRUYỀN XS PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH

CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN

THÀNH PHÁT

Số 06/2022-VL/BCH/TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—*—

Sơn La, ngày 14 tháng 12

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH HẠNG MỤC VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**



Gói thầu : Giá công, sản xuất, lắp đặt cho Bên A dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh công suất 10 tấn/giờ đối với phân hữu cơ bột và ép viên công suất 4 tấn/giờ.

Địa điểm : Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc, xã Mường Bon, huyện Sơn, tỉnh Sơn La.

Đối tượng nghiệm thu: Hoàn thành hạng mục xây lý bại trong dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.



1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam.

- Ông: Hoàng Quốc Hạnh

- Chức vụ: Phó Giám đốc

- Ông: Trần Đình Khánh

- Chức vụ: Quản đốc sản xuất-giám sát thi công

Nhà thầu: Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng An Thành Phát.

- Ông: Nguyễn Bá An

- Chức vụ: Giám đốc

Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 10h00 ngày 14/12/2022

- Kết thúc: 15h00 ngày 14/12/2022.

- Địa điểm : Tại công trường thi công nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc, xã Mường Bon, huyện Mùí Sơn, tỉnh Sơn La.

2. Những căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ vào hợp đồng giá công,sản xuất, lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón số: 02/2022/HĐGC/ATP-SLTB ngày 12/01/2022 giữa Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam với Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng An Thành Phát.

- Căn cứ vào phụ lục 01 đính kèm hợp đồng số: 02/2022/HĐGC/ATP-SLTB ngày 12/01/2022 giữa Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam với Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng An Thành Phát.

- Căn cứ vào phụ lục 02 ký ngày 30/05/2022 về danh mục thiết bị hồ sùng do bên B chế tạo cung cấp, lắp đặt.

- Bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt.

- Những thay đổi miễn sẽ đã được chấp thuận.

- Quyết định: 41/2006/QĐ-BXD ngày 29/12/2006 về việc: ban hành TCNDVN 371:2006 Nghiệm thu chất lượng thi công xây dựng công trình

- Các văn bản liên quan tới đối tượng nghiệm thu hiện có.

Quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng:

3. Về tiến độ lắp đặt thiết bị:

- Ngày khởi công:/...../2022

- Ngày hoàn thiện:/...../2022

4. Về khối lượng công việc:

- Theo thiết kế:/.....

STT	Tên sản phẩm	Quy cách	SL	ĐVT
1	Quạt hút sấy	10000 m3/h	1	Cái
2	Cyclone	D800x3500	1	Cái
3	Hệ thống ống hút	D300-thép carbon	1	Hệ
4	Ống khói	D600-d400-thép carbon	1	Cái

- Theo thực tế đại được: Hệ thống xử lý bụi toàn bộ dây chuyền đáp ứng yêu cầu

5. Nhưng sai sót còn tồn tại và các khiếm khuyết cần sửa chữa: Không có.

6. Các ý kiến khác: Không.

7. Kết luận:

Chấp thuận nghiệm thu hệ thống xử lý bụi, đồng ý tiếp nhận bàn giao đưa vào vận dụng.



THÀNH PHẦN NGHIỆM THU

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Sông Lam

An Thành Phát

Giám đốc

Phó Giám đốc

Quản đốc sản xuất-
giám sát thi công



Nguyễn Bá An



Hoàng Quốc Hạnh

Trần Đình Khánh

CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN THÀNH PHÁT

Số: 06/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯỞNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Ký ngày 02 tháng 11 năm 2009 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sản xuất phân bón

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| - Tên thiết bị | : Quạt hút sấy |
| - Mã hiệu: TB-DCHCQHS | Năm chế tạo: 2022 |
| - Công suất điện | : 11 kw |
| - Lưu lượng | : 10 000 m ³ /h |
| - Vật liệu | : thép carbon |
| - Công dụng | : hút bụi |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

Ngày 24 tháng 10 năm 2022



CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT

Số: 07/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯỞNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Ký ngày 02 tháng 11 năm 2019 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sản xuất phân bón

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|----------------------|-------------------|
| - Tên thiết bị | : Cyclone |
| - Mã hiệu: TB-DCHCCC | Năm chế tạo: 2022 |
| - Đường kính | : D=800 mm |
| - Vật liệu | : thép cacbon |
| - Công dụng | : Lắng bụi |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

Ngày 24 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CK-XD AN THÀNH PHÁT

Số: 08/ATP-XLB

PHIẾU XUẤT XƯỞNG

Quality certificate

* Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 3701639336 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương Ký ngày 02 tháng 11 năm 2009 về việc công nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện chế tạo thiết bị ngành sản xuất phân bón

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT

CHO PHÉP XUẤT XƯỞNG

- | | |
|----------------------|----------------------|
| - Tên thiết bị | : Hệ thống ống hút |
| - Mã hiệu: TB-DCHCOH | Năm chế tạo: 2022 |
| - Đường kính | : D=300mm |
| - Vật liệu | : thép carbon |
| - Công dụng | : Dẫn hướng gió, bụi |

Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2022

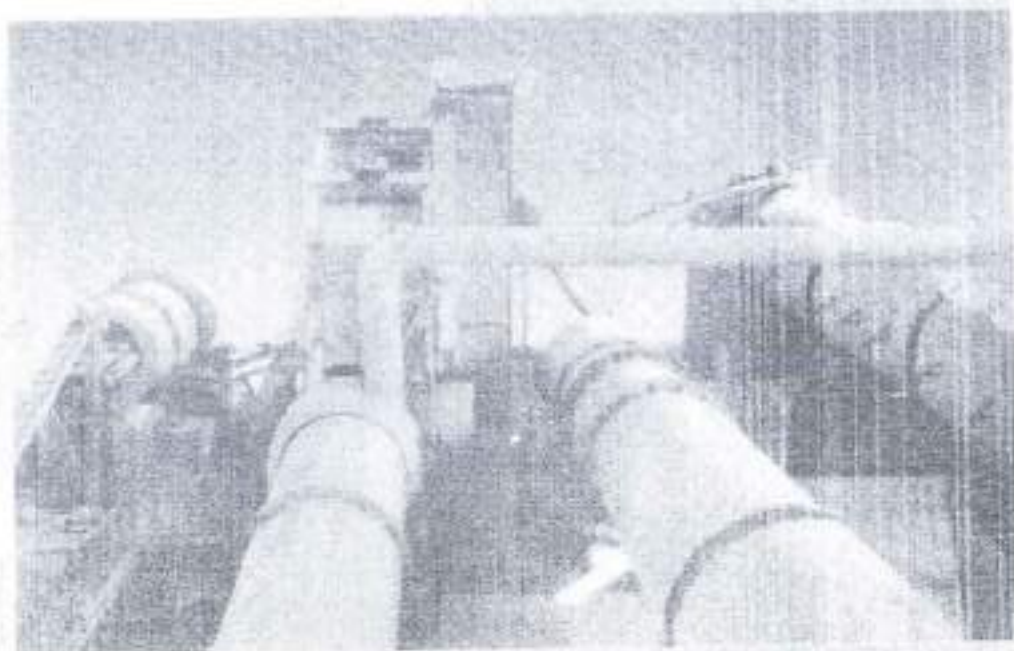
Ngày 24 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Bá An



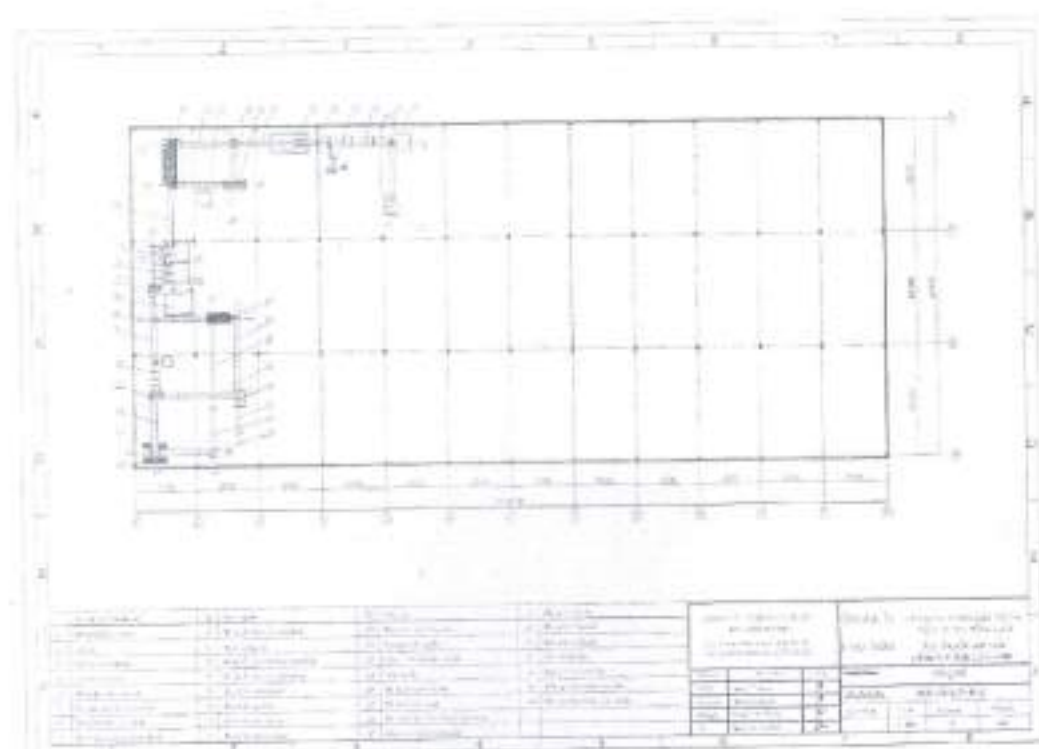
THUYẾT MINH HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI ĐÀY CHUYÊN HỮU CƠ



THUYẾT MINH
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI-DÂY CHUYỂN BƠ CỎ

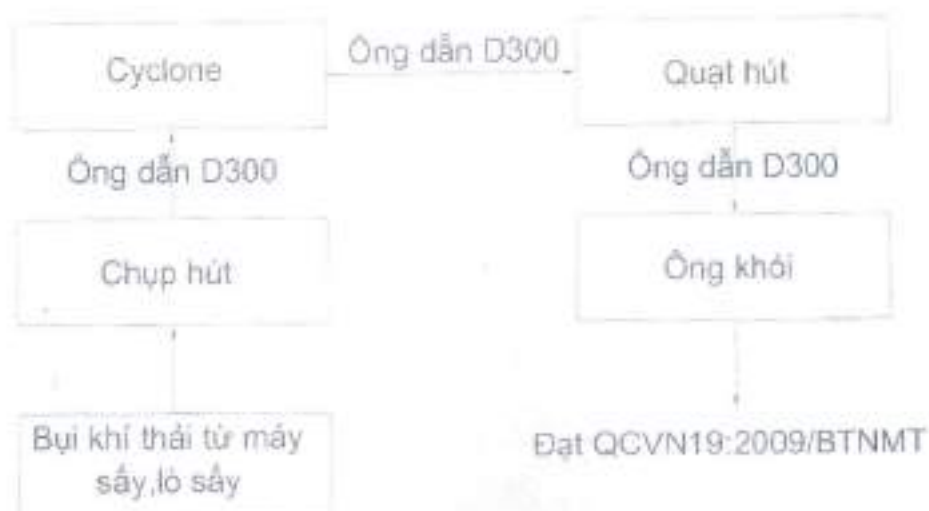


1. Sơ đồ/bản vẽ



Mô hình 3D của hệ thống

Hình ảnh thực tế của hệ thống



Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải

3. Danh mục máy móc, thiết bị xử lý bụi, khí thải

STT	Tên sản phẩm	Quy cách	SL	ĐVT
1	Quạt hút sấy	- Kiểu: Cánh lồng sóc - Lưu lượng 10000 m³/h - Công suất motor: 11kw	1	Cái
2	Cyclone	- Đường kính Ø 800mm - Chiều cao: 3500mm	1	Cái
3	Hệ thống ống hút	- Đường kính: Ø300mm - Vật liệu: thép cacbon	1	Hệ
4	Ống khói	- Đường kính Ø600 x cao 3000mm - Đường kính 400 x cao 9000mm - Vật liệu: thép cacbon - Tổng chiều cao 12 m	1	Cái

01/2022

4. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý bụi khí thải

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống

- + Kiểm tra các thiết bị điện: kiểm tra công tắc tất cả các thiết bị đã vị trí OFF hoặc ON hay chưa,
- + Kiểm tra hệ thống: Kiểm tra hoạt động của mô tơ và quạt hút, kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống:

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

- + Bước 1: Nhấn công tắc ON => Tu điều khiển sẵn sàng
- + Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.
- + Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó => Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.
- + Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF => chuyển tất cả công tắc về OFF -> Tìm nguyên nhân khắc phục => Sau khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

5. Diễn giải/thuyết minh công nghệ

Trong quá trình sản xuất phân bón hữu cơ ở lò sấy, máy sấy thường xuất hiện một lượng bụi, khí thải (có xuất hiện, nhưng không đáng kể). Vì vậy cần một hệ thống xử lý bụi với nguyên lý hoạt động tại các vị trí thường phát sinh bụi như máy sấy, lò sấy ... có đặt các chóp hút bụi. Với quạt hút bụi công suất 10.000 m³/h (công suất động cơ 11 kw) dẫn không khí có chứa bụi từ các máy/thiết bị qua nhiều cấp lắng lọc bụi như Cyclone đến khi ra môi trường chỉ còn là khí sạch. Chi tiết:

Đề tương ứng với lượng khí thải phát sinh trong dây chuyền hữu cơ (tương đối ít), khí có chứa bụi từ các máy đầu tiên được ống hút dẫn qua Cyclone. Tại Cyclone với thiết kế "xoắn ốc" thì không khí đi qua sẽ tách được các hạt bụi lớn nhất (trọng lượng nặng hơn) sẽ lắng xuống đáy cyclone.



THUYẾT MINH HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI ĐÁY CHUYÊN DỤNG

Với cơ cấu "xoăn ốc" các hạt bụi trong khí đi qua sẽ được lắng xuống đáy cyclone trước khi qua ống khói và ra khỏi môi trường.



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN VẼ HOÀN CÔNG XỬ LÝ BỤI

Công trình : Dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh và Bioway.

Địa điểm : xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chủ Đầu Tư : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM

CHỦ ĐẦU TƯ



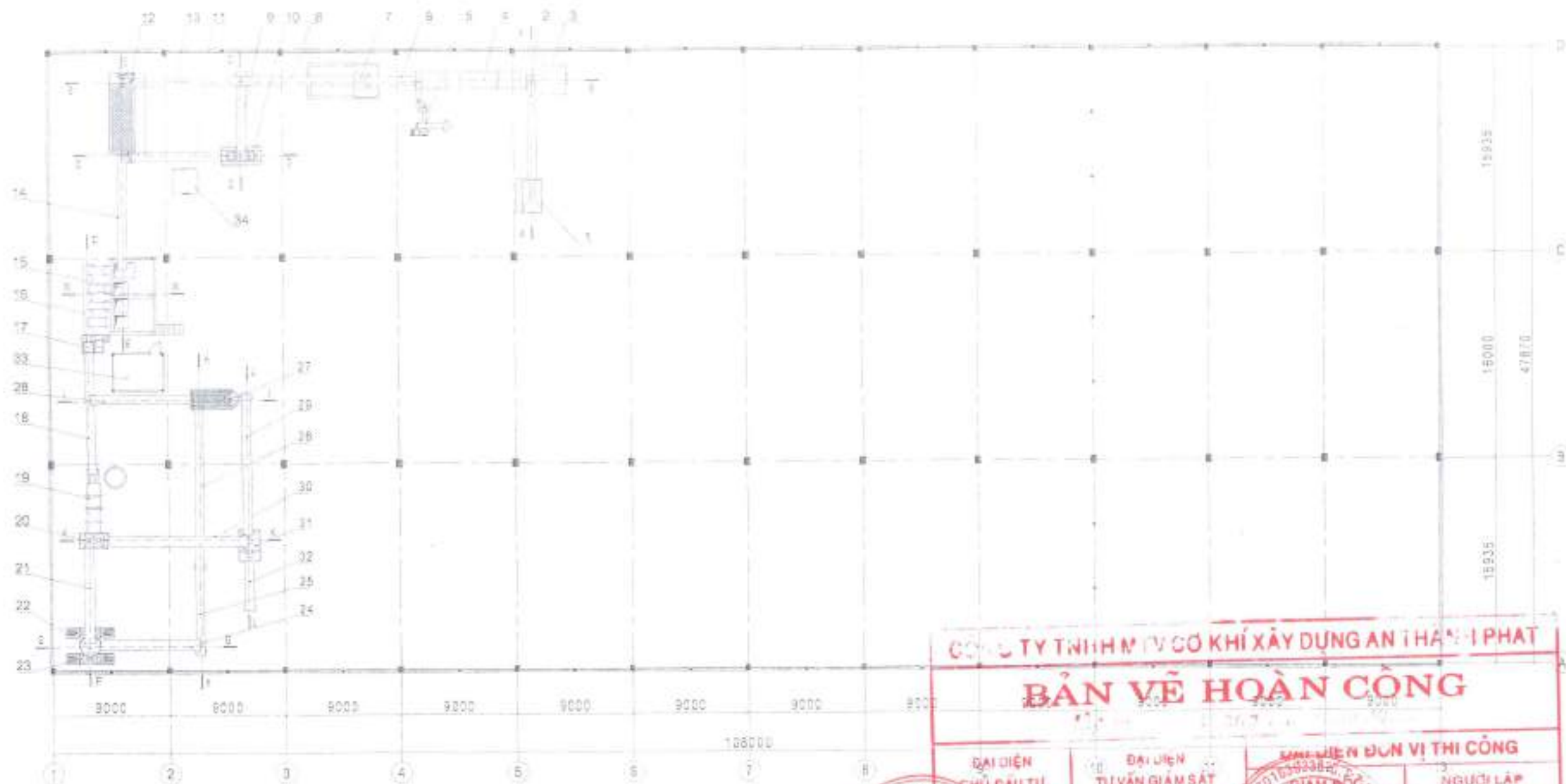
Nguyễn Như Hùng

NHÀ THẦU



Nguyễn Bá An

Bình Dương , Năm 2022



CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Nguyễn Như Hằng

Nguyễn Như Hằng

1. Bunker cấp liệu lên sấy	10. Máy nghiền	19. Máy trộn	28. Băng tải vận chuyển
2. Băng tải lên máy sấy	11. Băng tải lên máy sàng lọc	20. Bồn chứa lưu trữ nước	29. Băng tải vận chuyển
3. Lò sấy	12. Máy sàng lọc	21. Băng tải vận chuyển	30. Băng tải vận chuyển
4. Máy sấy tổng hợp	13. Băng tải vận chuyển	22. Máy cấp liệu trên máy ép	31. Băng tải vận chuyển
5. Bunker cấp liệu sấy	14. Băng tải vận chuyển	23. Máy ép bột	32. Băng tải vận chuyển
6. Băng tải dưới máy sấy	15. Sàn đỡ máy trộn	24. Băng tải vận chuyển	33. Băng tải vận chuyển
7. Bunker cấp liệu máy nghiền	16. Băng tải vận chuyển	25. Băng tải vận chuyển	34. Băng tải vận chuyển
8. Băng tải vận chuyển	17. Băng tải vận chuyển	26. Băng tải vận chuyển	
9. Băng tải vận chuyển	18. Băng tải vận chuyển	27. Máy cấp liệu vận chuyển	

STT	Họ và Tên	Chức Vụ
1	Nguyễn Như Hằng	Chủ đầu tư
2	Nguyễn Như Hằng	Tư vấn giám sát
3	Nguyễn Như Hằng	Đơn vị thi công

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM

Công Trình: Dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh

TỔNG THỂ			
Tên	Số lượng	Tổng giá	Đơn vị
Bản vẽ	1	1.350	1.350

A

B

C

D

E

F

1

2

3

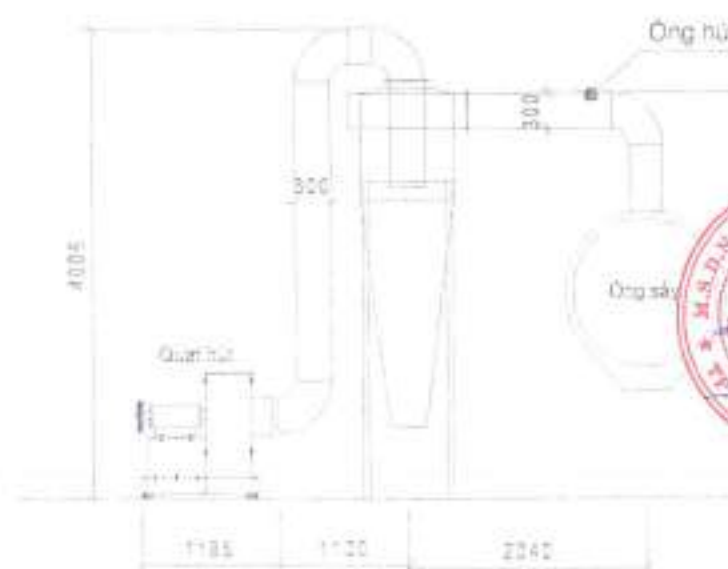
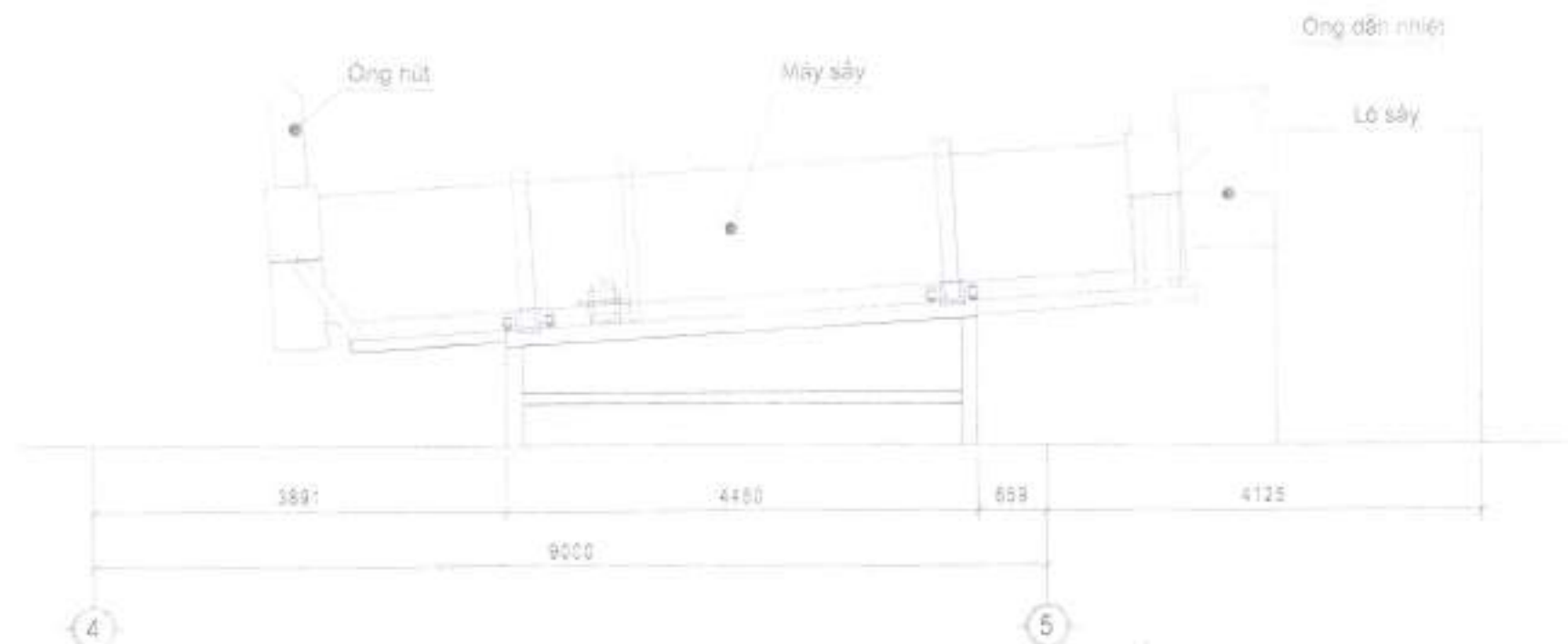
4

5

6

7

8



CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

ĐẦU TƯ

TƯ VẤN GIÁM SÁT

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Như Hùng

Nguyễn Bá An

CÔNG TY TNHH MTV CK XD AN THÀNH PHÁT

Địa chỉ: 388/37 Nguyễn Huệ, TP. HCM, Việt Nam
Tel: (0274) 3021042 - Fax: (0274) 3021043

Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÔNG LAM

Công Trình: Dãy chuyển sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh

Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ
Nguyễn Bá An		
Nguyễn Bá An		
Mạch Thị Hoàng		
Nguyễn Bá An		

Hạng Mục	Tên Bản Vẽ	Số lượng	Tỷ lệ	Tên bản vẽ	Khối lượng

1

2

3

4

5

6

7

8

A

B

C

D

E

F

A

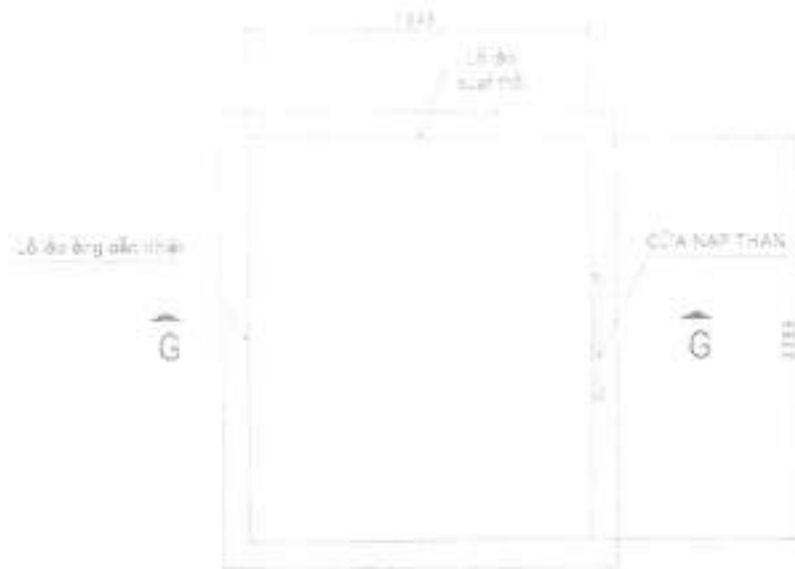
B

C

D

E

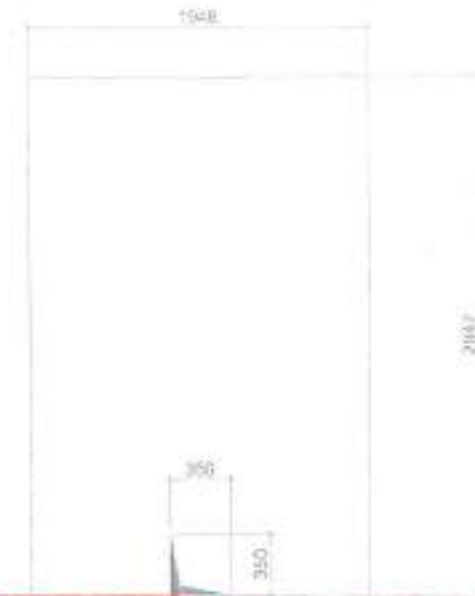
F



MẶT BẰNG



MẶT ĐƯƠNG



CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ XÂY DỰNG AN THÀNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐẠI DIỆN
TƯ VẤN GIÁM SÁT

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Như Hùng

CÔNG TY TNHH MTV CƠ XĐ
AN THÀNH PHÁTChủ đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG SÔNG LAMCông Trình: Dãy chuyên sản xuất
phần hồn hữu cơ vì sinh

Hệ thống xử lý bụi

Lô số

Số lượng

Tỷ lệ

Ký

GHI CHÚ

1. CAO ĐỘ 45.000 TRÊN BẢN VẼ NÀY LÀ CAO ĐỘ NỀN NHÀ XÂY DỰNG.
2. PHẢI KẾT HỢP VỚI BẢN VẼ HỆ THỐNG THIỆT BỊ KIỂM TRA LẠI CÁC THÔNG TIN CHỈ NHẮC TRƯỚC KHÍ THI CÔNG.

1. Ghi chú
2. Ghi chú
3. Ghi chú
4. Ghi chú

Họ và tên	Họ và tên	Công ty
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	

Họ và tên	Họ và tên	Công ty
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	
Nguyễn Văn An	Nguyễn Văn An	

2.3. HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI DÂY TRUYỀN XS PHÂN BÓN NPK 1 HẠT



CÔNG TY TNHH MTV CƠ NHIỆT ÁP LỰC HÒA PHÁT



HỆ THỐNG SỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

CÔNG TY TNHH ÁP LỰC HÒA PHÁT

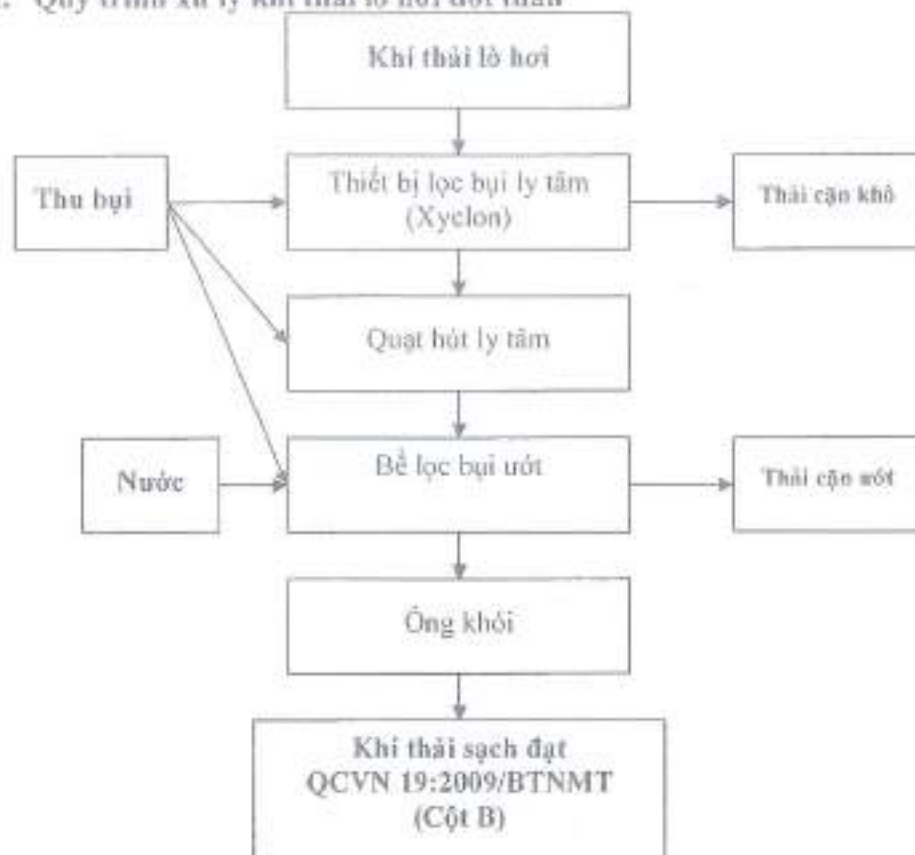
Số 5 Ngõ 51 đường Nguyễn Duy Năng Phường Thọ xương Thành phố Bắc Giang

MST: 2400.640.867

TEL: 0982.090.333

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

I. Quy trình xử lý khí thải lò hơi đốt than



II. Thuyết minh quy trình xử lý

Khí thải phát sinh từ lò hơi sẽ được đưa qua Cyclone để tách tro bụi và muội than. Cyclone là thiết bị hình trụ có phần dưới là hình phễu và ống xả bụi, không khí khi đi vào Cyclone sẽ có chuyển động xoáy ốc bên trong thân hình trụ của Cyclone và khi chạm vào ống đáy hình phễu, dòng không khí bị đổi ngược trở lên nhưng vẫn giữ được chuyển động xoáy ốc và theo ống thoát khí sạch thoát ra ngoài. Trong dòng chuyển động xoáy ốc, các hạt bụi chịu tác dụng của lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía thành ống của thân hình trụ, rồi chạm vào đó, mất động năng và rơi xuống đáy phễu. Dưới ống xả bụi có lắp đặt van kép nhằm tránh áp suất âm. Định kỳ khoảng 03 lần/tuần thì nhà máy sẽ tiến hành xả bụi từ Cyclone.

Sau đó quạt hút tiếp tục hút dòng khí thải đi qua bể đập bụi ướt tại đây 90% lượng bụi nhờ quá trình va đập với màng nước sẽ rơi xuống đáy bể đập bụi, còn dòng khí thải sẽ tiếp tục được đẩy theo ống khói thoát ra ngoài.

Khí ra khỏi thiết bị, một phần khí thải và bụi trong khí thải được giữ lại, khí thải đã được xử lý sẽ được thải ra qua ống khói. Khí thải sau xử lý của lò hơi đảm bảo đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1$, $K_v = 1.2$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ.

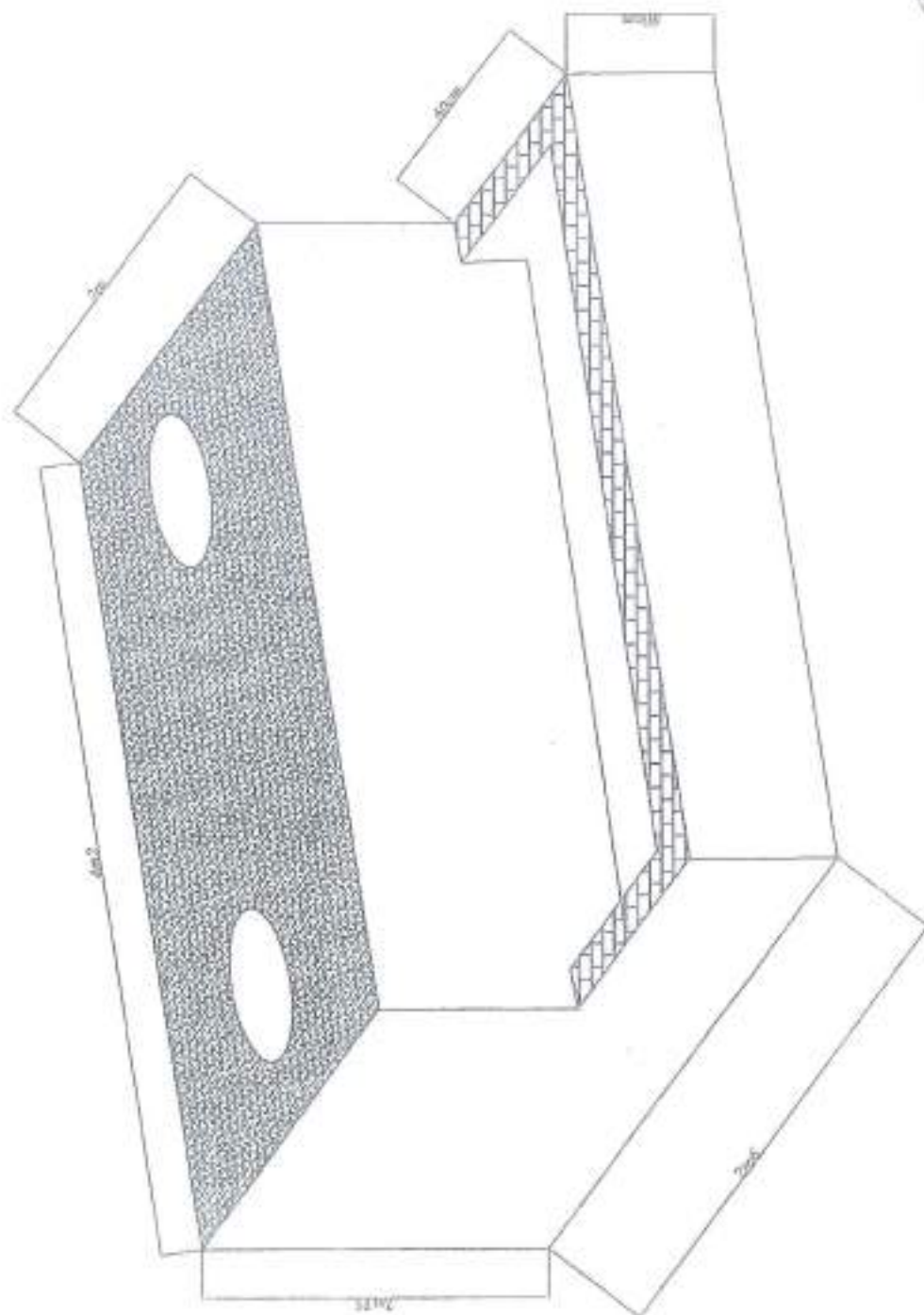
Thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý khí thải lò hơi:

STT	Hạng mục/thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Cyclone	01	Cyclone chum, gồm 02 cyclone đơn bố trí song song, đường kính mỗi cyclone đơn 500mm. Vật liệu thép CT3
2	Quạt hút cao áp	1	- Công suất 22kw - Lưu lượng 25000m ³ /h - Áp suất 2500Mp
3	Bể đập bụi ướt	1	Kích thước: B×L×H= 2,6×4×2,3m, V= 24m ³
4	Ống khói thải	1	- Chiều cao: 12 m - Đường kính ống khói: Ø420 - Vật liệu thép CT3

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ NHIEP ÁP LỤC HÒA PHÁT



GIÁM ĐỐC
PHAN KHÁNH HOÀ

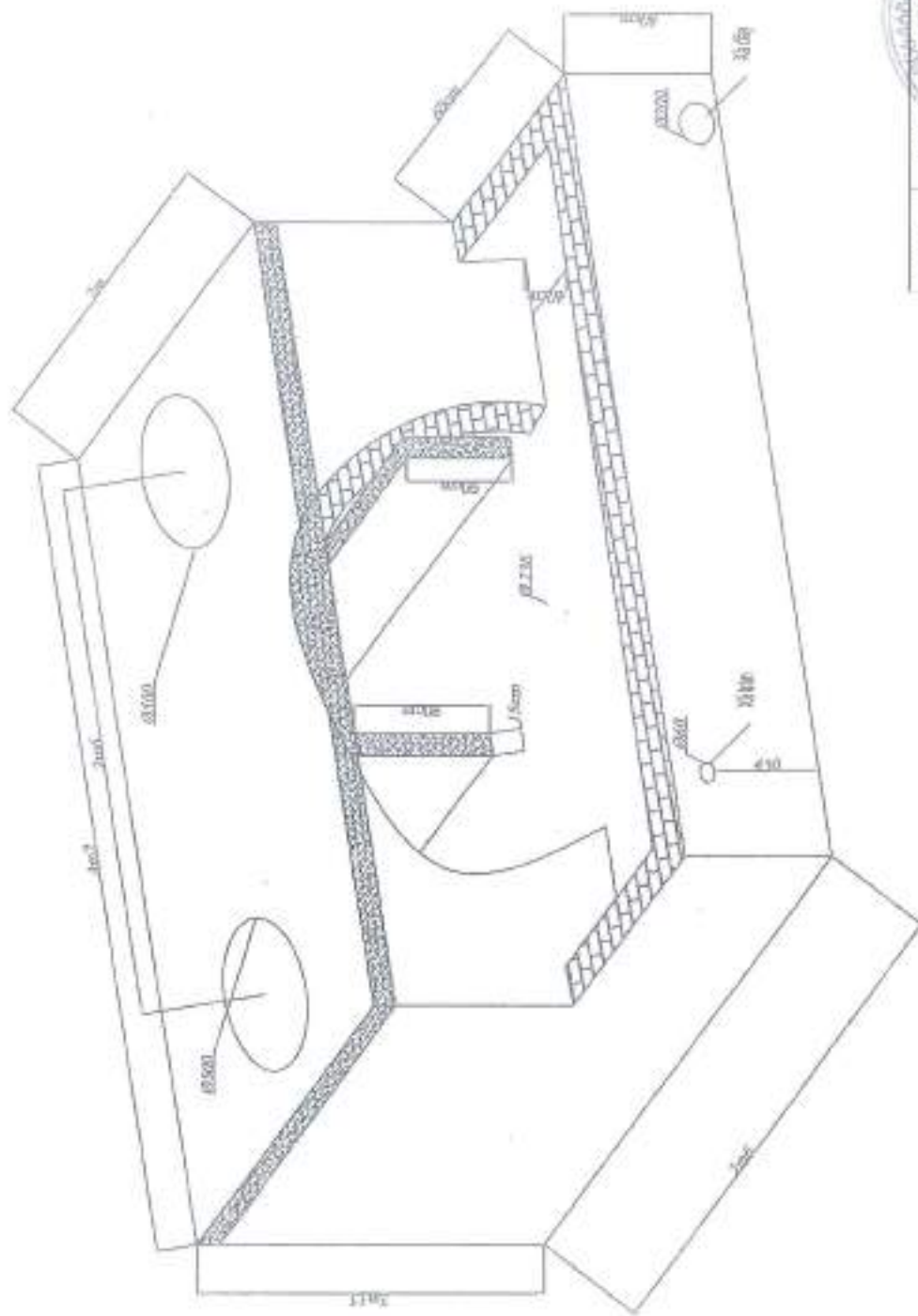


CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BƠ LỰC HÒA PHÁT



TRÌNH DẠY	HỌ VÀ TÊN	KÝ	NGÀY
CHUYÊN			
THAM TRÀ			
Kiểm tra			
VỀ	Họ và tên		

HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ
CHẾ TẠO
KINH DOANH
SỐ QUÂN



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VIỆT NAM PHÁT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẬN 1

PHƯỜNG 1

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẠNG THÁI

HỌ VÀ TÊN

KÝ

NGÀY

CHỨC VỤ

THÀNH TỰA

KÝ TỰA

VỀ

PHẦN TẠO

...

...

...

...

...

*Bắc Giang, ngày 30 tháng 08 năm 2022.***BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM XUẤT XƯỞNG NỒI HƠI**

Chúng tôi, Hội đồng khám nghiệm kỹ thuật của Công ty TNHH MTV Cơ nhiệt Áp lực Hòa Phát gồm có:

1/ Ông: Phan Khánh Hòa

Chức vụ: Giám đốc Công ty.

2/ Ông: Phan Vương Định

Chức vụ: Phụ trách kỹ thuật.

Đã tiến hành khám nghiệm xuất xưởng nồi hơi:

I/ ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

Loại:	Nồi hơi đốt than.	Áp suất thiết kế:	8,0 kG/cm ² .
Mã hiệu:	KZHP - 5000/8.	Áp suất làm việc:	8,0 kG/cm ² .
Số chế tạo:	N ^o 22008.	Công suất:	5,0 T/h.
Năm chế tạo:	08/2022.	Nhiên liệu sử dụng:	Than đá, củi.
Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa:	174 °C	Công dụng:	Sản xuất hơi nước bão hòa.
Nhà chế tạo:	Công ty TNHH MTV Cơ nhiệt Áp lực Hòa Phát.		

II/ NỘI DUNG KHÁM NGHIỆM

- Khám xét toàn bộ bên trong và bên ngoài nồi.
- Kiểm tra nhãn mác trên thân thiết bị.
- Kiểm tra các kích thước quan trọng.
- Kiểm tra tình trạng gia công, lắp ráp và mối hàn.
- Kiểm tra các tài liệu kỹ thuật đi kèm theo thiết bị.

III/ NGHIỆM THỬ

Cách nghiệm thử: Thử bằng áp lực nước ở nhiệt độ môi trường

- | | |
|---------------------------------------|-----------------------|
| - Áp suất thử tối đa: | 12 kG/cm ² |
| - Thời gian thử với áp suất tối đa: | 20 phút. |
| - Thời gian thử với áp suất thiết kế: | 30 phút. |

IV/ NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN**A- Nhận xét:**

1/ Nồi hơi được chế tạo đúng thiết kế.

2/ Công nghệ chế tạo và lắp nối các chi tiết đảm bảo các yêu cầu KT của TCVN.

3/ Vật liệu chế tạo và que hàn sử dụng đúng TCKT.

4/ Công nhân hàn có tay nghề bậc 5/7, 6/7 và có bằng hàn áp lực hợp lệ.

5/ Trong quá trình nghiệm thử, chúng tôi không thấy có hiện tượng gì bất thường xảy ra, áp suất thử không bị suy giảm. Toàn bộ thiết bị kín.

- Các mối hàn: Kín.
- Các đường hàn trên thân: Kín.
- Toàn bộ bản thể không có biến dạng.
- Hồ sơ xuất xưởng hoàn chỉnh.

B/ Kết luận:

Nồi hơi này đã được chế tạo và kiểm tra nghiệm thử theo đúng thiết kế và các qui định của TCVN. Thiết bị đáp ứng được các điều kiện về ATLD để đưa vào sử dụng với áp suất làm việc lớn nhất: $P_{LV \text{ Max}} = 8,0 \text{ kG/cm}^2$.

Phụ trách kỹ thuật
(Ký ghi rõ họ và tên)

Phan Vương Đình

Giám đốc địa vị chế tạo



**GIÁM ĐỐC
PHAN KHÁNH HOÀ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**

N_o: (Số seri): 0075161



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN MÁY, THIẾT BỊ NÔNG NGHIỆP

CENTER FOR REGISTRATION OF SAFETY TECHNICIANS - MARD

Mã số: 09/0CH-KĐ * CHATKD-17.0001 * 02-18/0CHĐDK-ĐCT

Tên và chức vụ:

VPĐD Phú Yên:

VPĐD MT & Tây Nguyên:

VPĐD sông sông sông Cầu Long:

VPĐD Bắc Trung Bộ:

Tên kiểm định viên (chức vụ, họ, tên):

Số 54/102 đường Trường Chinh - Quận Đống Đa - TP Hà Nội

Số 271 Tô Ngọc Vân - P. Linh Giang - TP Thủ Đức - TP HCM

Số 03 Tiểu Khu Giáp - P. Quang Trung - TP Quy Nhơn - T. Bình Định

Số 28 đường số 7 - KDC Tây Sông Hậu - TP Long Xuyên - T. An Giang

Số 203 đường 5 - Đông Phú - TP Trảng Bàng - T. Tây Ninh

Tên phố Phú Mỹ - Huyện Phú Xuyên - TP Hà Nội

* ĐT: (024) 3293 0857

* ĐT: (028) 3823 7384

* ĐT: (0258) 382 3824

* ĐT: (0296) 394 0823

* ĐT: (086) 987 8413

* ĐT: (024) 3378 4375

I. TỜ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SÔNG LAM TÂY BẮC

Địa chỉ: Bản Xa Cán, Xã Mường Bon, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH:

+ Tên đối tượng kiểm định: Nồi hơi đốt than.

+ Mã hiệu: KZHP - 5000/8.

+ Số chế tạo: N°22008.

+ Nhà sản xuất/nước sản xuất: Công ty TNHH MTV Cơ nhiệt Áp lực Hòa Phát.

+ Năm chế tạo: 08/2022

+ Đặc tính, thông số kỹ thuật:

Môi chất: Hơi nước bão hòa

Công suất: 5,0 T/h

Áp suất thiết kế: 8,0 bar

Áp suất làm việc: 8,0 bar

Địa điểm lắp đặt: Bản Xa Cán, Xã Mường Bon, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định

Số 26/494-NHO - PB/22, ngày 29 tháng 11 năm 2022(*).

Tem kiểm định số: 28559

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày 29 tháng 11 năm 2024

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

GIÁM ĐỐC



K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Huy Dũng

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN MÁY, THIẾT BỊ NÔNG NGHIỆP

CENTER FOR REGISTRATION OF SAFETY TECHNICIS - MARD



9001:2015



Trụ sở chính:
VPSD Phú Hòa
VPSD MT & Tân Mỹ
VPSD đồng bằng Sông Cửu Long
VPSD Bắc Trung Bộ
Trạm kiểm định (mã) khác: MT, MT, MT, MT

Số 04/60 đường Trường Chinh - Quận Đống Đa - TP Hà Nội
Số 13 Phan Khắc Hiến - Quận 1 - TP HCM
Số 03 Trần Văn Giáp - TP Quy Nhơn - Bình Định
Số 29 đường số 7 - KDC Tây Sông Hậu - TP Long Xuyên - An Giang
Số 220 đường 3 - Đồng Phú - TP Thanh Hóa - Thanh Hóa
Tổ quán Phú Ninh - Phú Xuyên - TP Hà Nội

*ĐT: (024) 3792 8967
*ĐT: (028) 3823 7384
*ĐT: (024) 362 2824
*ĐT: (0296) 364 3022
*ĐT: 098 897 8412
*ĐT: (024) 3278 4239



VIAS 062

Mai Sơn, ngày 29 tháng 11 năm 2022.

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN

NỒI HƠI (NỒI ĐUN NƯỚC NÓNG)

Số: 9.2.6 / 4.9.4 - NHQ / 11

(Theo biên bản ghi chép hiện trường số: 1)

Chúng tôi gồm:

1/ Phạm Anh Tuấn.

Kiểm định viên số: 11 (ĐT: 0912462934).

2/

Kiểm định viên số:

Thuộc: Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp.

Số đăng ký chứng nhận: 09/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: Nồi hơi đốt than

Của: Công ty Cổ phần Phân bón Sông Lam Tây Bắc

Địa chỉ: Bản Xá Cầu - Xã Mường Bùn - Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La

Địa chỉ lắp đặt:

Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ:01-2016/BLĐTBXH.

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1/ Trần Đình Khẩu

Chức vụ: Quản đốc sản xuất

2/

Chức vụ:

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA NỒI HƠI

Loại, mã hiệu: K2 HP - 5000/8 Áp suất thiết kế: 8,0 bar
Số chế tạo: 22008 Áp suất làm việc: 8,0 bar
Năm chế tạo: 08/2022 Công suất: 5,0 T/h
Nhà chế tạo: Công ty TNHH MTV CNAL Hòa Phát Nhiên liệu sử dụng: Than đá, Củi
Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa: 174 °C Nhiệt độ thiết kế hơi quá nhiệt: °C
Công dụng: Sản xuất hơi nước bão hòa
Ngày kiểm định lần trước: Do: thực hiện.
Ngày thử bền gần nhất: 30/08/2022 Do: Công ty TNHH MTV CNAL Hòa Phát thực hiện.

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☒; Định kỳ ☐; Bất thường ☐

Lý do kiểm định bất thường:

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ:

- Nhận xét: Đúng, phù hợp.

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không Đạt
Khoảng cách	☒	☐
Cửa	☒	☐
Cầu thang, sàn thao tác	☒	☐

Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không Đạt
Tình trạng cấu kiện	☒	☐
Hệ thống cấp nước	☒	☐
Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	☒	☐



Chiều sáng vận hành	✓		Van an toàn	✓	
Hệ thống chống sét	✓		Áp kế	✓	
Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực	✓		Đo mức	✓	
Tình trạng mối hàn	✓		Các thiết bị bảo vệ, đo lường, tự động khác	✓	

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Đạt yêu Cầu kỹ thuật

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

3. Thử nghiệm:

Nội dung thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	<u>Nhà CT đã thử Xứng đáng có BB lưu trữ hồ sơ</u>	
Thử vận hành	8,0	30

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Áp suất không bị suy giảm trong quá trình thử

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nồi hơi được kiểm định có kết quả:

Đạt ☒ Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: 28559 Tại vị trí: Tủ điều khiển

3. Áp suất làm việc cho phép: 8,0 bar

4. Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa: 174 °C Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt: 1 °C

5. Áp suất đặt của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)
Van hơi bão hòa 1	8,8	8,0
Van hơi bão hòa 2	9,0	8,2

6. Các kiến nghị: Không

Thời gian thực hiện kiến nghị: /

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày 29 tháng 11 năm 2024

Lý do rút ngắn thời hạn (nếu có): 1

Biên bản đã được thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2022.

Tại: Có Sở

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên và đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Như Hùng

NGƯỜI THAM GIA

CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Trần Việt Hoàng

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ, tên)

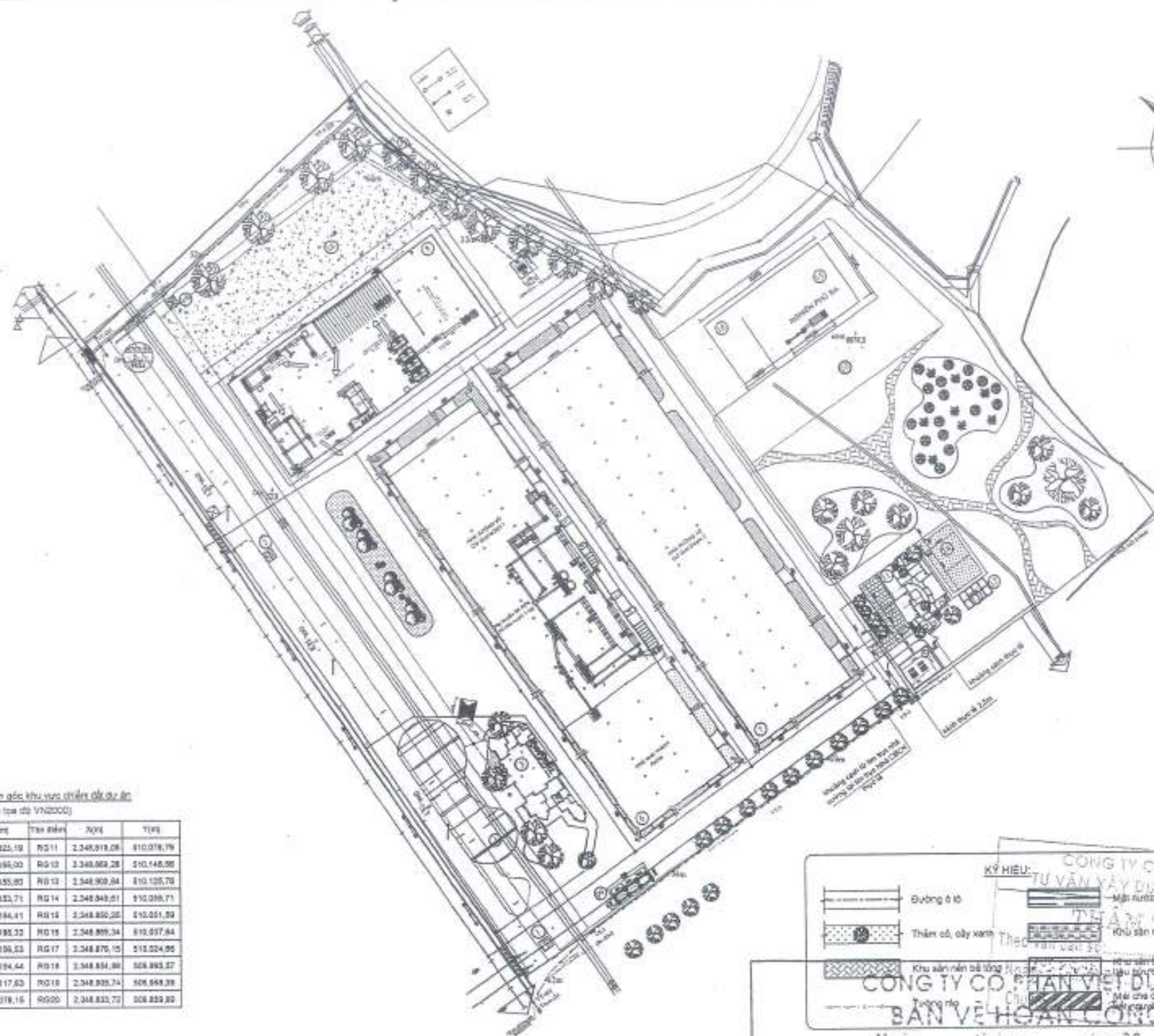
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KTAT

KIỂM ĐỊNH VIÊN

RST: 11

Phạm Đình Tuấn

3.HỒ SƠ BẢN VẼ LIÊN QUAN



Bảng tọa độ điểm góc khu vực triển khai dự án
(Hệ tọa độ VN2000)

Tên điểm	X(m)	Y(m)	Tên điểm	X(m)	Y(m)
RG1	2.348.810,38	510.025,19	RG11	2.348.819,08	510.018,79
RG2	2.348.797,01	510.196,00	RG12	2.348.808,28	510.148,88
RG3	2.348.710,88	510.155,83	RG13	2.348.909,84	510.108,78
RG4	2.348.713,46	510.153,71	RG14	2.348.949,61	510.098,71
RG5	2.348.718,08	510.184,41	RG15	2.348.850,35	510.051,59
RG6	2.348.742,78	510.183,32	RG16	2.348.899,34	510.037,84
RG7	2.348.786,44	510.198,33	RG17	2.348.876,15	510.024,95
RG8	2.348.796,03	510.184,44	RG18	2.348.854,88	509.993,27
RG9	2.348.759,92	510.117,63	RG19	2.348.935,74	509.998,38
RG10	2.348.813,93	510.018,15	RG20	2.348.832,70	509.899,80

LIST KẾ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TT	H. SỐ	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)	DIỆN TÍCH (m ²)	GH CHÚ	TT	H. SỐ	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)	DIỆN TÍCH (m ²)	GH CHÚ
TỔNG DIỆN TÍCH				81.388		8	02	Trạm cấp BƠ	17,40x3,40	59,20	Xây mới
1	01	Nhà báo vệ cổng chính	8,70x4,10	35,87	Xây mới	10	10	Bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ		8.579	Xây mới
2	02	Nhà báo vệ cổng phụ, cùn	8,70x4,10	35,87	Xây mới	11	11	Nhà sống vụ và ưu ưu (2 tầng)	36,0x14,5	522	Xây mới
3	03	Nhà văn phòng (3 tầng)		725,0	Xây mới	12	12	Trạm bơm nước	8,5x3,8	32,43	Xây mới
4	04	Hồ điều hòa		1.370	Xây mới	13	13	Bể chứa nước ngầm 320m ³	9,3x9,3	86,49	Xây mới
5	05	Trạm biến áp 50/0,4KV - 350KVA	0,2x0,2	48,0	Xây mới	14	14	Sân thể thao	21,0x12,7	266,70	Xây mới
6	06	Nhà xưởng 1 - Dây chuyền sản xuất phân bón NPK	192,0x48,0	9.216	Xây mới	15	15	Nhà xưởng sản xuất phụ gia	24,0x38,0	914	Xây mới
7	07	Nhà xưởng 2 - Dây chuyền sản xuất phân bón NPK	192,0x48,0	9.216	Xây mới	16	16	Nhà sơ chế và kho chứa chất thải	24,0x42,0	1.008	Xây mới
8	08	Nhà xưởng sản xuất phân bón NPK và nhà kho chứa phân	40,0x104,0	4.160	Xây mới	17	17	Nhà báo vệ cổng phụ 2	3,0x3,0	9,00	Xây mới
						18	18	Bãi ô nhiễm ô nhiễm hữu cơ		4.942	Xây mới
						19	19	Tường rào loại 1		27,17	Xây mới



Người lập: *[Signature]*
 Chỉ huy trưởng công trình: *[Signature]*
 Tư vấn giám sát trưởng: *[Signature]*
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

Ghi chú:

Chủ đầu tư:
CÔNG TY CP PHẦN BÀN SÔNG LAM
TÂY BẮC

Địa chỉ: x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Dự án: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc

Hạng mục:

TỔNG MẶT BẰNG

Địa chỉ:
 x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Cơ quan thiết kế:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TỶ TÂY BẮC



TÂY BẮC JSC

Địa chỉ:
 Số 1 Đường Trường Chinh, Thành phố Sơn La

Chủ đầu tư:

Chủ nhiệm dự án: *[Signature]*

KTS: CAO THIẾU LINH

Chủ trì thiết kế: *[Signature]*

KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Thiết kế: *[Signature]*

KS: NGUYỄN HỮU TUÂN

Kiểm tra: *[Signature]*

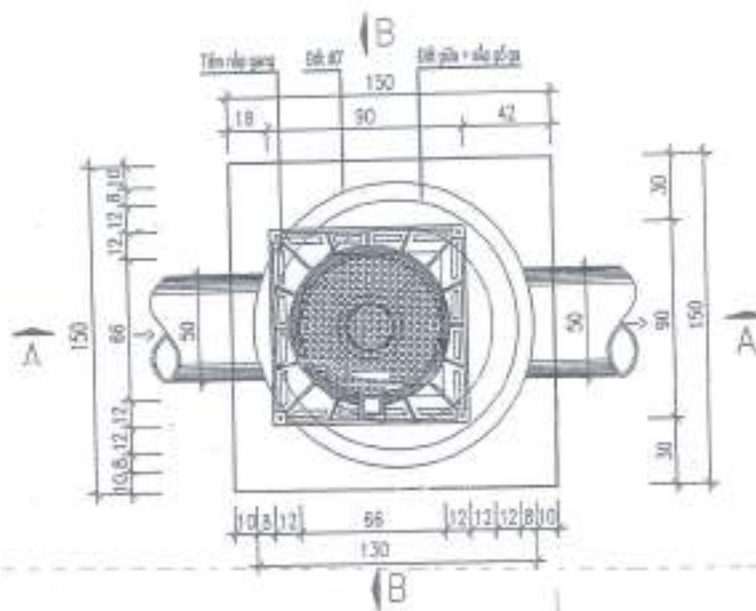
KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Tên bản vẽ:
MẶT BẰNG
TỔNG THỂ NHÀ MÁY

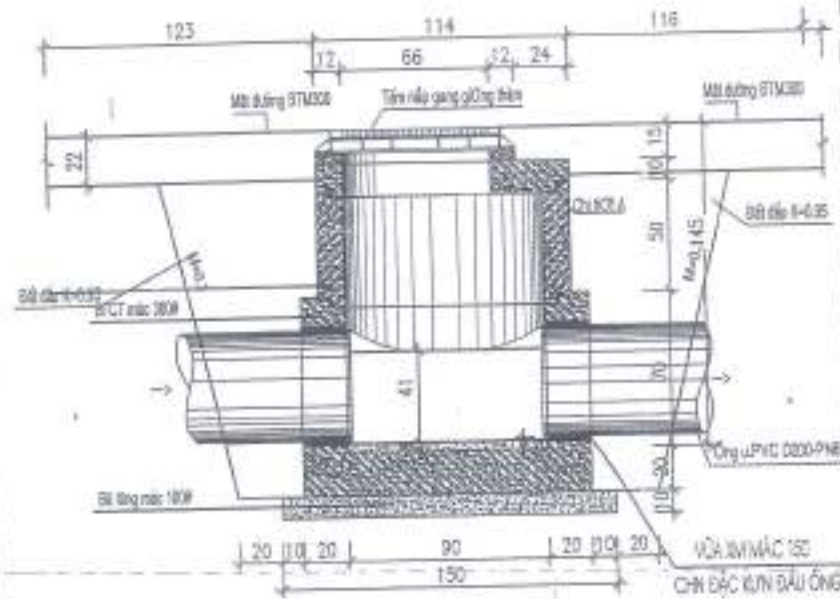
Bộ hồ sơ:

Hoàn thành:/2022

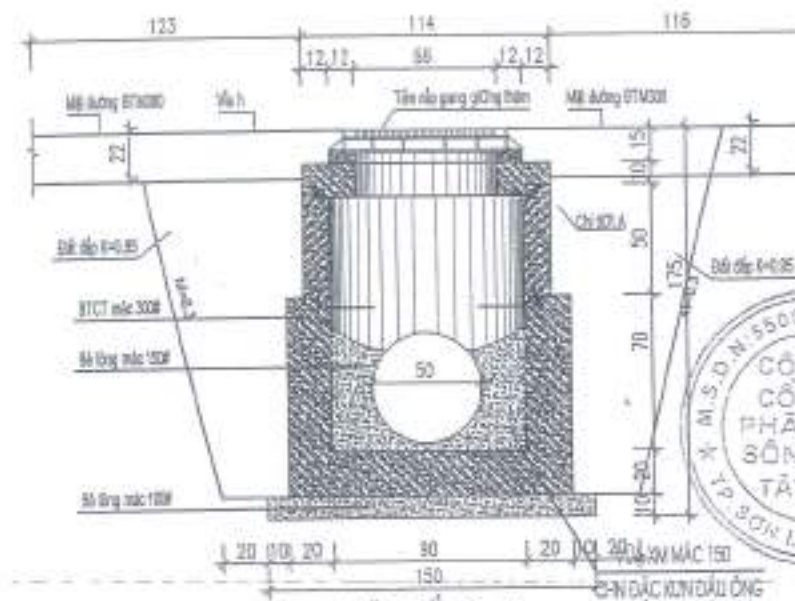
Tỷ lệ: *[Signature]*
 Ký hiệu bản vẽ: PBSL/XD-TMB-01



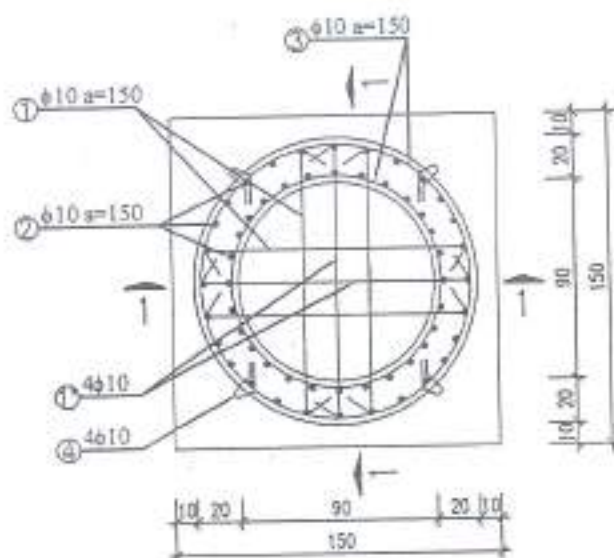
MẶT BẰNG HỐ GA



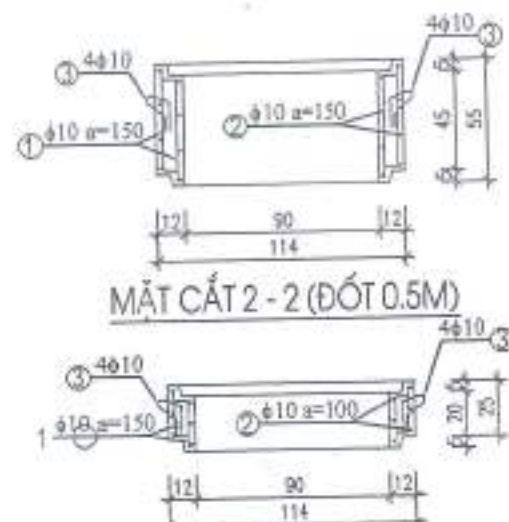
MẶT CẮT A-A



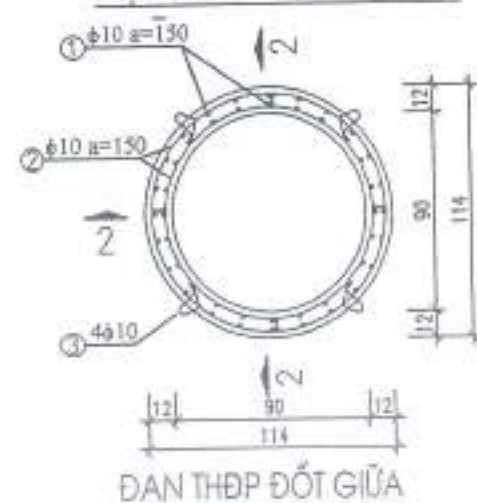
MẶT CẮT B-B



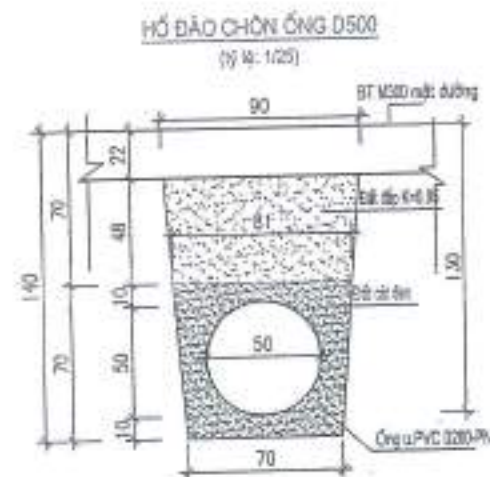
ĐÀN THÉP ĐÓT ĐỢ HỐ GA



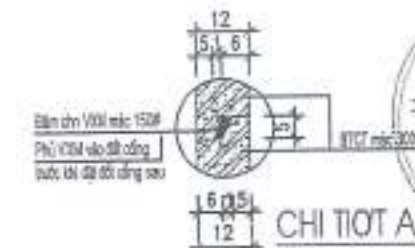
MẶT CẮT 2-2 (ĐÓT 0.5M)



MẶT CẮT 2-2 (ĐÓT 0.25M)



HỐ ĐÀO CHỌN ỐNG D500



CHI TIẾT A

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT DUNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập
Giám sát công trình
Tư vấn giám sát trưởng
hoặc giám đốc dự án
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

Ghi chú:

Chủ đầu tư
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓN SÔNG LAM
TÂY BẮC

Địa chỉ: x. Mường Ban - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Dự án: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: x. Mường Ban - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Cơ quan thiết kế:
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ TÂY BẮC



Địa chỉ: x. Mường Ban - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Dự án: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Chủ nhiệm dự án:
KTS: CAO THIẾT LINH

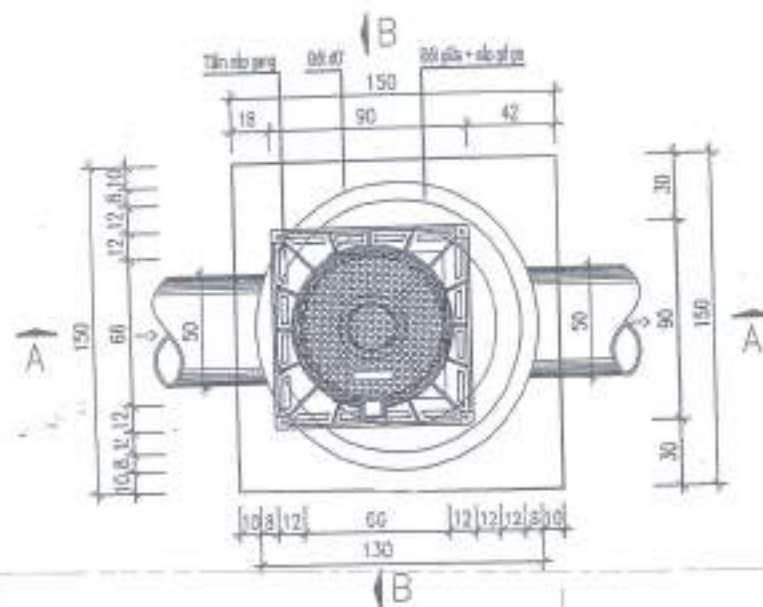
Chủ trì thiết kế:
KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Thời kỳ:
KS: NGUYỄN HỮU TUÂN

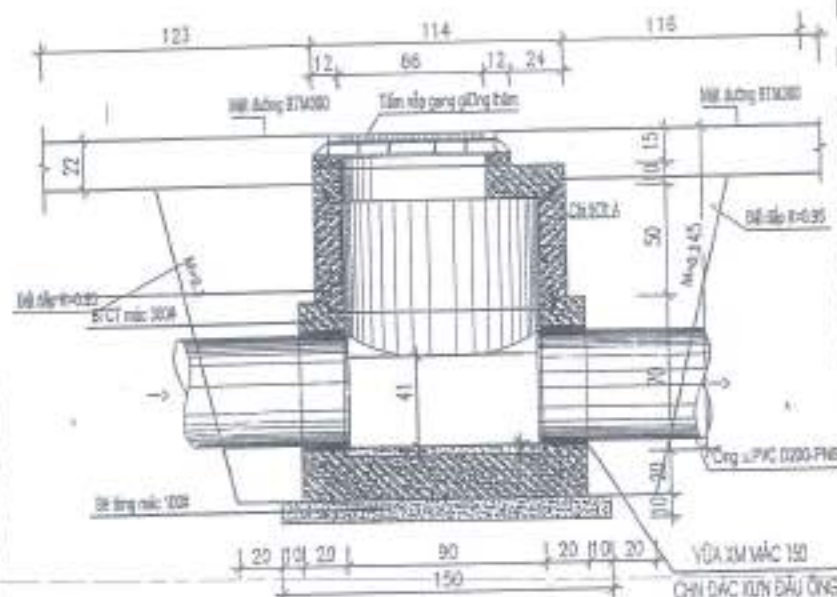
Kiểm tra:
KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Tên bản vẽ:
CHI TIẾT HỐ GA

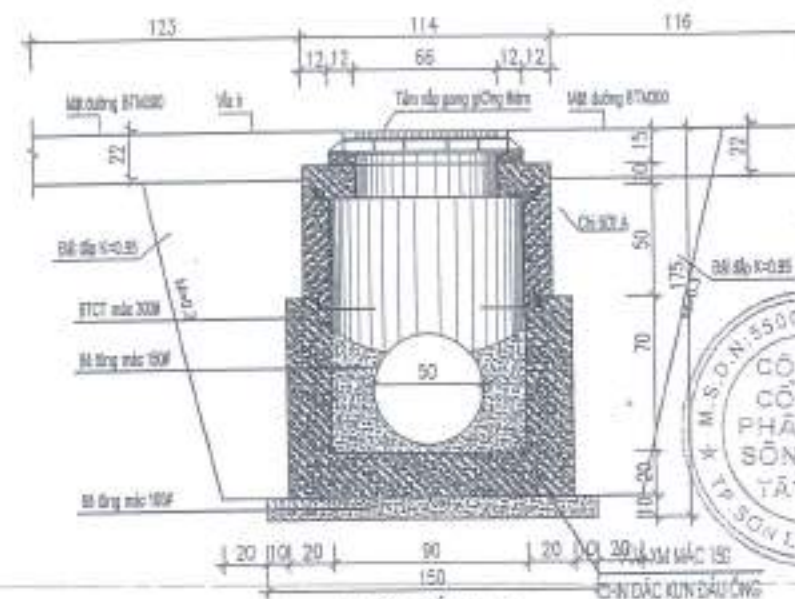
Bộ hồ sơ:
Hoàn thành:
Tỷ lệ:
Xí hiệu bản vẽ:
PBSL/XD-TN-09



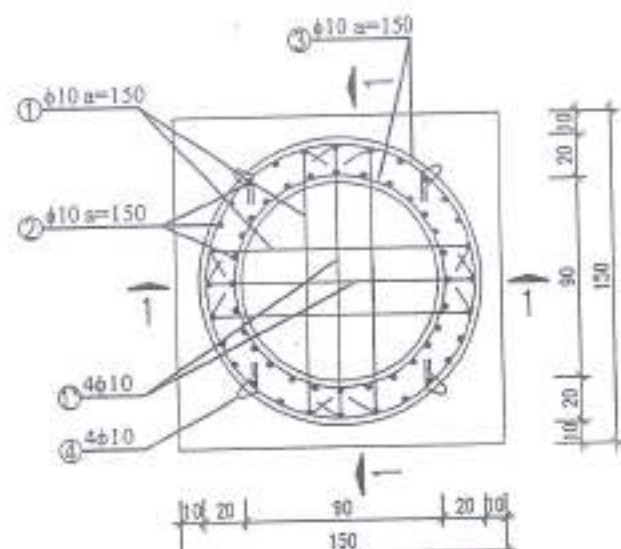
MẶT BẰNG HỐ GA



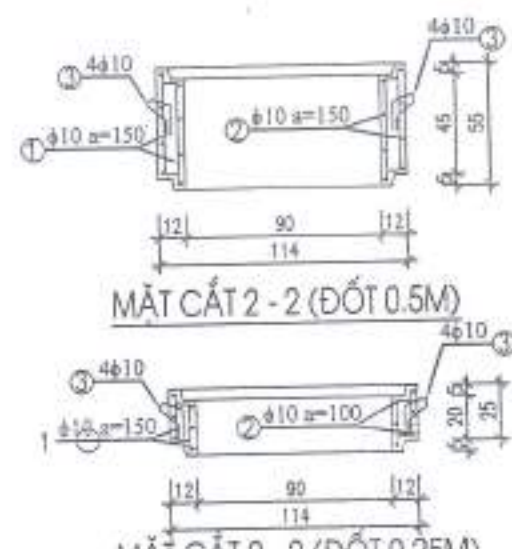
MẶT CẮT A-A



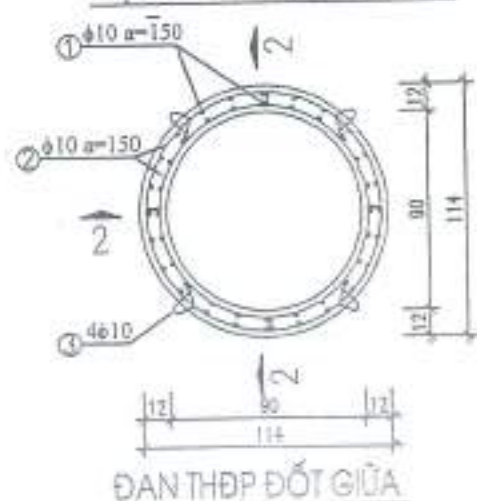
MẶT CẮT B-B



ĐÀN THÉP ĐÓT ĐỢ HỐ GA



MẶT CẮT 2-2 (ĐÓT 0.25M)



MẶT CẮT 2-2 (ĐÓT 0.5M)



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT DƯNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập
Chỉ huy trưởng công trình
Tư vấn giám sát trưởng
Hoàn thành
Tự vấn giám sát trưởng
Hoàn thành
Tự vấn giám sát trưởng

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

Ghi chú:

Chủ đầu tư
CÔNG TY CP PHÂN BÓN SÔNG LAM
TÂY BẮC

Địa chỉ: x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Dự án: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Cơ quan thiết kế:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ TÂY BẮC



Chủ nhiệm dự án:

KTS: CAO THIẾT LINH

Chủ trì thiết kế:

KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Thời kỳ:

KS: NGUYỄN HỮU TUẤN

Kiểm tra:

KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Tên bản vẽ:

CHI TIẾT HỐ GA

Bộ hồ sơ:

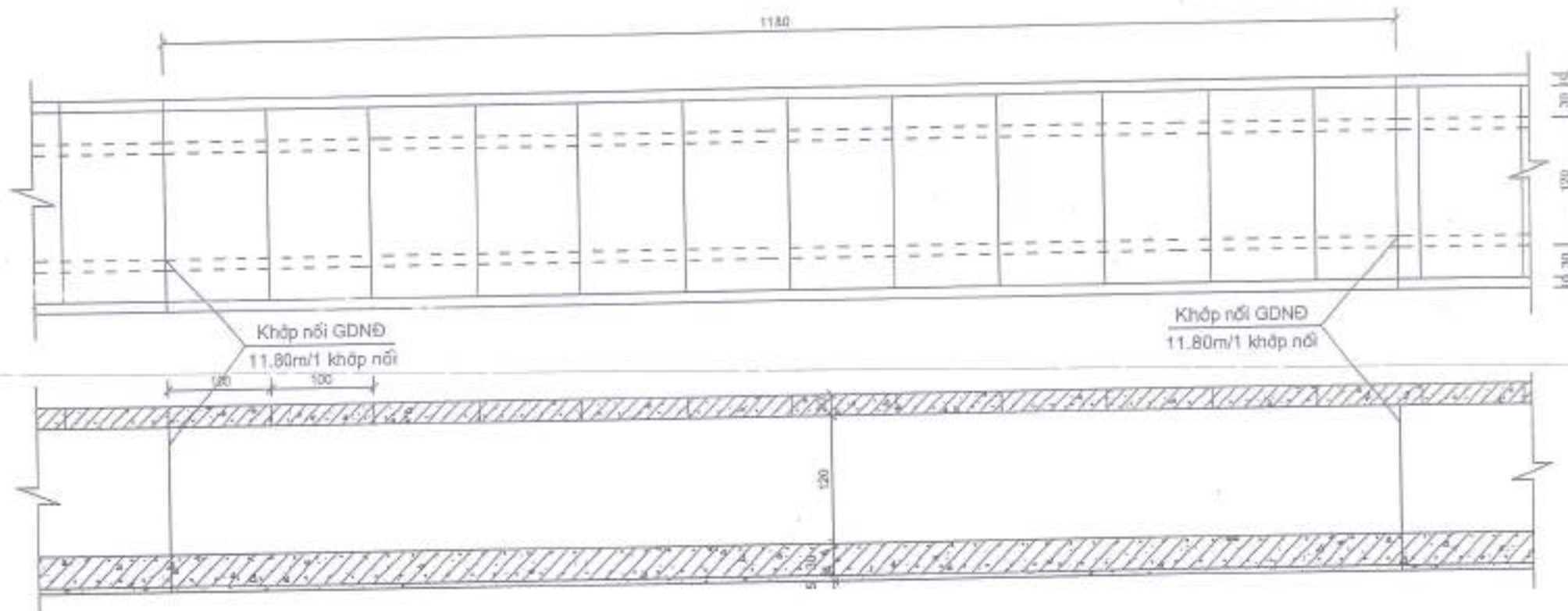
Hoàn thành

Tự vẽ:

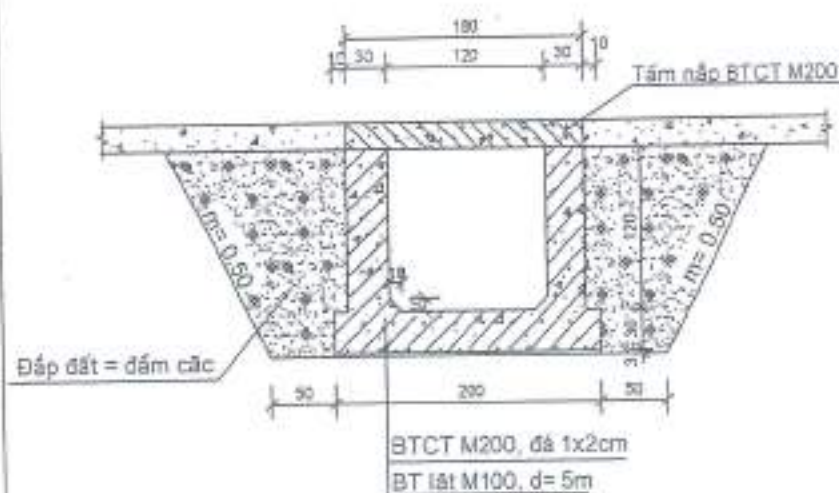
Kí hiệu bản vẽ

PBSL/XD-TN-09

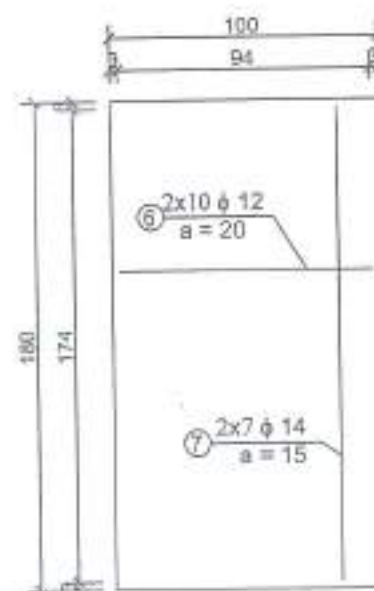
MẶT BẰNG RÃNH THOÁT NƯỚC; (TL 1 / 50)



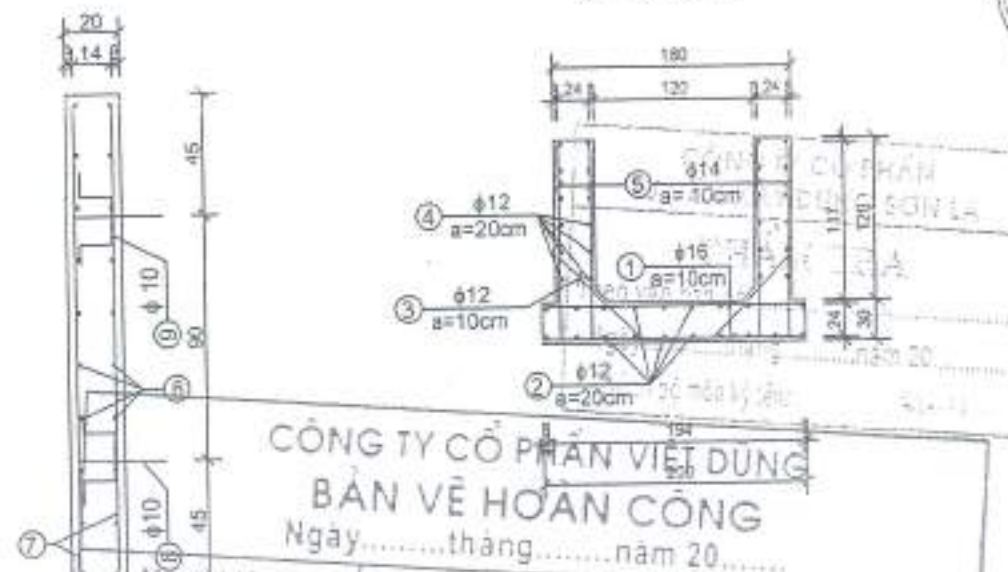
MẶT CẮT RÃNH BXH=(1.2x1.2)M (TL: 1/ 50) (L = 200.0M)



CT TẤM NẮP RÃNH TL: 1/ 25; (200 tấm)



CỐT THÉP RÃNH BXH=(1.2x1.2)M (TL: 1/ 50) (L = 200.0M)



Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

Ghi chú:

Chủ đầu tư:
CÔNG TY CP PHẦN BÓN SÔNG LAM
TÂY BẮC

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

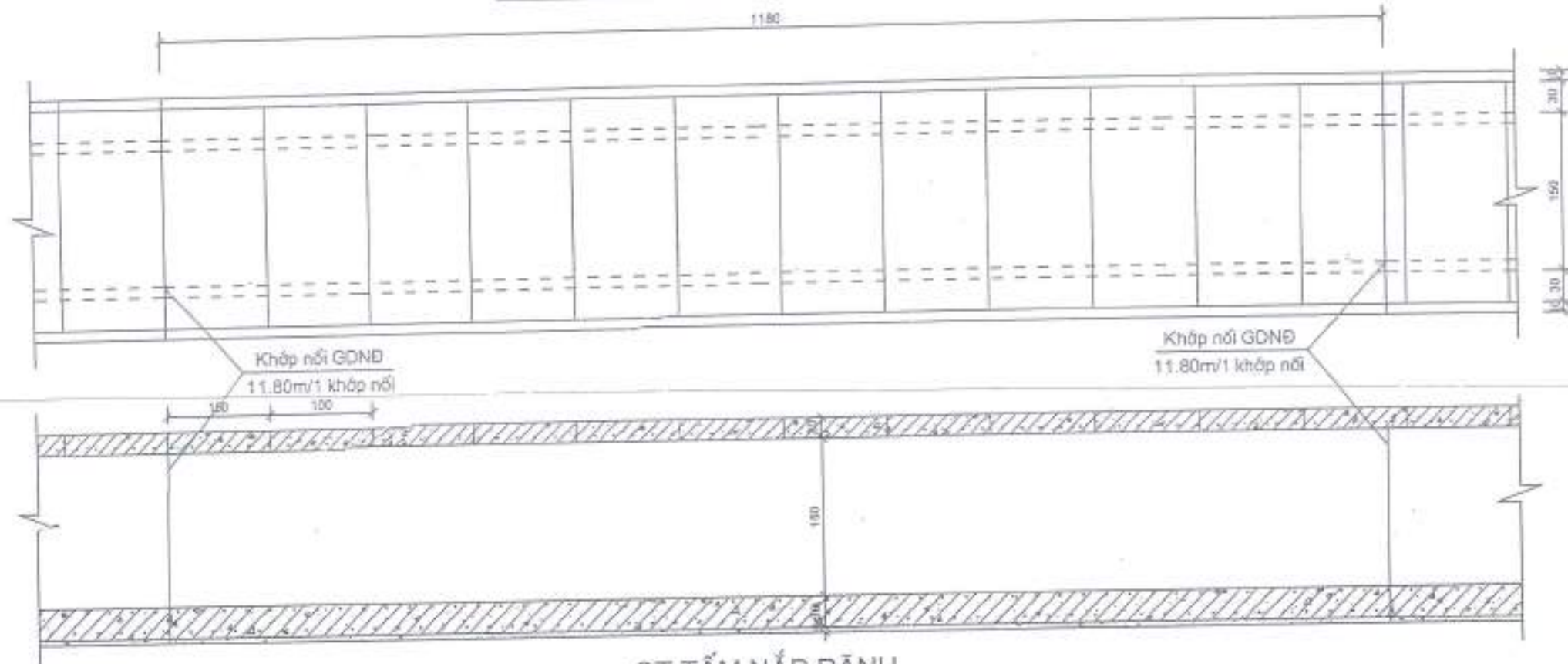
Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

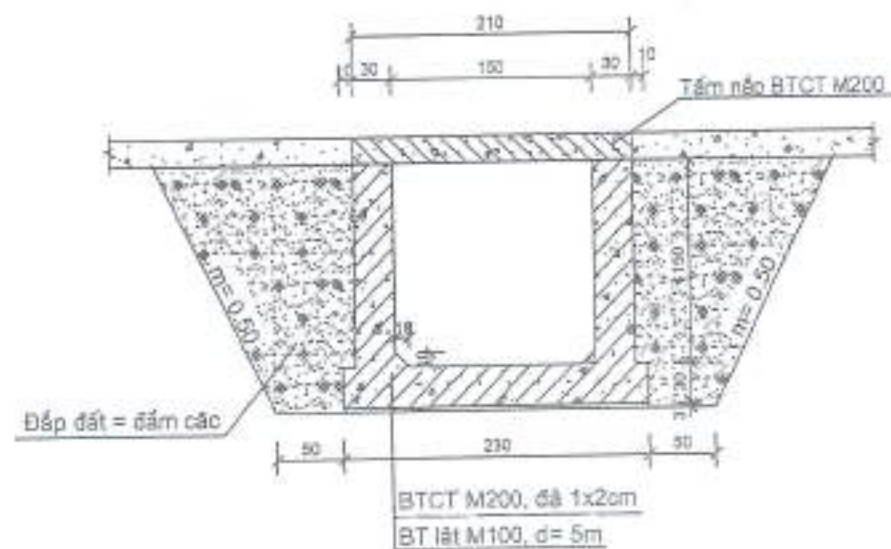
Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Địa chỉ: X. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

MẶT BẰNG RĂNG THOÁT NƯỚC: (TL: 1 / 50)



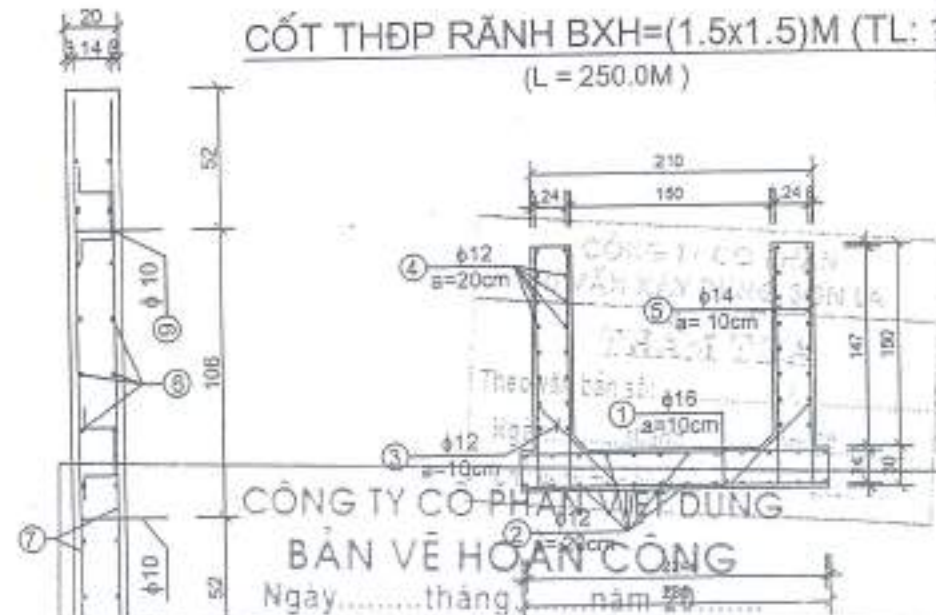
MẶT CẮT RĂNG BXH=(1.5x1.5)M (TL: 1/ 50) (L = 250.0M)



CT TẤM NẮP RĂNG



CỐT THÉP RĂNG BXH=(1.5x1.5)M (TL: 1/ 50) (L = 250.0M)



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT DUNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 2020

Người lập: [Signature]
Chỉ huy trưởng công trình hoặc giám đốc dự án: [Signature]
Tư vấn giám sát trưởng: [Signature]

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

Ghi chú:

Chủ đầu tư:
CÔNG TY CP PHẦN BÓN SÔNG LAM
TÂY BẮC
Địa chỉ: x. Mường Bón - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Điện thoại: 031 355 00 63
Fax: 031 355 00 64
Email: info@phannsonglam.com.vn
Website: www.phannsonglam.com.vn

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Địa chỉ:
x. Mường Bón - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Cơ quan thiết kế:
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ TÂY BẮC
Địa chỉ: Đường Trường Chinh, thành phố Sơn La
Điện thoại: 031 355 00 63
Fax: 031 355 00 64
Email: info@quocte-taybac.com.vn
Website: www.quoc-te-tay-bac.com.vn

NGUYỄN XUÂN THIÊN

Chủ nhiệm dự án: [Signature]
KTS: CAO THIỀU LINH

Chủ trì thiết kế: [Signature]
KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Thi công: [Signature]
KS: NGUYỄN HỮU TUẤN

Kiểm tra: [Signature]
KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Tên bản vẽ:
CHI TIẾT RĂNG THOÁT NƯỚC
KT: 1,5x1,5 m

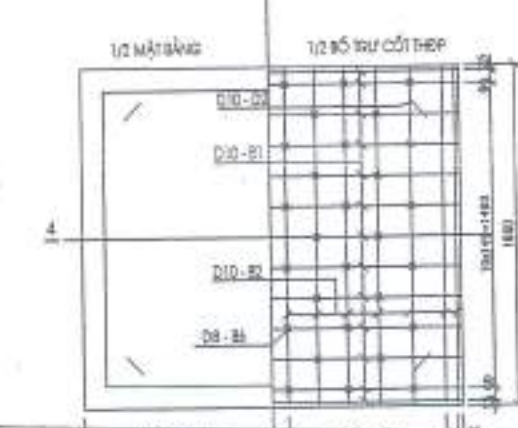
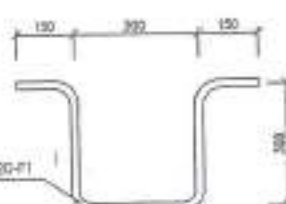
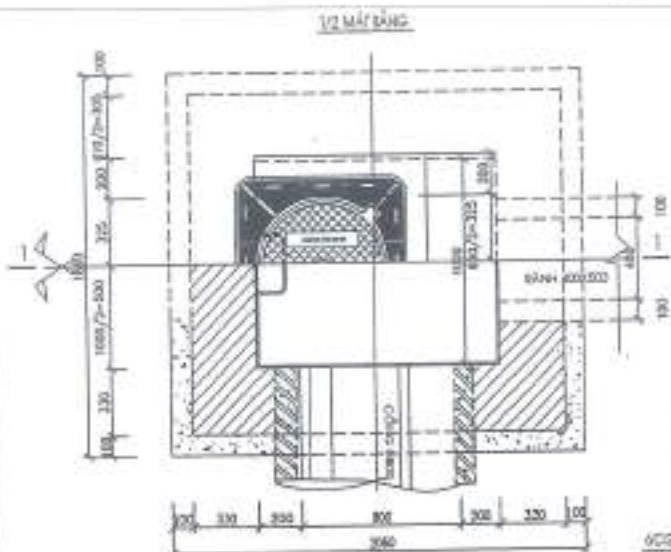
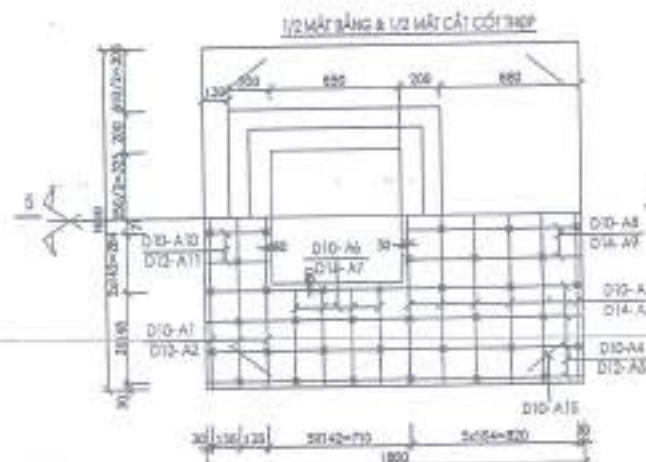
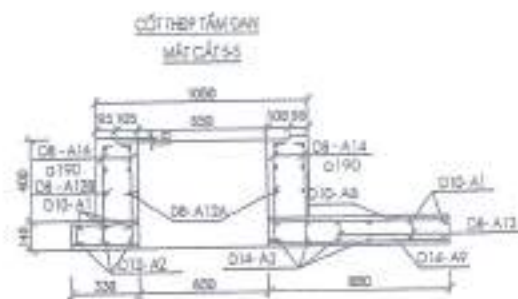
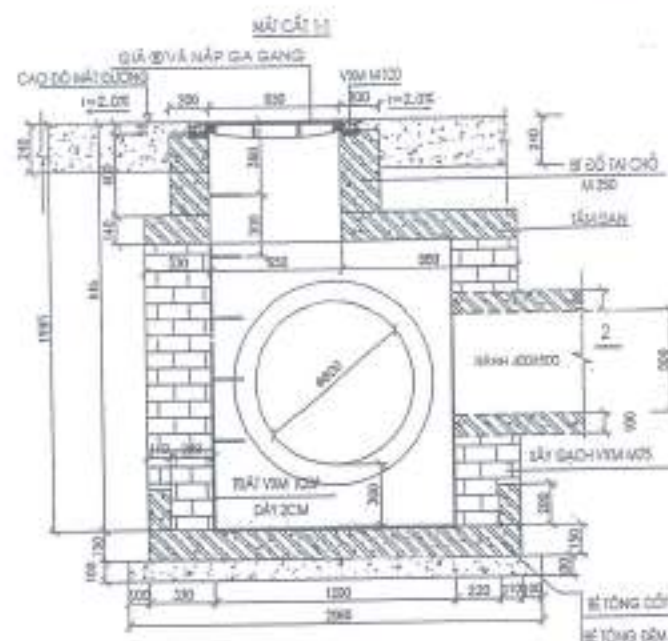
Bộ hồ sơ:

Hoàn thành:

Tỷ lệ: 1/50

Ký hiệu bản vẽ: PBSL/XD-TN-14

CHI TIẾT HỒ GA THU NƯỚC



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP									
STT	TH	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHU VI (mm)	TRỌNG LƯỢNG (kg)		
1	A1	1820	10	1820	8	14560	8.96		
2	A2	1820	12	1820	8	14560	10.72		
3	A3	1820	14	1820	8	14560	12.48		
4	A4	1820	16	1820	8	14560	14.24		
5	A5	1820	18	1820	8	14560	16.00		
6	A6	1820	20	1820	8	14560	17.76		
7	A7	1820	22	1820	8	14560	19.52		
8	A8	1820	24	1820	8	14560	21.28		
9	A9	1820	26	1820	8	14560	23.04		
10	A10	1820	28	1820	8	14560	24.80		
11	A11	1820	30	1820	8	14560	26.56		
12	A12	1820	32	1820	8	14560	28.32		
13	A13	1820	34	1820	8	14560	30.08		
14	A14	1820	36	1820	8	14560	31.84		
15	A15	1820	38	1820	8	14560	33.60		
16	A16	1820	40	1820	8	14560	35.36		

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP									
STT	TH	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHU VI (mm)	TRỌNG LƯỢNG (kg)		
1	B1	1820	10	1820	28	24640	21.28		
2	B2	1820	12	1820	28	24640	25.54		
3	B3	1820	14	1820	28	24640	29.80		
4	B4	1820	16	1820	28	24640	34.06		
5	B5	1820	18	1820	28	24640	38.32		
6	B6	1820	20	1820	28	24640	42.58		
7	B7	1820	22	1820	28	24640	46.84		
8	B8	1820	24	1820	28	24640	51.10		
9	B9	1820	26	1820	28	24640	55.36		
10	B10	1820	28	1820	28	24640	59.62		
11	B11	1820	30	1820	28	24640	63.88		
12	B12	1820	32	1820	28	24640	68.14		
13	B13	1820	34	1820	28	24640	72.40		
14	B14	1820	36	1820	28	24640	76.66		
15	B15	1820	38	1820	28	24640	80.92		
16	B16	1820	40	1820	28	24640	85.18		

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP									
STT	TH	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHU VI (mm)	TRỌNG LƯỢNG (kg)		
1	C1	1820	10	1820	28	24640	21.28		
2	C2	1820	12	1820	28	24640	25.54		
3	C3	1820	14	1820	28	24640	29.80		
4	C4	1820	16	1820	28	24640	34.06		
5	C5	1820	18	1820	28	24640	38.32		
6	C6	1820	20	1820	28	24640	42.58		
7	C7	1820	22	1820	28	24640	46.84		
8	C8	1820	24	1820	28	24640	51.10		
9	C9	1820	26	1820	28	24640	55.36		
10	C10	1820	28	1820	28	24640	59.62		
11	C11	1820	30	1820	28	24640	63.88		
12	C12	1820	32	1820	28	24640	68.14		
13	C13	1820	34	1820	28	24640	72.40		
14	C14	1820	36	1820	28	24640	76.66		
15	C15	1820	38	1820	28	24640	80.92		
16	C16	1820	40	1820	28	24640	85.18		

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP									
STT	TH	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHU VI (mm)	TRỌNG LƯỢNG (kg)		
1	D1	1820	10	1820	28	24640	21.28		
2	D2	1820	12	1820	28	24640	25.54		
3	D3	1820	14	1820	28	24640	29.80		
4	D4	1820	16	1820	28	24640	34.06		
5	D5	1820	18	1820	28	24640	38.32		
6	D6	1820	20	1820	28	24640	42.58		
7	D7	1820	22	1820	28	24640	46.84		
8	D8	1820	24	1820	28	24640	51.10		
9	D9	1820	26	1820	28	24640	55.36		
10	D10	1820	28	1820	28	24640	59.62		
11	D11	1820	30	1820	28	24640	63.88		
12	D12	1820	32	1820	28	24640	68.14		
13	D13	1820	34	1820	28	24640	72.40		
14	D14	1820	36	1820	28	24640	76.66		
15	D15	1820	38	1820	28	24640	80.92		
16	D16	1820	40	1820	28	24640	85.18		

SỬA ĐỔI		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

GH CHÚ:

Chủ đầu tư:
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓN SÔNG LAM
TÂY BẮC

Địa chỉ: x. Mường Bón - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Điện thoại: 0313 888 888
Email: bongson@bongson.com.vn

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
Dự án: x. Mường Bón - H. Mai Sơn - T. Sơn La
Cơ quan thiết kế:
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ TÂY BẮC



Địa chỉ: 50/2 Đường Trưng Trắc, thành phố Sơn La
Quận Tây Bắc
Giám đốc: NGUYỄN XUÂN THIÊN

Chủ nhiệm dự án: KTS: CAO THIẾT LINH

Chủ trì thiết kế: KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Thuyết minh: KS: NGUYỄN HỮU TUÂN

Kiểm tra: KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Tên bản vẽ: CHI TIẾT HỒ GA THU NƯỚC

Bộ hồ sơ: Hoàn thành

Tỷ lệ: 1/50
K. hiệu bản vẽ: PBSL/XD-TN-20

- THUYẾT MINH:
- 1-GA THÂM Q1800 ĐỂ LẮM GA THÂM CỐNG THÂM Đ-1800 GIỮA VỚI RÀNH THOÁT NƯỚC
 - 2-TÀI TRỌNG THỜI KỲ: HL93
 - 3-VẬT LIỆU: TẤM DẠM BÊ TÔNG M250, ĐÓ GA BÊ TÔNG M250 ĐÚC SẴN, CỐ GA BÊ TÔNG ĐÓ TÀI CHỖ M250
 - 4-TƯỜNG XÂY GẠCH ĐẮC VHM M75, TRÁT TƯỜNG VHM M100 DÂY 2CM
 - 5-NÚP GIỜNG BĂNG GANG ĐÚC LÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP THÂN VUÔNG
 - 6-CỐT THÉP DÙNG THÉP D=10MM, MẮC C840/V, D < 10MM MẮC C8240-T THEO TCVN 651:2008
 - 7-KÍCH THƯỚC XÂY VÀ TRÁT TỰ THEO HTH ĐỂ TÍNH LẠI CHO PHÙ HỢP VỚI CHỈ CAO CỤ THỂ TỪNG GA
 - 8-KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM

Người lập: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Chỉ huy trưởng công trình hoặc giám đốc dự án (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

THAM TRA
Theo văn bản số: ...

Ngày: ... tháng ... năm 20...

CHỖ DÁN CHỮ CHỮ ĐÓNG

CHỖ DÁN CHỮ CHỮ ĐÓNG

CHỖ DÁN CHỮ CHỮ ĐÓNG

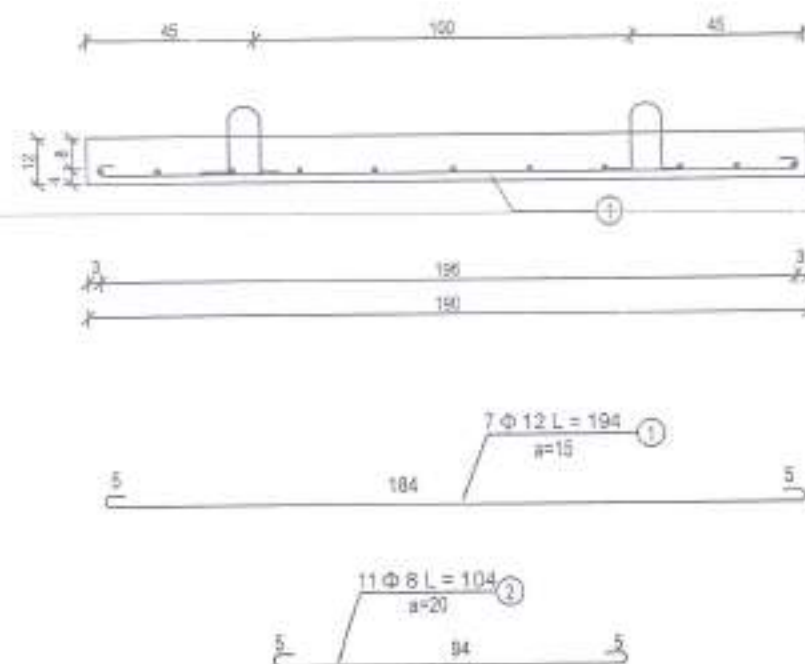
CHỖ DÁN CHỮ CHỮ ĐÓNG

CHỖ DÁN CHỮ CHỮ ĐÓNG

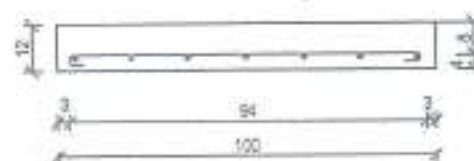
CHỖ DÁN CHỮ CHỮ ĐÓNG

CHỖ DÁN CHỮ CHỮ ĐÓNG

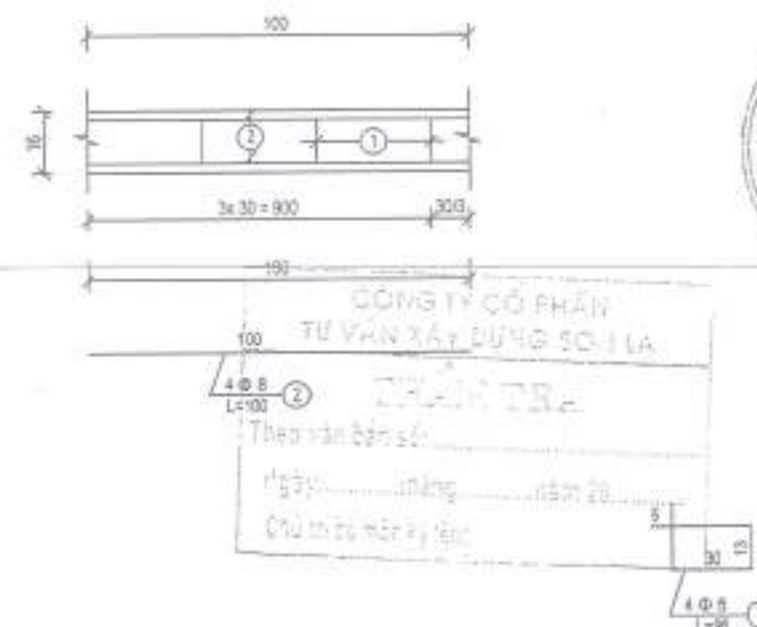
CẮT DỌC TẤM ĐẠN (TL1/20)



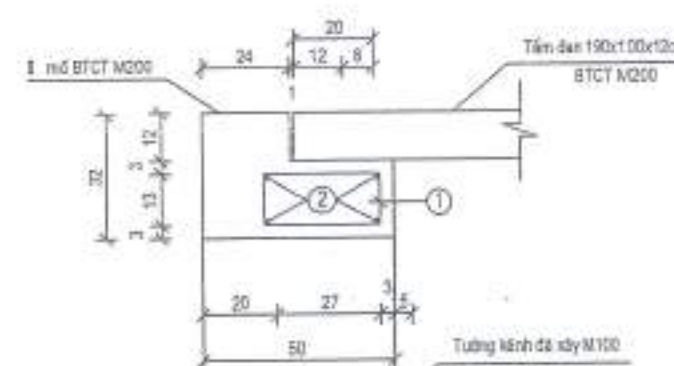
CẮT NGANG TẤM ĐẠN (TL1/20)



CẮT DỌC MỐ TÍNH CHO 1M (TL: 1/25)



CẮT NGANG MỐ (1/25)



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT ĐỒNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập (Ghi rõ họ tên chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình hoặc giám đốc dự án (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên chức vụ, chữ ký)
<i>Nguyễn Xuân Thiện</i>	<i>Trần Văn Tuấn</i>	<i>Trần Văn Tuấn</i>

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

Ghi chú:

Chủ đầu tư:
CÔNG TY CP PHẦN BÓN SÔNG LAM
TÂY BẮC

Địa chỉ: x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Đối tượng: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc

Loại công trình: Hệ thống thoát nước

Địa chỉ: x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Cơ quan thiết kế:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ TÂY BẮC

Địa chỉ: 85-99 Đường Trưng Chinh, thành phố Sơn La

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bản vẽ:

NGUYỄN XUÂN THIÊN

Chủ nhiệm dự án:

KTS: CAO THIẾT LINH

Chủ trì thiết kế:

KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Thời kỳ:

KS: NGUYỄN HỮU TUÂN

Kiểm tra:

KS: NGUYỄN XUÂN HOÀN

Tên bản vẽ:

CẦU TẠO TẤM ĐẠN

KT 190X100X12CM

Bộ hồ sơ:

Hoàn thành:

Tỷ lệ:

Kí hiệu bản vẽ

PBSL/XD-TN-21



VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
(Hệ tọa độ VN2000)

Tên điểm	Vị trí quan trắc	X(m)	Y(m)
KK1	Ông khói lò sấy dây chuyền sản xuất phân hữu cơ	2348785	509901
KK2	Ông khói lò hơi	2348785	510007
KK3	Ông khói lò sấy 1 dây chuyền sản xuất phân vô cơ	2348785	510021
KK4	Ông khói lò sấy 2 dây chuyền sản xuất phân vô cơ	2348738	510042

Bảng tọa độ điểm góc khu vực chiếm đất dự án
(Hệ tọa độ VN2000)

Tên điểm	X(m)	Y(m)	Tên điểm	X(m)	Y(m)
RG1	2.348.810,36	510.023,19	RG11	2.348.818,05	510.078,79
RG2	2.348.707,03	510.155,00	RG12	2.348.869,28	510.148,86
RG3	2.348.710,88	510.155,60	RG13	2.348.900,84	510.125,78
RG4	2.348.713,46	510.153,71	RG14	2.348.849,61	510.055,71
RG5	2.348.718,00	510.154,41	RG15	2.348.850,25	510.051,59
RG6	2.348.742,79	510.188,32	RG16	2.348.869,34	510.037,84
RG7	2.348.786,44	510.156,53	RG17	2.348.876,16	510.024,86
RG8	2.348.786,83	510.154,44	RG18	2.348.854,88	509.995,57
RG9	2.348.759,92	510.117,83	RG19	2.348.905,74	509.958,39
RG10	2.348.813,93	510.078,15	RG20	2.348.833,72	509.859,89

LIỆT KÊ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH											
TT	VỊ SỞ	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)	DIỆN TÍCH (m ²)	GHI CHÚ	TT	VỊ SỞ	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (m)	DIỆN TÍCH (m ²)	GHI CHÚ
TỔNG DIỆN TÍCH				81.888		9	09	Trạm cân BGT	17,40x3,40	59,20	Xây mới
1	01	Nhà bảo vệ cổng chính	6,70x4,10	39,67	Xây mới	10	10	Bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ	-	6.573	Xây mới
2	02	Nhà bảo vệ cổng phụ, cần	6,70x4,10	39,67	Xây mới	11	11	Nhà công vụ và phụ trợ (2 tầng)	36,0x14,5	522	Xây mới
3	03	Nhà văn phòng (3 tầng)	-	725,0	Xây mới	12	12	Trạm bơm nước	9,0x3,6	32,40	Xây mới
4	04	Hồ điều hòa	-	1.379	Xây mới	13	13	Bể chứa nước ngầm 320m ³	9,3x9,3	86,49	Xây mới
5	05	Trạm biến áp 35/0,4kV - 3500kVA	6,0x6,0	46,0	Xây mới	14	14	Sân thể thao	21,0x12,7	266,70	Xây mới
6	06	Nhà xưởng 1 - Dây chuyền sản xuất phân bón NPK	192,0x48,0	9.216	Xây mới	15	15	Nhà xưởng sản xuất phụ gia	24,0x38,0	914	Xây mới
7	07	Nhà xưởng 2 - Dây chuyền sản xuất phân bón NPK	192,0x48,0	9.216	Đầu tư GBT	16	16	Nhà cơ khí và kho chứa chất thải nguy hại	24,0x42,0	1.008	Xây mới
8	08	Nhà xưởng sản xuất phân hữu cơ và nhà kho thành phẩm	48,0x104,0	4.992	Xây mới	17	17	Nhà bảo vệ cổng phụ 2	3,0x3,0	9,00	Xây mới
						18	18	Bãi ủ nguyên liệu Hữu cơ	-	4.540	Xây mới
						19	19	Tường rào loại 1	-	87,17	Xây mới

KÝ HIỆU:	
	Đường ô tô
	Thảm cỏ, cây xanh
	Khu sân nền bê tông
	Tường rào
	Mặt nước hồ điều hòa
	Khu sân nền khu văn phòng
	Khu sân bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ
	Mái che di động cho bãi tập kết nguyên liệu hữu cơ

Sửa đổi		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		

Ghi chú:

Chủ đầu tư:
**CÔNG TY CP SẢN PHẨM SÔNG LAM
TÂY BẮC**

Địa chỉ: x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Dự án: Nhà máy phân bón Sông Lam Tây
Bắc

Hạng mục:

QUAN TRẮC

Địa chỉ:
x. Mường Bon - H. Mai Sơn - T. Sơn La

Tên bản vẽ
**QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG**

Bộ số:
Hoàn thành:/2022
Tỷ lệ:
Ký hiệu bản vẽ
PBSL/XD-TMB-01